

CẢNH CỬA MỞ RỘNG

VỚI LỜI GIỚI THIỆU CỦA
NHÀ TOÁN HỌC NGÔ BẢO CHÂU
VÀ NHÀ VĂN PHAN VIỆT

Chết ở Venice

Tiểu thuyết

Thomas Mann

Nguyễn Hồng Văn dịch



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ



Tủ sách hợp tác giữa
**nhà toán học Ngô Bảo Châu,
nhà văn Phan Việt
với Nhà xuất bản Trẻ**

Tủ sách CÁNH CỬA MỞ RỘNG được thực hiện nhằm mục đích giới thiệu những đầu sách có giá trị của thế giới và trong nước đến bạn đọc Việt Nam, đặc biệt là bạn đọc trẻ, góp phần thúc đẩy việc đọc sách, tinh thần hiếu học, coi trọng tri thức và những giá trị sống. Các tựa sách trong tủ do nhà toán học Ngô Bảo Châu và nhà văn Phan Việt tuyển chọn và giới thiệu.

Tủ sách được phân thành ba mảng: văn học, khoa học xã hội - kinh tế, và khoa học tự nhiên; trước mắt cấu tạo tủ sách gồm 80% các sách có khả năng tiếp cận đông đảo bạn đọc và 20% cho các sách chuyên ngành.

Thomas Mann

Nguyễn Hồng Vân dịch

**Chết
ở Venice**

DER TOD IN VENEDIG

Tiểu thuyết

VỚI LỜI GIỚI THIỆU CỦA
NHÀ TOÁN HỌC **NGÔ BẢO CHÂU** VÀ NHÀ VĂN **PHAN VIỆT**

NHÀ XUẤT BẢN TRÉ

epub©vctvegroup
28-11-2017

Ebook miễn phí tại : www.Sachvui.Com

Chết ở Venice là kiệt tác của nhà văn Đức đoạt giải Nobel văn học Thomas Mann.

CÁC ĐOẠN TRÍCH

“Vẻ đẹp hoàn hảo của cậu bé làm Aschenbach sửng sốt. Gương mặt cậu - trắng muốt và mang một vẻ kín đáo thanh tao, được mái tóc óng vàng như mặt ong bao quanh, với sống mũi thẳng thanh tú, cái miệng đáng yêu chúm chím, sắc mặt nghiêm trang và thánh thiện làm ta liên tưởng đến những tác phẩm điêu khắc Hy Lạp thời kỳ hoàng kim nhất...”

“Không có gì lạ lùng, khó xử hơn mối quan hệ giữa hai người chỉ biết mặt nhau - dù họ gặp gỡ, quan sát nhau mỗi ngày, có khi mỗi giờ, nhưng vì phép tắc xã giao bó buộc hay tính khí gàn dở thất thường mà vẫn buộc lòng làm bộ đứng đưng như người xa lạ, không chào không hỏi. Giữa họ nảy sinh cảm giác hồi hộp, nỗi hiếu kỳ cao độ, sự bồn loạn vì nhu cầu tìm hiểu và trao đổi không được thỏa mãn, bị đè nén một cách thiếu tự nhiên, đặc biệt còn có phần nể trọng một cách căng thẳng. Vì một người chỉ yêu quý và tôn thờ người khác chừng nào họ còn chưa có khả năng phán xét về nhau, và khao khát tương tư là kết quả của sự hiểu biết không đầy đủ”.

“Đó là Venice, thành phố với vẻ đẹp phỉnh phờ khả nghi, nửa thân thoai, nửa cạm bẫy, mà trong bầu không khí ngọt ngào của nó đã có một thời nghệ thuật đua nhau nở rộ thừa mứa trên mọi lĩnh vực, gợi cảm hứng cho người nhạc sĩ^[1] tạo ra những âm thanh huyền ảo ru ngủ và kêu gọi hồn người”.

LỜI GIỚI THIỆU

Một chủ đề được lặp đi lặp lại trong tác phẩm của Thomas Mann là sự xung đột giữa Apollo và Dionisos, hai nhân vật của thần thoại Hy Lạp. Nếu như Apollo, thần của ánh sáng, tượng trưng cho cái đẹp đã được định dạng, trong cấu trúc và trong trật tự thì Dionisos, thần của rượu vang, được hộ tống bởi một bầy người cuộn trong da thú, chìm đắm trong những điệu nhạc, tiếng rú của đục vọng, tượng trưng cho sức sống vĩnh cửu của bản năng. Đối với Nietzsche, sự xung đột này là nhựa sống, là máu cho sự hình thành của tác phẩm nghệ thuật. Nhưng bên cạnh đó, nó làm hủy hoại cuộc sống của người làm ra tác phẩm.

Gustav Aschenbach, giáo sĩ trang nghiêm của Apollo đã không cưỡng lại được ham muốn nhập vào bầy người hoang dại đi theo Dionisos, đánh đổi sự khả kính lấy sự hủy hoại của chính bản thân mình. *Chết ở Venice* là một trong những cuốn sách hay nhất viết về tình yêu dù cho ở đây tình yêu hoàn toàn tuyệt vọng và mang đầy mặc cảm tội lỗi.

NGÔ BẢO CHÂU & PHAN VIỆT

LỜI NGƯỜI DỊCH

Thomas Mann (1875-1955) là văn hào Đức nổi tiếng đầu thế kỷ XX với bút pháp hiện thực sinh động, ẩn giấu nụ cười mỉa mai thâm thúy. Mùa hè năm 1911 Thomas Mann đến nghỉ mát ít ngày trên hòn đảo Lido thuộc Venice, và một loạt sự kiện cùng ấn tượng ở đó đã tạo cảm hứng cho nhà văn sáng tác truyện dài này. Đầu tiên chỉ là một ý tưởng hoàn toàn ngẫu hứng, nhưng rồi câu chuyện tự nó có sức sống riêng, tự nó phát triển theo lôgic của riêng mình để dẫn đến một kết cục tất yếu. Cũng như đa số các tác phẩm của Thomas Mann, *Chết ở Venice* không phải là một cốt truyện hoàn toàn hư cấu: gã lái đò gondola kỳ quái, cậu bé Tadzio và cả gia đình, chuyến đi không thành vì hành lý bị thất lạc, trận dịch tả, anh nhân viên văn phòng du lịch thật thà, tay nghệ sĩ hát rong hung ác - tất cả đều có thật ngoài đời, nhà văn chỉ cần đặt vào trong tác phẩm. Cả nhân vật chính Aschenbach cũng có hình mẫu thực, trong bài nói chuyện *On Myself* đọc trước sinh viên trường đại học Princeton ở Mỹ năm 1940 tác giả đã thú nhận, ban đầu ông dự định viết khác hẳn. Ông muốn viết về mối tình muộn màng Goethe (1749-1832) dành cho cô Ulrike von Levetzow, khai thác đề tài một vĩ nhân khi về già sa ngã vì tình yêu với một cô gái trẻ. Nhưng rồi ông chưa dám đụng đến thần tượng Goethe vì sợ mình không đủ sức. Vậy nên ông đã dựng lên nhân vật chính là một nhà văn hiện đại, một nghệ sĩ nhạy cảm, tiêu biểu cho đạo đức và đạt đến vinh quang nhờ lao động. Tướng mạo bề ngoài của Gustav von Aschenbach ông mượn của Gustav Mahler (1860-1911), một nhạc sĩ lớn người Áo khi ấy vừa từ chuyến lưu diễn Mỹ trở về và đang lâm bệnh nặng. Chủ đề chính của ông vẫn là sức công phá mãnh liệt của tình yêu, khi mù quáng lao theo dự vọng đã hủy diệt cả một cuộc đời nền nếp, một sự nghiệp tưởng chừng vững như bàn thạch. Câu chuyện được kể với nhiều ẩn dụ, giàu hình ảnh và tính

nhạc, kết cấu rành mạch với năm chương sách như năm màn của một vở bi kịch cổ điển: chương một dẫn dắt vào đề, chương hai giới thiệu nhân vật chính, chương ba giới thiệu bối cảnh xảy ra sự việc, chương bốn diễn biến sự việc và chương năm đạt đến cao trào với kết cục bi thương. Tác giả cho ta làm quen với một Aschenbach đạo cao đức trọng, đã đạt tới tột đỉnh vinh quang, có những sáng tác “chính thống” và “mô phạm” được đưa vào sách giáo khoa để giáo dục thanh thiếu niên. Ngôn ngữ trang trọng với “phong cách bậc thầy” được nhấn mạnh một cách cố ý, để sau đó dần dần càng làm nổi bật từng bước sa ngã của Aschenbach, đánh mất phẩm giá, trở nên lố bịch và vô liêm sỉ. Chắc chắn tác giả có nhiều mối tương đồng với nhân vật chính, tiểu sử Thomas Mann có rất nhiều điểm trùng hợp với cuộc đời Aschenbach, nội dung tác phẩm cũng là mối ưu tư của tác giả, diễn giải nội tâm Aschenbach cũng là cách ông giải quyết xung đột giữa tư tưởng thị dân tiểu tư sản và nhân sinh quan nghệ thuật của chính mình. Nhưng Thomas Mann không phải là Aschenbach. Có một điều khác biệt căn bản, mấu chốt của vấn đề, đó là sau mấy ngày nghỉ ngơi trên đảo Lido Thomas Mann đã trở về với công việc sáng tác, với “cuộc vật lộn hằng ngày” của mình. Ông chỉ để trí tưởng tượng tiếp tục bay bổng tìm cách trả lời câu hỏi, nếu nhà văn buông thả theo cảm xúc, lơ là nghĩa vụ và trách nhiệm, thì kết cục sẽ ra sao? Ông nhìn thấy kết cục thảm hại của Aschenbach, ông biết cách giữ mình không để rơi vào kết cục như thế, nhưng lòng ông vẫn day dứt không yên vì ông biết mình đã phải đánh đổi những gì.

Như vậy *Chết ở Venice* là sự tiếp nối những tác phẩm trước của Thomas Mann, cũng như Hanno trong *Gia đình Buddenbrook* (1901), spinell trong *Tristan* (1903) và Tonio Kröger trong tác phẩm cùng tên (1903), nhân vật Aschenbach bị giằng xé trong mối xung đột nội tâm giữa nghệ thuật và cuộc sống. Bằng những hình tượng này, Thomas Mann đã đưa cuộc đời nghệ sĩ của mình ra mổ xẻ, cuộc đời “một thường dân lạc lối vào nghệ thuật, một lãng tử giang hồ luôn hoài vọng mái ấm gia đình, một nghệ sĩ không ngừng bị lương tâm cắn rứt”, như nhân vật Tonio Kröger của ông tự

nhận. Bây giờ xin mời độc giả lần tìm vào những ngõ ngách nội tâm của nhà văn Aschenbach, ở nhiều khía cạnh cũng là của chính Thomas Mann...

Hannover, tháng Giêng 2012

NGUYỄN HỒNG VÂN

CHƯƠNG I

Vào một buổi chiều xuân năm 19..., cái năm đã đem bộ mặt dữ dằn hăm dọa lục địa chúng ta từ vài tháng nay^[2], Gustav Aschenbach - hay ngài *von* Aschenbach như danh xưng chính thức của ông từ khi sang tuổi ngũ tuần - một mình rời khỏi căn hộ ở phố Prinz-Regent, München^[3], định đi tản bộ một vòng. Quá căng thẳng vì công việc lao tâm khổ tứ suốt buổi sáng, một công việc yêu cầu đầu óc phải tinh tế, tỉnh táo, mạch lạc và chuẩn xác, sau bữa ăn trưa nhà văn vẫn bị cuốn theo đà quay của cái động cơ sáng tạo trong nội tâm, cái “*motus animi continuus*”^[4] mà Cicero^[5] gọi là cốt lõi của thuật hùng biện, và không thể chớp mắt giây lát để xả hơi như mọi ngày - giấc ngủ trưa rất cần thiết cho tình trạng sức khỏe sa sút của ông hiện nay. Vì vậy sau tuần trà ông cất bước ra khỏi nhà với hy vọng không khí trong lành và sự vận động cơ thể sẽ hồi phục sức lực và mang lại cho ông một buổi tối hữu ích.

Bấy giờ mới đầu tháng Năm, nhưng sau mấy tuần mưa lạnh bỗng nắng ấm hửng lên chẳng khác gì chính hạ. Trong Công viên anh quốc, mặc dù cây cối mới vừa trở lộc non, không khí đã ngọt ngào như trời tháng Tám và khu ngoại ô gần đấy đông nườm nượp xe cộ cùng khách bộ hành. Aschenbach cứ để cho những con đường mòn lặng lẽ quanh hiu dẫn bước chân mình đi mãi tới khu *aumeister*, mới dừng gót đứng ngắm một hồi quang cảnh nhộn nhịp đầy màu sắc dân gian của các hàng quán ngoài trời và đám xe song mã, tứ mã đậu chầu chực bên rìa. Lúc trở về, ông theo con đường bên ngoài công viên băng qua cánh đồng phơi mình dưới ánh tà dương và đến đợi ở bến xe điện Nghĩa trang Bắc, chỗ có tuyến đường chạy thẳng vào trung tâm thành phố, để đón xe về nhà - phần vì ông đã thấm mệt, phần vì một cơn dông đang ùn lên trên trời bên mạn Föhring.

Khác với khu công viên, chung quanh bến xe điện vắng tanh không một

bóng người. Cả con lộ Föhringer Chausee lẫn đường phố Unger lát đá, nơi cặp đường ray bóng nhẫy đơn độc trườn về hướng schwabing, không đâu thấy dáng dấp một chiếc xe; kế đó, đằng sau hàng rào các xưởng tạc bia đá, nơi đủ loại thánh giá, bia mộ và tượng đá bày bán dàn thành nhiều dãy cứ y như một bãi tha ma không có người chết, cũng chẳng thấy động tĩnh gì; đối diện bên kia đường là ngôi nhà tang lễ xây theo trường phái Byzantine nằm im lìm trong nắng quái chiều hôm. Mặt tiền ngôi nhà được trang trí màu sắc tươi sáng với hình thánh giá kiểu Hy Lạp và các bức họa mang nội dung tôn giáo, thêm vào đó là mấy câu chữ khắc mạ vàng, trình bày cân đối, lời lẽ chọn lọc phù hợp cho cuộc đời bên kia thế giới, đại loại như: “Họ đã được đón nhận vào nước Chúa” hay là: “Ánh sáng vĩnh hằng soi đường cho họ”. Người khách đứng chờ xe tìm được vài phút giải khuây nghiêm túc khi đọc các câu châm ngôn ấy, và đang trầm tư mặc tưởng trong không gian thần bí mà những lời có cánh kia gợi mở ra, thì thành linh bị kéo trở về thực tại. Ông phát hiện thấy một người đàn ông đứng trên thềm nhà nguyện, giữa hàng cột cao trang trí mặt tiền, phía trên đôi quái vật dữ tợn bằng đá canh gác hai bên bậc tam cấp. Dung mạo người này có một vẻ khác thường đến nỗi luồng suy nghĩ của ông lập tức bị thu hút theo một chiều hướng hoàn toàn khác.

Chẳng rõ người lạ từ trong nhà nguyện bước ra qua cái cổng bằng đồng hay là từ ngoài phố đi vào lúc ông bất ý chẳng ngờ. Không lưu tâm nhiều đến khía cạnh này, Aschenbach ngả theo khả năng thứ nhất. Người kia tầm vóc trung bình, gầy gò, mặt nhẵn nhụi không một cọng râu và có chiếc mũi ngắn hếch đặc biệt khiến người ta để ý. Thuộc loại người tóc đỏ, anh ta cũng sở hữu một làn da đặc trưng của tuýp người này: trắng bệch và đầy tàn nhang. Rõ ràng anh ta không phải dân Bavaria; nội chiếc mũ rom vành rộng và phẳng trên đầu cũng đã đủ làm nổi bật cái dấu ấn xa lạ của người viễn xứ. Thêm vào đó anh ta khoác trên vai một cái tay nải thông dụng, mặc bộ đồ màu vàng vàng chùng như bằng dạ thô có đai lưng, tay trái kẹp sát mạng sườn một tấm áo khoác đi mưa màu xám, tay phải giữ một cây ba

toong đầu bịt sắt chống chênh chéch xuống đất, chân bắt chéo, hông tựa vào cán ba toong. Đầu ngẩng cao làm cho cục yết hầu nhọn hoắt nổi ra lồ lộ trên cần cổ gầy guộc như mọc lên từ cổ áo thể thao mở phanh, anh ta đôi đôi mắt nhạt màu viền hàng lông mi hung hung đỏ phóng cái nhìn soi mói ra xa, trên sơn căn hần sâu hai nếp nhăn cương nghị đứng song song chắn giữa cặp lông mày tương hợp lạ lùng với cái mũi hếch ngấn ngùn. Tư thế của người lạ - cũng có thể vì anh ta đứng trên cao nhìn xuống mà Aschenbach có cảm giác như vậy - toát lên một vẻ hách dịch, táo tợn, thậm chí có cái gì đó hoang dã. Chẳng biết tại năng chói làm anh ta nhăn mặt hay tại diện mạo vốn đã bị biến dạng, mà làn môi anh ta chùng như ngấn tụt lại, làm cho những chiếc răng dài bị lộ trần tới nướu cứ nhe ra trắng nhồn giữa đôi môi.

Mãi đắm chìm trong suy nghĩ, có lẽ Aschenbach đã vô tình quan sát người lạ một cách quá tọc mạch; đột nhiên ông bắt gặp ánh mắt anh ta đáp lại cái nhìn của mình, với một thái độ thách thức công khai, chiếu thẳng vào mắt ông như tỏ ý sẵn sàng ăn thua đủ tới cùng để buộc đối phương phải cụp mắt đầu hàng trước. Aschenbach sượng sùng cúi đầu cất bước đi đi lại lại dọc theo hàng rào, bụng bảo dạ thôi không để ý đến người lạ nữa. Chưa đầy một phút sau ông đã quên mất sự hiện diện của anh ta. Nhưng có lẽ cái vẻ giang hồ phiêu bạt ở người lạ ấy đã đánh thức trí tưởng tượng của ông, hay do một ảnh hưởng vật chất hoặc tinh thần nào đó, mà ông kinh ngạc nhận thấy tâm hồn mình hứng khởi lạ lùng, một nỗi xao xuyến bồn chồn thôi thúc trong lòng như khát vọng bay nhảy của tuổi trẻ, một cảm xúc vô cùng sống động, mới nảy sinh hay đã có từ lâu mà vốn bị dập tắt và quên lãng, nay bùng bùng trỗi dậy buộc ông dừng bước, tay chắp sau lưng, mắt dán xuống đất băn khoăn suy ngẫm về bản chất và mục tiêu của nó.

Đó là hứng thú ngao du, không hơn không kém; nhưng nó ập đến thành linh và mãnh liệt làm ông mụ mẫm say mê tới mức rơi vào ảo giác. Ông mơ thấy những hình ảnh như là hiện thân của tất cả mọi điều kỳ diệu và kinh

khủng nhất trên trái đất muôn hình muôn vẻ mà nổi thềm khát cùng một lúc khơi gợi lên trong trí tưởng tượng của ông - thấy rất rõ, rõ mồn một như đang trải ra trước mắt mình, quang cảnh mênh mông của một vùng đầm lầy nhiệt đới âm u dưới bầu trời nặng trĩu sương mù, nhớp nháp, rậm rạp và ô nhiễm; một nơi thâm sơn cùng cốc không dấu chân người chỉ có những cù lao giữa sinh lầy và những lạch nước ngẫu bùn. Mặt đất cù lao phủ đầy những phiến lá dày như những bàn tay, những vôi dương xỉ khổng lồ, những bụi cây chằng chịt nở đầy những bông hoa hình thù kỳ dị mọc lên xôm xốp, xen vào là những thân dừa đốt rế xù xì mọc vút lên cao và những cây cổ thụ chằng ra hình thù gì với mớ rế phụ rủ lòng thông cắm xuống dưới nước thành từng bụi rậm rịt. Trên mặt nước tù phản chiếu bóng cây xanh lè nổi bật bên những bông hoa màu trắng sữa to như cái tô; vài con chim lạ, vai so cao, mỏ dị dạng, đứng ngâm đôi chân dài khẳng khiu nơi nước cạn hướng cái nhìn bất động về một phía; đằng xa, trong đám lau sậy ngút ngàn vẳng lên tiếng xoang xoảng như tiếng binh đao của những đoàn quân giáp sắt; người quan sát thấy phả lên mặt mình âm ấm hơi thở hôi nồng lưu cữu của chốn rừng thiêng nước độc, hoang sơ mà đầy quyến rũ, như chập chờn lơ lửng trong trạng thái cùng cực không biết đang thành hình hay đang tàn lụi, và trong một thoáng ông tưởng như nhìn thấy hình hài một con cọp náu mình trong bụi tre gai dày đốt, cặp mắt sáng quắc lân tinh - trái tim ông lồng lên trong ngực, vừa kinh khiếp vừa ham muốn lạ lùng. Chỉ một khoảnh khắc thôi rồi bộ mặt ấy biến đi; và Aschenbach lắc đầu tiếp tục cuộc dạo bộ bỏ dờ dọc theo hàng rào xường mài bia mộ.

Trước nay, chí ít là từ khi điều kiện tài chính cho phép, ông vẫn tận dụng mọi ưu thế của các phương tiện giao thông hiện đại và coi đi du lịch cũng giống như vệ sinh thân thể, dù muốn hay không thỉnh thoảng ta vẫn phải làm. Quá bận tâm với những trách nhiệm mà cái tôi và tâm hồn Âu của ông đặt ra cho bản thân mình, quá cố gắng để hoàn thành nghĩa vụ sáng tác, quá ác cảm với thú tiêu khiển để có thể đắm mình vào thế giới

phù hoa, ông hoàn toàn nhất trí với quan niệm cho rằng ở thời đại ngày nay mỗi người đều có thể tìm hiểu bề mặt trái đất mà không cần tốn công rời khỏi môi trường quen thuộc của mình. Và như thế ông chưa bao giờ nảy ra ý định ra khỏi châu Âu. Nhất là từ khi cuộc đời dần dần ngả bóng xế chiều, bị dẫn dắt bởi nỗi lo thâm kín, mối lo âu không để dấu gì gạt đi như một cơn đồng bóng thoáng qua, sợ sự nghiệp nghệ thuật dở dang - sợ thời gian còn lại của mình không đủ để hoàn thành tác phẩm trước khi nhắm mắt xuôi tay, gần như ông chỉ giới hạn cuộc sống của mình ở cái thành phố xinh đẹp mà ông coi như quê hương thứ hai và căn nhà mộc mạc ông dựng trong vùng núi để rút lui về ẩn dật vào những mùa hè sùi sụt mưa dầm.

Cả cơn hứng khởi mới vừa ập đến một cách muộn màng và đột ngột chi phối hồn ông cũng rất nhanh chóng bị lý trí và kỷ luật tự giác được rèn luyện từ thuở nhỏ lên tiếng phê bình và bác bỏ. Ông dự định hoàn thiện tác phẩm, lẽ sống của đời ông, đến một mức độ nhất định rồi mới về quê; và thấy ý tưởng bỏ bê việc viết lách để đi ngao du thiên hạ hàng mấy tháng trời thật quá vô tâm và phản kế hoạch đến nỗi không cần đếm xỉa tới. Nhưng đồng thời ông cũng biết rất rõ duyên cớ của sự cảm dỗ bất thành linh này. Ông muốn bỏ đi thật xa, như ông tự thú với bản thân, để tìm kiếm những điều mới lạ; ông thêm khát tự do, muốn giữ bỏ mọi gánh nặng và quên đi tất cả - chạy trốn cả tác phẩm lẫn cái bàn viết, nơi hằng ngày ông cần mẫn thi hành nghĩa vụ cứng nhắc, lạnh lùng nhưng đồng thời cũng là niềm say mê của mình. Đành rằng ông rất yêu thích công việc sáng tác, thậm chí yêu quý cả đến cuộc vật lộn dai dẳng cứ lặp đi lặp lại mỗi ngày giữa ý chí, cái ý chí kiêu hãnh và bền bỉ đã bao phen vượt qua thử thách, với sự mệt mỏi ngày càng tăng không ai ngờ tới ở ông, vì ông không cho phép mình để lộ bất kỳ một biểu hiện bất lực hay nhu nhược nào trong tác phẩm. Nhưng có lẽ không nên giã néo đứt dây và không nên cố công dập tắt niềm mong ước vừa bùng lên một cách mãnh liệt đến thế. Ông nghĩ tới công việc, nghĩ tới đoạn bế tắc mà từ hôm qua đến giờ ông bị

chững lại, cả kiên trì dò dẫm lẫn đột phá tấn công đều không giúp ông vượt qua được. Một lần nữa ông gắng tìm cách xuyên thủng hoặc giải tỏa bức tường ức chế, nhưng cuối cùng đành phải rùng mình tiu nghỉu bỏ cuộc. Đó không phải là một đoạn đặc biệt khó viết, cái làm ông tê liệt là thái độ do dự miễn cưỡng của chính ông thể hiện qua sự cầu toàn không sao đáp ứng nổi. Thực ra từ khi còn là một thiếu niên ông đã quan niệm cầu toàn là bản chất và cốt lõi của tài năng, và để phục vụ tính cầu toàn ông đã phải kìm hãm và làm nguội lạnh đi cảm xúc, bởi ông biết rằng cảm xúc thường khiến người ta thỏa mãn với những điều tình cờ dễ dãi và sự hoàn thiện nửa vời. Phải chăng giờ đây những cảm xúc bị chế ngự tới lúc vùng dậy trả thù ông, thoái thác không chịu nâng đỡ và chấp cánh cho nghệ thuật của ông bay bổng, bỏ ông ra đi và mang theo tất cả hứng thú, tất cả say mê trong hình thức và biểu cảm? Không phải là ông viết dở: chí ít nhờ vào lợi thế nhiều năm kinh nghiệm lúc nào ông cũng có thể yên tâm về ngòi bút bậc thầy của mình. Nhưng trong khi người đời tán tụng văn chương ông thì bản thân ông lại không thể nào vui nổi, vì ông cảm thấy trong tác phẩm của mình hình như thiếu mất cái yếu tố bông bột vô tư, vốn là con đẻ của niềm vui và đóng một vai trò quan trọng còn hơn cả nội dung sâu sắc hay nghệ thuật cao siêu, vì nó chuyển tải hứng thú đến cho người thưởng thức. Ông bỗng sợ cái cảnh suốt mùa hè lui thủ ở thôn quê, đơn độc trong ngôi nhà nhỏ chỉ có người tớ gái ngày ngày lo cơm nước và anh giúp việc tới bữa bưng lên phục vụ ông; ông sợ hình ảnh nhàm chán của những đỉnh núi và vách đá quen thuộc sẽ lại bao vây lấy tâm trạng trì trệ bức bối của ông. Cuối cùng ông quyết định phải có một thay đổi theo chiều hướng ngẫu hứng, vô công rồi nghề một chút cũng được, để đổi gió và hâm lại bầu máu nóng khiến mùa hè này trở nên dễ chịu và bổ ích hơn. Đi du lịch - ông thấy cũng hay. Không cần đi đâu xa quá, không nhất thiết phải tìm đến tận nơi nào có cạp. Một đêm trong toa nằm xe lửa tốc hành, ba bốn tuần xả hơi ở một khu du lịch bình dân dưới miền Nam nông hậu...

Ông vừa nghĩ đến đây thì nghe tiếng xe điện âm âm dội lại từ phố

Unger, và lúc lên xe ông quyết định sẽ dành cả buổi tối nay để nghiên cứu bản đồ và sách hướng dẫn du lịch. Đặt chân lên bậc cửa xe ông sực nhớ đến anh chàng đội mũ rom, người đồng hành trong buổi dạo chơi dẫu sao cũng đầy ý nghĩa và đáng nhớ này, và đưa mắt tìm kiếm xung quanh. Nhưng chẳng biết anh ta đã đi đâu mất, không còn thấy đứng ở chỗ cũ, cả trên bến và trong toa xe cũng chẳng thấy đâu.

CHƯƠNG II

Tác giả bản trường ca bằng văn xuôi trong trẻ và hùng tráng thuật lại cuộc đời Friedrich Đại đế^[6]; người nghệ nhân cần cù đã nhần nặn dệt vô vàn những số phận khác nhau hợp vào dưới bóng một tư tưởng, kết thành tấm thảm văn chương tuyệt mỹ tên gọi *Maja*; cha đẻ cuốn tiểu thuyết dày nhan đề *Một người khốn khổ*, tác phẩm nêu cao tinh thần trọng nghĩa khinh tài, vạch ra cho cả một thế hệ trẻ đầy cảm kích thấy khả năng kiên tâm giữ gìn đạo lý vượt lên trên mọi hiểu biết uyên thâm; sau rốt (và như thế đã vắn tắt đơn cử những tác phẩm trong thời kỳ sung mãn nhất của nhà văn), soạn giả khảo luận tâm huyết bàn về *Trí tuệ và nghệ thuật*, mà năng lực phân loại và bút pháp phản đề có thể được các nhà phê bình danh tiếng xếp ngang hàng với trước tác của Schiller^[7] luận về khuynh hướng thi ca hồn nhiên và thi ca tình cảm: người ấy là Gustav Aschenbach, con trai một công chức cao cấp ngành tư pháp, sinh quán ở thành phố L., huyện lỵ xứ Schlesien^[8]. Tổ tiên ông từng là sĩ quan, thẩm phán, quan chức chính quyền, thầy đều là những người đã dốc lòng phụng sự nhà vua, nhà nước và luôn giữ một nếp sống thanh liêm, chính trực. Trong dòng họ có một vị giáo sĩ được coi là hiện thân cho khả năng trí tuệ sắc sảo; từ thế hệ trước gia đình lại được truyền thêm dòng máu sôi nổi và đam mê của người mẹ thi sĩ, con gái một vị nhạc trưởng gốc gác Bohemia. Cũng nhờ bà mà dung mạo ông mang nhiều nét của người ngoại quốc. Cuộc phối ngẫu một bên là tinh thần trách nhiệm cao và lòng tận tụy với bên kia là tính khí bông bột nặng về cảm xúc say mê đã cho ra đời một nghệ sĩ tài năng, chính là ông.

Bản tính nhiều cao vọng, nên từ rất sớm, với giọng văn quả quyết và súc tích ông đã được công chúng biết đến như một cây bút chín chắn và tinh xảo, nếu không muốn gọi là thần đồng. Ngay khi còn là cậu học sinh trung

học ông đã nổi danh. Mười năm sau ông đã thành thạo trong việc tự thể hiện mình bên bàn viết, bồi đắp tiếng tăm bằng một loạt những bức thư tuy ngắn gọn (vì có rất nhiều yêu cầu đặt ra cho một nhân vật thành công và khả kính như ông), nhưng lời lẽ nhân hậu và trịnh trọng. Ở tuổi tứ tuần, đã mệt mỏi vì những căng thẳng và thăng trầm trong sáng tác ông vẫn phải ngày ngày trả lời vô số thư từ mang những con tem của rất nhiều quốc gia trên thế giới.

Không tầm thường mà cũng chẳng lập dị, tài năng của ông vừa chinh phục được lòng tin của đông đảo công chúng vừa đáp ứng được sự hâm mộ và những đòi hỏi khắt khe của giới sành điệu. Chính vì từ thuở thiếu thời đã quen nỗ lực để đạt đến thành công - mà là những thành công đáng kể, nên ông không bao giờ biết tới thói vô công rồi nghề hoặc kiêu làm việc qua loa đại khái là những căn bệnh phổ biến của tuổi trẻ. Năm ba mươi lăm tuổi, khi ông lâm bệnh nặng ở Vienna, một người quan sát tinh tế đã đưa ra nhận xét sau với mọi người: “Quý vị thấy không, từ trước tới nay Aschenbach vẫn luôn sống thế này” - người nói khép chặt mấy ngón bàn tay trái lại thành nắm đấm - “mà không hề biết sống *thế này*” - và ông ta để bàn tay mở buông hờ trên thành ghế một cách thoải mái. Quả là một nhận xét xác đáng; và điều đáng nói ở đây là đức tính quật cường đã giúp ông giữ một nếp sống căng thẳng, đòi hỏi nỗ lực cao đáng lý ra hoàn toàn không phù hợp với thể trạng bấp bênh yếu ớt của ông.

Hồi nhỏ, điều kiện sức khỏe không cho phép ông cắp sách đến trường mà phải học ở nhà với gia sư. Ông lớn lên đơn độc không bạn bè cùng trang lứa, sớm nhận biết mình thuộc về một gia tộc không thiếu tài năng, chỉ thiếu sức khỏe là yếu tố cần thiết để tài năng nảy nở - một dòng họ mà ai cũng dốc sức phấn đấu từ khi còn trẻ nhưng chẳng mấy người thọ được lâu. Mặc dù vậy, chữ ông ưa thích nhất vẫn là “bền bỉ” - dưới mắt ông tác phẩm về Friedrich Đại đế không khác gì lời tôn vinh châm ngôn như một mệnh lệnh ấy, đối với ông đó chính là hiện thân của đức tính hành nhẫn. Thực tình, trong thâm tâm ông cũng mong đạt đến tuổi thọ cao, vì xưa nay

ông vẫn quan niệm rằng, người nghệ sĩ chỉ thực sự xuất chúng, toàn diện, nếu thể hiện được nét đặc trưng ở mọi độ tuổi của một đời người.

Và như thế, chất lên đôi vai gầy gánh nặng trách nhiệm của tài năng, để dẫn bước trên con đường nghệ thuật xa vạn dặm, điều cần thiết nhất đối với ông là kỷ luật tự tu dưỡng rèn luyện - may thay đức tính này đã thấm nhuần trong máu huyết ông, được thừa kế từ tổ tiên họ nội. Ở cái tuổi bốn năm mươi, trong khi những người khác vẫn còn phung phí, đàn đúm, điềm nhiên tặc lưỡi trì hoãn những kế hoạch trọng đại, thì ông bắt đầu ngày mới bằng cách dậy sớm dội nước lạnh khắp người, rồi ngồi dưới ánh sáng đôi nến dài cắm trong cặp giá bạc để trên đầu bản thảo, ông dồn hết sức lực gom góp được qua giấc ngủ, say mê tận tụy cống hiến mình cho nghệ thuật trong vòng hai hay ba tiếng đồng hồ buổi ban mai. Có thể chiêm chước, thậm chí còn có thể coi đó là thắng lợi tinh thần về phía ông, nếu những người không am hiểu tưởng rằng thế giới Maja hoặc thiên anh hùng ca đồ sộ kể về những chiến công lẫy lừng của Friedrich Đại đế ra đời liền một mạch nhờ vào một nỗ lực phi thường; trong thực tế các tác phẩm này đã được bồi đắp mỗi ngày một chút như kiến tha lâu đầy tổ, từ hàng trăm cảm hứng riêng lẻ chất chồng lên đến tầm cao ấy, và chỉ có như vậy tác phẩm mới đạt được mức độ hoàn hảo tới từng chi tiết, bởi vì tác giả đã nhiều năm kiên trì tập trung trí lực vào chỉ một mục tiêu duy nhất, với ý chí bền bỉ dẻo dai, hệt như nhân vật chính của bản trường ca khi xưa chinh phục mảnh đất quê hương ông, để cuối cùng chất lọc đưa vào trong tác phẩm thành quả những giờ phút sáng tạo xuất sắc và xứng đáng nhất.

Một sản phẩm tinh thần có giá trị nếu muốn ngay lập tức gây được tác động tinh thần sâu rộng, cần có mối liên hệ mật thiết, thậm chí một sự đồng nhất giữa số phận cá nhân tác giả với định mệnh chung của đông đảo công chúng đương thời. Quần chúng thường không biết tại sao họ ca ngợi một tác phẩm nghệ thuật. Khác xa giới chuyên môn, họ cứ tự tưởng tượng ra hàng trăm điều tốt đẹp ở đó để lý giải cho lòng ngưỡng mộ của mình; nhưng nguyên nhân đích thực khiến họ tán thưởng lại không thể đưa ra

cân nhắc được, đó là thiện cảm. Có lần, ở một đoạn không mấy nổi bật Aschenbach đã thẳng thắn phát biểu rằng, hầu như tất cả những điều vĩ đại trên đời đều đứng vững trợ gan cùng tuế nguyệt, bất chấp khổ đau hành hạ, nghèo đói, cô đơn, bệnh tật, thói hư tật xấu, dục vọng đam mê và hàng ngàn trở ngại khác. Đó không chỉ đơn thuần là một nhận định, mà hơn thế đó là kinh nghiệm, hay còn có thể gọi là công thức áp dụng cho cuộc đời và sự nghiệp của ông, là chiếc chìa khóa mở đường vào tác phẩm của ông; và có gì là lạ khi điều đó cũng xuất hiện trong cá tính đạo đức và cử chỉ thái độ của những nhân vật tiêu biểu nhất của ông?

Nhiều năm trước, khi nhận xét về hình tượng anh hùng mới thường xuyên xuất hiện trong vai những nhân vật khác nhau được nhà văn tỏ ra ưu ái, một nhà phê bình chuyên chẻ sợi tóc làm tư đã viết rằng: đó là hình tượng “nam tính trẻ trung và trí tuệ”, “trong nỗi hổ thẹn đầy kiêu hãnh đã cắn chặt răng đứng im tại chỗ chịu cho gươm giáo phanh thây xẻ thịt mình”. Đó là một nhận định rất hay, thông minh và chính xác, mặc dầu ấn tượng tạo ra có thể bị cho là quá thụ động. Thực ra giữ được tư cách trong lúc hiểm nghèo, giữ được vẻ đẹp trong khi đau khổ, đó không chỉ đơn thuần là chịu đựng mà là nỗ lực tích cực, là thắng lợi tuyệt đối; và nhân vật sebastian^[9] là biểu tượng đẹp nhất, nếu không phải của toàn bộ nghệ thuật nói chung thì chí ít cũng là của bộ môn nghệ thuật đang được nhắc đến ở đây. Nhìn vào thế giới chuyện kể của ông, người ta thấy tinh thần tự chế ngự bản thân đã kiêu hãnh che giấu đến giây phút cuối những hủy hoại bên trong và suy sụp bên ngoài trước con mắt người đời; thấy nhan sắc vàng vọt xấu xí bị rẻ rúng đã thổi bùng dục vọng âm ỉ thành ngọn lửa thuần khiết, để rồi cất cánh bay lên trở thành chúa tể vương quốc của cái đẹp; thấy thể chất xanh xao bất lực đã huy động sức mạnh từ thẳm sâu tinh thần rực lửa để buộc cả dân tộc tự cao tự đại quỳ gối dưới chân thánh giá, quỳ gối dưới chân mình; thấy thái độ nhã nhặn lịch thiệp trong hình thức phục vụ khuôn sáo và rỗng tuếch; thấy cuộc đời mạo hiểm đầy những ham muốn nhất thời và mưu mô lừa đảo của kẻ lưu manh. Theo dõi những

số phận này và vô số mảnh đời tương tự người ta phải bán khoản tự hỏi, không biết có còn tồn tại một chủ nghĩa anh hùng nào khác ngoài chủ nghĩa anh hùng của kẻ yếu. Và còn chủ nghĩa anh hùng nào hợp thời hơn chủ nghĩa anh hùng này? Gustav Aschenbach là nhà thơ của giới cần lao, những con người vắt hết sức mình ra làm việc, phải gánh chịu quá nhiều nặng nhọc, bị cuộc đời dày ải dày vò nhưng vẫn kiên cường chống đỡ, ông là thi sĩ của tất cả những tấm gương lao động ấy, tuy thân thể còm cõi và tài sản hao mòn, vẫn vận dụng hết sức mạnh ý chí và tài quản lý khôn khéo để nhất thời giành chút vinh quang. Có rất nhiều người như thế, họ là những anh hùng của thời đại chúng ta. Và tất cả những con người ấy nhận ra hình ảnh mình trong tác phẩm của ông, họ thấy mình được công nhận, được đề cao, được ca ngợi, cho nên họ biết ơn ông, họ tung hô tên tuổi ông.

Khi xưa, ông còn trẻ dại và cấp tiến một cách thô sơ, vì chưa được thời gian đào luyện nên ông đã bao phen vấp ngã, phạm bao lầm lỗi, tự bôi tro trát trấu lên mình, xử sự không lịch thiệp và thiếu khôn ngoan cả khi nói lẫn khi viết. Nhưng dần dà ông đã có được một phẩm giá mà, theo nhận định của ông, là mục tiêu phấn đấu tất yếu của mọi tài năng lớn, thật vậy, có thể nói rằng toàn bộ quá trình phát triển nhân cách ông là một sự vươn lên có ý thức và đầy thách thức, phá vỡ mọi xiềng xích hoài nghi và mai mỉa để đạt đến phẩm giá này.

Đông đảo quần chúng dễ bị cuốn hút bởi những hình ảnh sinh động, cụ thể và không ràng buộc nhiều về tư tưởng, nhưng tuổi trẻ cực đoan và hăng hái lại chỉ quan tâm đến những đề tài tranh luận học búa: và Aschenbach thời đó cũng học búa, cũng cực đoan như bất cứ một chàng trai trẻ nào. Ông đã quên mình cống hiến cho tư tưởng, khai thác kiệt quệ tri thức, đổ cả hạt giống ra xay, tiết lộ bí mật, ngờ vực tài năng, phản bội nghệ thuật - đúng thế, trong khi các tác phẩm đầy hình ảnh của ông mua vui cho đám quần chúng cả tin, tâng bốc đề cao bọn họ, truyền sinh khí cho họ thì thế hệ tuổi đôi mươi lại hồi hộp nín thở theo dõi thái độ mỉa mai cay độc mà ông, người nghệ sĩ trẻ, dùng để chĩa mũi nhọn tấn công vào bản chất đáng

ngờ của nghệ thuật, của nhân sinh quan nghệ sĩ.

Nhưng dường như không có cái gì làm cùn lụi một tinh thần cao thượng và nhiều năng lực một cách nhanh chóng, toàn diện hơn là ma lực sắc bén và cay độc của tri thức; và lẽ dĩ nhiên, thái độ triết để tận tâm đầy ưu tư của chàng trai trẻ thời ấy còn rất nông cạn nếu đem so với quyết tâm của người nghệ sĩ bậc thầy, quyết tâm chối bỏ tri thức, phủ định hiểu biết, quay lưng lại với trí tuệ, chùng nào kiến thức còn được dùng để làm mất tinh thần, phá hủy giá trị của ý chí và hành động, làm tê liệt xúc cảm và niềm hăng say của con người. Câu chuyện nổi tiếng trong *Một người khôn khổ* làm sao có thể hiểu khác hơn là một tiếng hét phản kháng, tỏ thái độ ghê tởm trào lưu tôn sùng thái quá môn tâm lý học vô luân đương thời, hiện thân là tên lưu manh nửa mùa vừa hèn nhát vừa dốt nát, kẻ hy vọng bằng mách lới gian tà có thể giành cho mình một số phận khá hơn; nhưng vì nhu nhược, vì thói hư tật xấu, vì đạo đức suy đồi y đã đẩy vợ mình vào vòng tay một tên mày râu nhẵn nhụi, mà tận đáy lòng y vẫn chắc mẫm rằng mình có quyền làm những điều không xứng đáng ấy? Bằng sức đột phá của ngôn từ, được dùng ở đây để đào thải những tư tưởng đáng bị đào thải, ông lên tiếng cự tuyệt mọi hồ nghi về đạo đức, mọi đồng tình với suy đồi, không chấp nhận thái độ dễ dãi của câu từ bi cửa miệng cho rằng hễ hiểu được là tha thứ được; và những gì đang hình thành hay đã thành hình ở đây, là cái “phép màu tái sinh tính hồn nhiên” mà sau đó ít lâu, trong một bài đối thoại của mình, tác giả có nhấn mạnh bằng giọng úp mở đầy bí mật. Những mối liên hệ lạ lùng thay! Phải chăng đó là thành quả tinh thần của sự “tái sinh”, của phẩm giá và nguyên tắc mới, mà cùng thời gian này người ta thấy bộc lộ ra qua mỹ cảm tăng lên hầu như quá độ ở ông, chất thanh tao, giản dị và hài hòa trong hình thức thể hiện từ đây về sau đã in lên các tác phẩm của ông một dấu ấn nổi bật, rất hữu ý, cho thấy một phong cách bậc thầy thấm nhuần tính cổ điển? Nhưng quyết tâm đề cao đạo đức lên trên tri thức, cái tri thức vừa giải thoát lại vừa ràng buộc con người ta - liệu điều đó có dẫn tới sự đơn giản hóa, đạo đức hóa một

cách sơ sài cả thế giới lẫn tâm hồn, và như thế cũng có thể trở nên thái quá dẫn tới cái ác, điều cấm kỵ, tính vô luân? Và chẳng phải hình thức trong nghệ thuật vẫn luôn luôn có hai mặt đó sao? Chẳng phải hình thức vừa đạo đức lại đồng thời vô đạo đức - đạo đức vì nó là kết quả và biểu hiện của tu dưỡng rèn luyện, nhưng vô đạo đức và còn trái đạo lý nếu trong bản chất nó chứa đựng một sự lãnh đạm về luân lý, thậm chí chứa đựng khuynh hướng thống trị, buộc đạo đức khuất phục cây vương trượng độc đoán và kiêu căng của mình?

Nhưng thôi, cũng đành phó mặc cho tạo hóa! Mỗi quá trình trưởng thành là một số phận; và lẽ nào số phận của người thu phục được lòng ngưỡng mộ của đông đảo công chúng lại không khác với người chẳng được hưởng những hào quang và hệ lụy của danh vọng? Chỉ có đám giang hồ tứ chiếng mới tỏ ý khinh thường và ưa mỉa mai cười nhạo một tài năng lớn đã thoát xác khỏi giai đoạn ấu trĩ tự do vô độ, đã hoàn toàn lĩnh hội được những giá trị tinh thần cao đẹp và chấp nhận nếp sống cô đơn hiên giả, không người cố vấn, tự lực cánh sinh chịu đựng khổ đau và phấn đấu hết mình để đạt đến quyền lực cùng danh dự hơn người. Thêm vào đó còn có biết bao nhiêu mưu toan, bao nhiêu ngoan cường, bao nhiêu vui thú trong quá trình tự hình thành tài năng ấy! Cùng với thời gian, ngòi bút Gustav Aschenbach dần dần trở nên chính thống và mô phạm, những năm sau này văn phong của ông mất đi cái táo bạo thẳng thắn, vắng bóng những sắc độ tinh tế mới, trở nên vững vàng và mẫu mực, trau chuốt và truyền thống, đến mức bảo thủ, công thức, thậm chí khuôn sáo; và giống như một giai thoại về vua Pháp Louis XIV, khi trở về già ông loại bỏ hết ra khỏi ngôn từ của mình những chữ thông tục tầm thường. Khi ấy xảy ra sự kiện bộ giáo dục chỉ thị đưa vào sách giáo khoa các trường phổ thông một số trang chọn lọc từ tác phẩm của ông. Điều này làm ông rất đẹp lòng, và ông cũng không khước từ nhã ý của một công vương Đức mới lên ngôi, khi vị vua này quyết định phong tước quý tộc cho tác giả sử thi Friedrich nhân dịp ông tròn năm mươi tuổi. sau vài năm long đong lận đận thử tìm chốn an cư lạc

nghiệp ở một vài nơi, ông đã bén rễ tại München và sống một cuộc đời thị dân phong lưu, được trọng vọng nhờ có một số đóng góp đặc biệt về tư tưởng. Ông kết hôn từ khi còn trẻ, vợ ông xuất thân trong một gia đình trí thức, nhưng sau một thời gian hạnh phúc ngắn ngủi bà đã qua đời, để lại cho ông một người con gái nay đã vu quy. Ông không có con trai.

Gustav von Aschenbach người hơi thấp, tóc nâu, không để râu. Đầu ông có vẻ hơi lớn so với thân hình mảnh khảnh. Mái tóc ông, trên đỉnh đầu đã hơi thưa nhưng hai bên thái dương còn rất rậm và điểm bạc, được chải hất ra sau gáy để lộ vầng trán cao đầy nếp nhăn loáng thoáng rỗ hoa. Cặp kính gọng vàng hằn sâu một vết trên sống mũi cao hơi gồ lên. Miệng ông rộng, khi hé mở thì dễ dãi, khi mím chặt căng thẳng thì đầy cương quyết; cặp má hóp hằn sâu ngoặc đơn ngoặc kép, cái cằm cân đối xẻ một chút cánh én. Những ngọn đòn số phận dường như đều né tránh mái đầu thường hay đau khổ nghiêng nghiêng về một phía của ông, và chính nghệ thuật mới là thủ phạm khắc họa nên tướng mạo người nghệ sĩ, để lại những đường nét tưởng đâu là dấu ấn của một cuộc đời khó nhọc và nhiều biến cố. sau vầng trán kia đã nảy ra những câu đối đáp chớp nhoáng trong cuộc đối thoại giữa Voltaire^[10] và nhà vua Phổ luận bàn về chiến tranh; đôi mắt ấy, một mỗi hôm sâu đằng sau cặp kính, đã chứng kiến cảnh các bệnh viện dã chiến chìm trong máu lửa của cuộc chiến tranh bảy năm^[11]. Nghiệm vào cá nhân ông thì nghệ thuật cũng là cuộc đời ở mức độ cao hơn. Nghệ thuật mang đến cho ông niềm hạnh phúc sâu xa hơn, nhưng cũng làm ông tàn tạ nhanh hơn. Nó khắc lên gương mặt kẻ phụng sự nó dấu vết những cuộc phiêu lưu tinh thần hư cấu, và, dù cho ông có giữ nếp sống thanh tịnh như một tu sĩ, về lâu về dài nó vẫn làm thần kinh ông căng thẳng, khiến ông trở nên nhạy cảm quá mức, mệt mỏi và thao thức, gây ra những hậu quả không khác gì một lối sống phóng đãng chạy theo ham mê và lạc thú.

CHƯƠNG III

Sau cuộc dạo chơi hôm ấy, nhiều bận rộn văn chương và đời thường đã giữ chân người nóng lòng đi du lịch lại München khoảng chừng hai tuần lễ. Cuối cùng ông cho người sửa soạn căn nhà ở quê, hẹn trong vòng bốn tuần phải xong để mình dọn về, và vào một ngày hạ tuần tháng Năm ông lên chuyến tàu đêm đi Trieste, chỉ dừng chân ở đó hai mươi bốn tiếng đồng hồ, rồi ngay sáng hôm sau đáp tàu thủy đến Pola.

Dự định tìm một nơi khác lạ và biệt lập nhưng không xa quá, cuối cùng ông quyết định đến hòn đảo trên biển adriatic mấy năm gần đây rất nổi tiếng, nằm cách bờ biển Istrian không bao xa, có đám thổ dân trang phục rách rưới nhưng sắc sỡ, nói một thứ tiếng lạ tai, và những vách đá lởm chởm ngoằn ngoèo án ngữ phía biển khơi. Tuy nhiên mưa dầm và bầu không khí ngột ngạt, khách trọ thì rất hạng người Áo nửa tỉnh nửa quê, lại thiếu bãi tắm cát mịn làm chốn nghỉ ngơi giao hòa với biển, những điều đó làm ông bực bội, không cho ông cái cảm giác đã đến đúng nơi tiền định; một thôi thúc nội tâm, chính ông cũng chưa rõ theo chiều hướng nào, khiến ông bồn chồn không yên, ông tìm hiểu lịch tàu chạy, ông nhìn ngó xung quanh, và bỗng nhiên, vừa bất ngờ vừa dễ hiểu, mục tiêu hiện ra rành rành trước mắt ông. Nếu tự dưng muốn tìm kiếm những điều độc nhất vô nhị, huyền hoặc khác thường thì người ta đi đâu? Thật rõ như ban ngày. Ông đến đây làm gì? Ông nhầm to rồi. Lẽ ra ông phải tới đó. Không chậm trễ, ông hủy bỏ cuộc du lịch lầm chỗ. Một tuần rưỡi sau khi đặt chân lên đảo, ông chất hành lý xuống một chiếc xuồng máy phóng như bay trên mặt nước mịt mù sương sớm quay trở về hải cảng quân sự, vừa lên bờ ông lại bước ngay qua tấm ván gỗ bắc sang mặt boong ẩm ướt của một chiếc tàu thủy đang xì hơi chuẩn bị đi Venice.

Đó là một chiếc tàu Ý già nua tuổi tác, cũ kỹ, tối tăm, đóng lọ nghe đen

xì. Vừa đặt chân lên boong, Aschenbach đã bị một gã thủy thủ lưng gù nhếch nhác, cười nhả nhỏ, sẵn đón đẩy vào một khoang sâu như cái hang trong bụng tàu, phải thấp sáng bằng đèn. Ngồi sau bàn là một lão già râu dê tướng tá như ông chủ một gánh xiếc rong, trang phục cổ lỗ sĩ, mũ kéo sụp xuống trán, một đầu mẫu thuốc lá vắt vẻo bên mép, nhãn nhỏ khổ sở chăm chú ghi tên tuổi hành khách và bán vé. “Đi Venice!”, lão nhắc lại yêu cầu của Aschenbach, rồi dang tay chọc cọng bút lông vào bãi cặn nhoe nhoét dưới đáy một cái lọ mực để nghiêng. “Vé hạng nhất đi Venice! Có ngay, thưa ngài!” Và lão hí hoáy viết mấy chữ to như quạ bới, rắc lên đó một nhúm cát xanh đựng trong cái ống nhỏ, dốc cát chảy vào một cái thẩu bằng đất sét nung, gập đôi tờ giấy bằng mấy ngón tay xương xẩu vàng khè rồi lại tiếp tục viết. “Đúng là chọn mặt gửi vàng!” vừa làm lão vừa tán. “Ôi, Venice! Thành phố tuyệt vời! Hấp dẫn vô cùng đối với một vị học giả, bằng vào lịch sử lâu đời và vẻ hoa lệ ngày nay!” Cử động nhanh thoăn thoắt và những lời đưa đẩy sáo rỗng của lão có cái gì đó thôi miên và đánh lạc hướng, cứ như thể lão sợ hành khách trù trừ đổi ý không muốn đi Venice nữa. Lão thu tiền nhanh như chớp, xỉa tiền thừa xuống tấm khăn trải bàn ố bẩn thành thạo như một tay hồ lì chuyên nghiệp ở sông bạc. “Chúc ngài một chuyến đi vui vẻ!” lão cúi chào như diễn viên trên sân khấu. “Rất hân hạnh được phục vụ quý ngài... Nào mời quý vị tiếp theo!” Vừa nói lão vừa giơ tay lớn tiếng gọi tiếp ra ngoài, làm như hành khách chờ mua vé đông lắm, kỳ thực ở đó chẳng còn ai khác nữa. Aschenbach quay trở lên boong.

Một tay vịn lan can, ông đứng ngắm cảnh những người nhàn rỗi chạy lông rông trên bờ đọi xem tàu rời bến và đám hành khách trên boong. Những hành khách hạng hai, cả đàn ông lẫn đàn bà chen chúc ở boong trước, lời hết hành lý hòm xiểng ra làm ghé ngồi. Khách đi trên boong hạng nhất chỉ có một toán trai trẻ, chừng như là thư ký hãng buôn ở Pola, đang sôi nổi thống nhất với nhau về một chuyến tham quan Ý. Họ làm bộ làm tịch quan trọng hóa bản thân, nói cười huyên thuyên, cử chỉ dương dương tự đắc, nhòai cả người ra ngoài lan can chọc ghẹo các đồng nghiệp bạn đi

giải quyết công việc dưới bến, nách cặp cặp táp, tay dứ dứ ba toong dọa lại đám trên tàu. Một anh chàng mặc bộ đồ mùa hè mới nhất màu vàng chóc, thắt cravat đỏ, đội mũ Panama vành bẻ cong tón, nói cười quàng quạc tỏ ra hăng hái nhất bọn. Nhưng để ý nhìn kỹ Aschenbach giật mình kinh hãi nhận ra gã này xưa sùng làm nghề. Gã đã già khăng, không còn nghi ngờ gì nữa. Quanh mắt quanh miệng gã chi chít nếp nhăn. Gò má phớt hồng nhờ đánh phấn, mớ tóc nâu thò ra dưới vành mũ rom sặc sỡ uốn cong là tóc giả, cần cổ gân guốc tong teo, hàng ria mép vểnh lên và chòm râu nhỏ dưới cằm đã được nhuộm lại màu, hàm răng vàng khè không thiếu chiếc nào mà gã nhe ra mỗi khi cười là một bộ răng giả rẻ tiền, và đôi bàn tay, mỗi ngón trỏ đeo một chiếc nhẫn mặt ấn, là tay một người già cộc đế đại vương. Aschenbach nhìn lão và đám bạn đùa cợt mà rùng mình ghê tởm. Chẳng lẽ họ không biết, không nhận ra lão đã trọng tuổi, không có quyền mặc bộ đồ diêm dúa lòe loẹt kia, không có quyền ra dáng trai tơ như họ? Cứ như một sự đương nhiên và thông thường nhất trần đời, đám trẻ chấp nhận lão là đồng bọn, đối xử với lão như với bạn bè cùng trang lứa, đáp lại không ngại ngần những cú thúc cùi chỏ thân mật của lão. sao lại có thể như thế được? Aschenbach đặt tay lên trán và nhắm nghiền cặp mắt nóng ran vì thiếu ngủ. Ông thấy hình như vừa xảy ra điều gì đó bất thường, như thể bắt đầu một sự thoát ly mộng mị, thế giới quanh ông trở nên méo mó lạ đời, và để ngăn chặn có lẽ ông nên che mặt đi giây lát trước khi mở mắt ra nhìn lại xung quanh. Nhưng đúng lúc ấy người ông trông thành chao đảo, hoảng hồn mở choàng mắt trông lên ông thấy thân tàu nặng nề tối thui đang từ từ tách khỏi bờ kè. Từng tắc từng tắc, dưới tác động đẩy tới đẩy lui của cỗ máy, dải nước bắn loang lổ giữa bờ và thân tàu cứ rộng dần ra, và sau vài động tác xoay trở nặng nhọc con tàu quay hẳn mình hướng mũi ra khơi. Aschenbach bỏ đi sang mạn phải, ở đó gã lưng gù kê cho ông một chiếc ghế nằm và một gã bồi tàu mặc bộ đồng phục ố bẩn tới hỏi ông cần gì để y phục vụ.

Bầu trời xám xịt, gió ẩm ướt; hải cảng và những hòn đảo lùi lại đằng

sau, chẳng bao lâu đất liền biến mất hẳn trong màn sương dày đặc. Bụi than trướng lên vì ngấm nước lấm tẩm đậu xuống sàn tàu ướt rượt chẳng chịu khô.

Độ một tiếng đồng hồ sau trời bắt đầu mưa, và người ta phải căng một tấm bạt lên che boong tàu.

Quấn kín trong chiếc áo choàng, quyển sách để trên lòng, người khách lãng du nằm nghỉ và thời gian trôi tựa tên bay. Mưa đã tạnh; người ta dỡ tấm vải cất đi. Chân trời hiện lên rõ nét. Dưới vòm trời rộng mặt biển hoang vắng trải ra bốn phía như một cái đĩa khổng lồ; nhưng trong không gian trống rỗng đơn điệu ấy con người dần dần đánh mất cảm giác về thời gian, và mục mị chìm đắm vào cõi vô biên. Những nhân vật quái đản, lão già nhí nhảnh, lão râu dê từ khoang tàu ra, lướt qua tâm trí lơ mơ của người khách đang nằm nghỉ như những cái bóng với cử chỉ mơ hồ, lời nói lộn xộn, và rồi ông ngủ thiếp đi.

Khoảng tầm trưa người ta gọi ông xuống gian phòng ăn dài như cái hành lang, có cửa thông sang các khoang phòng ngủ, để dùng bữa. Ông ngồi vào một đầu chiếc bàn dài, ở đầu kia toán nhân viên thương mại, cả lão già, đã ngồi nhậu nhẹt với viên thuyền trưởng vui tính từ lúc mười giờ. Bữa ăn rất đậm bạc, và ông ăn thật nhanh cho xong. Ông nóng lòng muốn ra ngoài ngóng nhìn trời: chẳng biết phía Venice trời có hửng lên không?

Ông không trông đợi điều gì khác, vì thành phố này luôn luôn đón tiếp ông trong ánh sáng huy hoàng. Nhưng trời và biển vẫn mù mịt một màn sương nặng như chì, thỉnh thoảng còn đổ mưa phùn, và ông đành chấp nhận ý nghĩ rằng trên thủy lộ ông sẽ gặp một Venice khác hẳn những lần xưa đến bằng đường bộ. Đứng bên cột buồm mũi dũi mắt ra xa ngóng vào đất liền, ông nhớ đến một thi sĩ^[12] với tâm hồn ưu tư nồng cháy, xưa kia đã thổn thức khi những mái vòm gác chuông trong mộng tưởng nhô lên từ sau làn nước lai láng này đây, ông thẫn lập lại trong yên lặng một vài lời khi ấy đã biến lòng tôn kính, hạnh phúc và sầu đau thành bài ca tuyệt mỹ,

và ru mình trong cảm xúc ngày nào ông tự hỏi, trái tim khô khan và mệt mỏi liệu có còn khả năng đón nhận chút bồi hồi rung động mới, một cuộc phiêu lưu tình cảm muôn màng dành cho kẻ lãng du nữa hay không.

Rồi bên phải mạn tàu nổi dần lên dải bờ thấp, những con thuyền đánh cá lừng xăng làm mặt biển hết đều hiu, hòn đảo nghỉ mát Lido hiện ra, lùi dần về bên trái, chiếc tàu thủy giảm tốc độ lướt qua cửa biển hẹp cùng tên với đảo vào trong vịnh và dừng lại ngang tầm những ngôi nhà đơn sơ quét vôi sặc sỡ trên bờ, neo lại đó đợi thuyền vệ sinh dịch tễ ra kiểm tra.

Một giờ đồng hồ trôi qua mới thấy mặt họ. Đã đến nơi mà vẫn chưa tới đích; dẫu không vội vã gì người ta cũng cảm thấy nóng lòng sốt ruột. Đám thanh niên Pola, hẳn lòng ái quốc bị tiếng kèn nhà binh từ mạn công viên vọng qua mặt nước khơi dậy, kéo hết cả lên boong, và, được rượu asti cổ vũ tinh thần, lớn tiếng tung hô đội xạ thủ đang tập dượt trên bờ. Nhưng thật kinh tởm khi phải chứng kiến tình cảnh lão già cửa sừng làm ghé gồng lên giả trẻ. Bộ thần kinh rệu rã của lão không kham nổi lượng cồn như đám trai cường tráng, nên lão say bí tỉ. Cái nhìn đờ đẫn, điều thuốc lá run rẩy giữa mấy ngón tay, lão lắc lư, khổ sở để giữ thăng bằng, người cứ ngả nghiêng từ trước ra sau. sợ bước đi một bước là đổ nhào, lão không dám nhấc chân khỏi chỗ, nhưng vẫn cố tỏ ra hào hứng một cách thảm hại, cứ có ai lại gần là lão túm chặt áo, ngọng lịu ngọng lô, mắt nháy lia lịa, miệng cười khúc khích, ngón tay trở nhẵn nheo khua khua bõn cọt và đầu lười lo le liếm mép ngụ ý hết sức tục tĩu và bỉ ổi. Aschenbach chau mày nhìn lão đầy ác cảm, và lại thấy trào lên trong lòng cảm giác nôn nao, như thể thế giới đang nghiêng lệch đi theo một khuynh hướng mong manh nhưng không gì cản nổi, biến dạng thành một bức biếm họa kỳ khôi và phi lý; nhưng hoàn cảnh bấy giờ không cho phép ông dò tìm đến ngọn nguồn cảm giác ấy vì con tàu lại bắt đầu rồ máy tiếp tục cuộc hành trình bị gián đoạn khi đã gần tới đích, đi vào kênh san Marco.

Thế là ông đã được gặp lại chốn thân quen, bến cảng đẹp tuyệt trần, tập

hợp kiến trúc hoành tráng mà xứ cộng hòa này từ xưa đã đem ra trưng bày trước cặp mắt e dè kính phục của khách hàng hải từ biển vào: Cung điện nguy nga tráng lệ, cây cầu Than Thở, hàng cột đội tượng thiên thần và tượng sư tử dọc bờ kênh, một cánh bên hông Ngôi Đền Thần Thoại nhô lên bề thế uy nghi, quang cảnh nhìn xuyên qua Cổng Thành và Tháp Đồng Hồ khổng lồ; vừa say sưa chiêm ngưỡng ông vừa tự nhủ, đi đường bộ đến Venice qua nhà ga thật chẳng khác gì vào một cung điện bằng lối cửa sau, và để đến thành phố hư ảo nhất trần đời này người ta không nên đi cách nào khác ngoài cách ông đang đi đây, bằng tàu thủy, vượt trùng khơi.

Tàu tắt máy, những chiếc gondola^[13] tấp đến, thang dây buông xuống, nhân viên quan thuế lên tàu khám xét qua quít lấy lệ; hành khách được phép rời tàu. Aschenbach ngó ý cần một chiếc gondola chở người và hành lý đến bến canô chạy từ thành phố sang đảo Lido; vì ông muốn thuê phòng trọ ngoài bãi biển. Y lệnh, người ta lớn tiếng xướng nguyện vọng của ông xuống mặt nước, nơi những người chèo gondola đang chí chóc cãi nhau bằng thổ ngữ địa phương. Ông còn kẹt chưa xuống được vì vướng chiếc vali, dù lôi hay kéo đều rất khó đưa đi qua mấy bậc thang dây. Thế cho nên mất vài phút ông không thể nào thoát khỏi tay lão già góm ghiếc, trong cơn say xỉn cứ nhất định đòi chia tay ông khách lạ. “Chúc ngài một kỳ nghỉ tuyệt vời”, lão lè nhè trong lúc nhún gối khuyu chân trịnh trọng cúi chào theo lối cung đình. “Mong được nhớ mãi kỷ niệm hôm nay! au revoir, excusez và bon jour^[14], thưa quý ngài!” Rớt dãi lòng thông nhểu ra từ miệng, lão dụi mắt, lão liếm mép, và hàng ria nhuộm trên cặp môi già nua dựng lên tua tủa. “Xin gửi lời thăm”, lão líu lười ngọng nghịu, hai ngón tay ấn vào miệng, “gửi lời thăm cung của ông, cung đẹp nhất, đáng yêu nhất hạng...” Bất thành linh nửa trên hàm răng giả của lão tuột ra rơi xuống môi dưới. Aschenbach thừa cơ thoát nạn. “Cung dễ thương, cung thượng hạng”, ông còn nghe sau lưng mình tiếng lấp bắp khăn đặc tiếp tục gù ghi, trong lúc nắm chặt tay vịn thang dây lần bước xuống. ai là người không thoáng một chút rùng mình, không ngấm ngấm lo sợ và ngần ngại khi lần đầu tiên

trong đời hoặc sau một thời gian dài mới lại bước chân xuống một chiếc gondola Venice? Đó là một phương tiện chuyên chở lạ lùng, chẳng có gì thay đổi từ thời Trung Cổ của những bản tình ca bi thiết, đen tuyền như màu sắc thường chỉ thấy ở những cỗ quan tài, nó gọi cho người ta liên tưởng đến những cuộc phiêu lưu thâm lén và tội lỗi trong đêm rì rào tiếng sóng, hơn thế nữa nó làm người ta liên tưởng đến chết chóc, đến cỗ hậu sự, đám tang sâu thẳm và hành trình âm đạm kết thúc đời người. Và không biết có ai nhận thấy, chỗ ngồi trên thuyền, chiếc ghế bành bọc nệm đen và sơn đen màu quan quách, là chỗ ngả lưng mềm mại nhất, êm ái và ru ngủ nhất trần đời? Aschenbach nghiệm ra điều đó khi ông buông mình ngồi xuống dưới chân người lái gondola, đối diện đám hành lý xếp tươm tất nơi mũi thuyền. Những người chèo thuyền khác vẫn còn cãi vãi om sòm, giọng cục cằn, chẳng hiểu họ nói gì mà cử chỉ đầy vẻ đe dọa. Nhưng sự tĩnh lặng liêu trai của thành phố nổi nuốt hết những âm thanh huyền ảo, làm dịu và xua tan mọi tiếng động trên mặt nước. Ngoài cảng trời rất ấm. Được vỗ về bởi làn gió sirocco^[15] chồn vờn, hâm hẩm nóng, người khách lãng du ngả mình lún sâu trong gối đệm mềm mại, nhắm mắt hưởng thụ cảm giác thư thái ngọt ngào rất lạ. “Chặng đò ngắn ngủi quá”, ông nghĩ; “giá mà nó kéo dài mãi mãi!” Trong nhịp bỗng bênh nhè nhẹ ông có cảm giác mình dần siêu thoát ra khỏi đám đông hỗn độn lời qua tiếng lại ồn ào.

Xung quanh ông mới yên tĩnh làm sao! Không còn tiếng động nào khác ngoài tiếng mái chèo quạt nước, tiếng sóng vỗ ộp oạp vào mũi thuyền đen nhọn như mũi kích chĩa lên cao, và một âm thanh thứ ba, tiếng người rì rầm - tiếng gã lái thuyền lằm bằm độc thoại qua kẽ răng, nhịp nhàng dứt quãng vì cử động lên xuống của hai cánh tay đẩy mái chèo. Aschenbach mở mắt ra nhìn, hơi sững sốt thấy mặt nước vịnh quanh mình đã mở rộng và con thuyền đang hướng mũi ra biển. Thế này thì ông không thể ngồi đó mơ màng mà phải tỏ rõ ý muốn của mình.

“Đến bến canô cơ mà!” Ông bảo, hơi ngoái về phía sau. Tiếng rì rầm ngưng bật. Nhưng ông không nhận được câu trả lời.

“Đến bến canô!” Ông nhắc lại, lần này quay hẳn người ngược mắt nhìn thẳng vào mặt gã chèo thuyền đứng trên cái bục nhô cao sau lưng ông, dáng lừng lững nổi lên trên nền trời ùng đục. Đó là một người đàn ông tướng mạo khó ưa, thậm chí dữ tợn, mặc đồ thủy thủ màu xanh dương với dải thắt lưng vàng, một cái mũ rom không còn ra hình thù gì, đã bắt đầu xoắn tung nhiều chỗ, vắt vẻo trên đầu một cách ngang tàng. Khuôn mặt gã và hàng ria mép vàng quăn quăn dưới cái mũi ngắn hình lên rõ ràng không thuộc về chủng tộc Ý. Mặc dầu dáng dấp gầy gò có thể khiến người ta tưởng gã không thích hợp với nghề sông nước, nhưng gã chèo rất khỏe, dồn sức mạnh của cả người vào mỗi mái chèo bổ xuống. Đôi ba lần, vì gắng sức, vành môi gã co lên để lộ hàm răng trắng nõn. Gã nhíu cặp lông mày hung đỏ, nhìn vượt qua đầu ông khách mà đáp lời bằng giọng quả quyết, gần như thô lỗ. “Ngài muốn sang đảo Lido”. Aschenbach cự lại. “Dĩ nhiên. Nhưng tôi chỉ thuê gondola chở đến bến san Marco thôi. Tôi muốn đi vaporetto^[16] sang đảo”.

“Ngài không thể đi vaporetto được, thưa ngài”.

“Sao lại không?”

“Vì vaporetto không chở hành lý”.

Đúng thế; Aschenbach sức nhớ ra. Ông im lặng. Nhưng thái độ cộc cằn kẻ cả, kém thân thiện đối với khách lạ của gã lái thuyền trái hẳn phong tục ở đây làm ông khó chịu. Ông bảo:

“Chuyện đó mặc tôi. Tôi sẽ gửi hành lý tại bến. anh quay trở lại đi”.

Gã làm thinh. Mái chèo quạt nước ràn rạt, sóng đập vào mạn thuyền oàm oạp. Và tiếng rừ rừ lại nổi lên: gã lái thuyền thì thầm qua kẽ răng nói chuyện một mình.

Làm gì bây giờ? Đơn độc trên sóng nước với con người ngược ngạo lạ đời, nhất định làm theo ý mình kia, ông không có cách nào buộc gã phải nghe lời. Lẽ ra ông đã có thể nghỉ ngơi êm ái biết bao nếu không thấy bực tức thế

này. Chẳng phải ông đã ước ao chuyến đi cứ kéo dài thật lâu, kéo dài mãi mãi hay sao? Khôn ngoan nhất có lẽ là cứ nhắm mắt đưa chân muốn tới đâu thì tới, cái chính là như thế lại càng nhân thân. Dường như có bùa mê ngải lú gì tỏa ra từ chỗ ngồi của ông, từ cái ghế bành thấp bọc nệm đen đung đưa nhẹ nhẹ theo nhịp chèo của gã lái thuyền gàn dở đứng đằng sau. Ý nghĩ bị rơi vào tay một kẻ sát nhân mơ hồ thoáng qua tâm trí Aschenbach - nhưng không đủ mạnh để khiến ông tự vệ. Khả năng bị lọt vào một cái bẫy tống tiền đơn giản còn làm ông tức mình hơn. Một cảm giác như lòng tự trọng, như là trách nhiệm nhắc nhở ông không thể để như vậy được, và ông cố phản kháng thêm lần nữa. Ông hỏi:

“Anh muốn gì cho cả chuyến?”

Và vẫn ngạo nghễ nhìn qua đầu khách, gã lái thuyền đáp:

“Rồi ngài sẽ trả”.

Thế là đã rõ, ông biết phải xử sự như thế nào trong trường hợp này. Aschenbach tự khắc trả lời:

“Tôi sẽ không trả, một đồng một cắc cũng không, nếu anh chở tôi đến chỗ tôi không muốn đến”.

“Ngài muốn sang đảo Lido”.

“Nhưng không phải là đi với anh”.

“Tôi sẽ đưa ngài đi đến nơi đến chốn”.

Đúng, Aschenbach nghĩ bụng và thấy đỡ bực. Đúng, nhà người đưa ta đi đến nơi đến chốn. Ngay cả khi người chỉ vì tiền mà bỏ cho ta một mái chèo vào gáy về châu Diêm vương thì vẫn có thể gọi là đưa đi đến nơi đến chốn được.

Nhưng sự thế không diễn ra như vậy. Thậm chí ông còn có bạn đồng hành, một chiếc thuyền của dân hát rong nhan nhản đầy đường tảo tợn áp sát mạn thuyền ông, đám đàn ông, đàn bà trên thuyền gân cổ hòa giọng với

tiếng đàn ghita và đàn măngđôlin, hát lên những vần thơ xa lạ không ngoài mục đích moi tiền từ túi khách, huyên não làm vỡ tan cảnh tịch mịch trên mặt biển. Aschenbach ném tiền vào chiếc mũ họ chìa ra. Họ ngừng hát quay thuyền lảng đi mất. Và tiếng rừ rì độc thoại của gã chèo thuyền lại nổi lên, ngập ngừng, đứt khúc.

Cứ như vậy thuyền tới nơi, dập dình trong vệt nước rẽ ra sau đuôi một chiếc vaporetto chạy về thành phố. Hai nhân viên công lực, tay chắp sau lưng, mặt ngoảnh về phía vịnh, đi đi lại lại trên bờ. Một lão già đứng đợi sẵn với sợi dây móc sắt, bến tàu nào cũng có những kẻ như vậy đón để kéo thuyền vào, giúp Aschenbach bước lên bến; và vì trong túi không còn tiền lẻ, ông đi qua khách sạn kế bên cầu tàu để đổi tiền đặng tùy ý trả công cho gã chèo thuyền. Đổi tiền trong đại sảnh xong quay trở ra bến, ông thấy hành lý của mình đã chất trong một chiếc xe kéo tay đứng trên bờ, còn gondola và người chèo thuyền biến đâu mất tăm mất tích.

“Hắn chuồn rồi”, lão già có cái móc kéo thuyền bảo.

“Một kẻ ngoài vòng pháp luật, không có giấy phép hành nghề, thưa quý ngài. Hắn là tay lái gondola duy nhất không có giấy phép. Những người kia đã điện thoại báo sang đây. Hắn thấy người ta đang rình sẵn. Thế là hắn chuồn luôn”. Aschenbach nhún vai.

“Vậy là quý ngài được chở miễn phí”, lão già bảo và chìa cái mũ ra. Aschenbach ném vào đó ít bạc cắc. Ông bảo đưa hành lý của mình về khách sạn ngoài bãi tắm, rồi theo chiếc xe kéo đi bộ dọc đại lộ chính vắt ngang qua đảo dẫn ra tận bờ biển, đại lộ nở đầy hoa trắng, hai bên san sát quán rượu, cửa hàng, nhà trọ.

Ông bước vào quần thể khách sạn xây cất rộng rãi bằng lối cổng sau, đi qua sân nổi trông ra vườn, qua đại sảnh và tiền sảnh vào văn phòng. Vì có báo trước nên người ta đón tiếp ông rất mau mắn, niềm nở. Viên quản lý, một người đàn ông thấp con, nhỏ nhẹ, lịch thiệp một cách hơi khúm núm, để ria mép đen và mặc lễ phục đuôi dài kiểu Pháp đưa ông vào thang máy

đi lên lầu ba giới thiệu phòng dành cho ông, một gian phòng ấm cúng, đồ đạc toàn bằng gỗ anh đào, được trang trí hoa tươi thơm ngát và có những cửa sổ cao hướng ra biển, phong cảnh hết sức ngoạn mục. sau khi viên quản lý rút lui, trong lúc người ta đem hành lý lên, ông bước lại bên một khung cửa sổ đưa mắt nhìn xuống bãi tắm buổi chiều vắng hoe, mặt biển âm u thiếu ánh mặt trời, đang lúc thủy triều dâng cao gửi những con sóng thấp dài vào bờ, đều đặn và lặng lẽ.

Một người cô đơn trầm lặng cảm nhận những quan sát và va chạm vừa hư ảo lại vừa sâu sắc hơn những người quảng giao, tư tưởng của anh ta thường nặng nề hơn, lạ lùng hơn và bao giờ cũng nhuốm một chút ưu sầu. Những hình ảnh và ấn tượng lẽ ra có thể dễ dàng bỏ qua sau một ánh mắt, một nụ cười, một lời tâm sự lại làm anh ta bận tâm quá mức, trong im lặng càng ngày càng sâu đậm, trở nên đầy ý nghĩa, biến thành sự kiện, thành cuộc phiêu lưu, thành cảm xúc. Cô đơn làm nảy sinh nét độc đáo, vẻ đẹp táo bạo và khác đời, đó là chất thơ. Nhưng cô đơn cũng sản sinh ra sai trái, lệch lạc, phi lý và bất chính. Thế cho nên những sự việc xảy ra dọc đường, lão già nhí nhánh góm chết không ngớt làm nhảm về cục cưng nào đó, gã chèo thuyền lậu bị quyết tiền công, tất cả vẫn còn đang đè nặng lên tâm trạng người khách lãng du. Chỉ là mấy chuyện lẻ tẻ, thực ra chẳng có gì đáng để suy nghĩ, nhưng những sự kiện này lại có vẻ quan trọng lạ lùng đối với ông, và chính sự mâu thuẫn ấy làm ông lo ngại. Giữa những suy tư ông vẫn không quên đưa mắt gửi lời chào biển cả, và lòng thấy vui vui vì biết rằng Venice ở sát bên. Cuối cùng ông quay vào rửa mặt, nhờ cô hầu phòng lo vài việc để tiện nghi thêm phần hoàn hảo, rồi bảo anh chàng Thụy sĩ mặc đồng phục màu xanh lục giữ thang máy đưa mình xuống tầng trệt.

Ông uống trà bên hàng hiên hướng ra phía biển, sau đó xuống con đường dạo mát dọc theo bờ kè đi một đoạn dài về phía khách sạn Excelsior. Khi ông trở lại khách sạn mình thì đã gần tới giờ thay đồ đi ăn tối. Ông sửa soạn chậm rãi và kỹ lưỡng theo thói quen lâu nay, mặc dầu vậy vẫn xuống đại sảnh hơi sớm và gặp ở đây đa số khách nghỉ trọ, không quen biết nhau

và giả bộ thờ ơ không để ý đến nhau, nhưng cùng tụ tập đợi giờ ăn. Ông cầm một tờ báo trên bàn, buông mình xuống một chiếc ghế bành bọc da ngồi quan sát những người trong phòng và khoan khoái thấy họ khác hẳn đám khách ở chốn nghỉ mát đầu tiên.

Nơi đây mở ra một chân trời rộng rãi, bao dung và khoáng đạt hơn nhiều. Khe khẽ, rì rầm, đủ loại ngôn ngữ lớn hòa trộn vào nhau. Bộ Âu phục mặc buổi tối được chấp nhận khắp toàn cầu, một kiểu đồng phục văn minh, phủ lên đủ mọi hạng người một lớp sơn đứng đắn đồng nhất. Ông bắt gặp một người Mỹ nghiêm trang mặt dài đuôn đuôn, một gia đình người Nga đa thế hệ, những bà mệnh phụ người anh, những trẻ em người Đức đi với các cô bảo mẫu Pháp. Dân slavơ có vẻ chiếm thành phần áp đảo. Ngay bên cạnh ông có người nói tiếng Ba Lan.

Đó là một nhóm thiếu niên sắp tới tuổi trưởng thành quây quần quanh chiếc bàn mây nhỏ dưới sự giám sát của một nữ gia sư hay quản gia: ba thiếu nữ tầm mười lăm đến mười bảy tuổi, và một cậu bé trai tóc dài khoảng độ mười bốn. Vẻ đẹp hoàn hảo của cậu bé làm Aschenbach sửng sốt. Gương mặt cậu - trắng muốt và mang một vẻ kín đáo thanh tao, được mái tóc óng vàng như mật ong bao quanh, với sống mũi thẳng thanh tú, cái miệng đáng yêu chúm chím, sắc mặt nghiêm trang và thánh thiện làm ta liên tưởng đến những tác phẩm điêu khắc Hy Lạp thời kỳ hoàng kim nhất, và góp phần hoàn thiện cho hình thức ấy là một vẻ duyên dáng riêng độc nhất vô nhị, khiến người chiêm ngưỡng tin rằng mình chưa bao giờ có diễm phúc được gặp một tạo vật hoàn mỹ tương tự cả trong thiên nhiên lẫn trong nghệ thuật tạo hình. Ngoài ra ông còn ngạc nhiên về sự tương phản hết sức rõ rệt trong nguyên tắc giáo dục, thể hiện qua trang phục và tác phong của mấy chị em. Ba thiếu nữ, cô chị cả đã có thể coi là người lớn, ăn mặc kín đáo và khắc khổ đến mức dị biệt. Một tấm áo trơn tuột như áo thầy tu, không dài không ngắn, màu xám đá duy chỉ có chiếc cổ trắng là hơi sáng sủa, dáng thẳng đuôn đuôn đàn áp và tiêu diệt hết mọi ưu thế của thân hình. Mái tóc chải mượt óp sát đầu khiến những khuôn mặt vô hồn

như mặt nữ tu, chẳng biểu lộ tình cảm gì. Dĩ nhiên, đó là dấu ấn bàn tay nghiêm khắc của người mẹ, nhưng bà ta lại chẳng hề nghĩ tới chuyện áp dụng cho cậu con trai kỷ luật sắt mà bà dùng để dạy dỗ mấy cô con gái. Rõ ràng cậu được nâng như nâng trứng, hứng như hứng hoa. Không một lưỡi kéo nào được phạm vào mái tóc đẹp của cậu; từng lọn tóc xoắn lò xo rủ xuống trán, che kín tai và gáy, trông cậu chẳng khác gì bức tượng chú bé nhẽ gai^[17]. Bộ đồ lính thủy anh, vai bông, ống tay xuống dưới chiết hẹp bó lấy cườm tay mảnh dẻ để lộ hai bàn tay còn non nớt với những ngón búp măng thon dài, thêm cái yếm lính thủy và tua ngù và những chi tiết thêu thùa càng làm cho thân hình mảnh khảnh của cậu mang vẻ lá ngọc cành vàng. Cậu ta ngồi nghiêng, quay nửa mặt về phía người chiêm ngưỡng, một chân đi giày đen bóng đặt trước mũi chân kia, một cùi chỏ chống lên tay dựa chiếc ghế mây, má kê vào bàn tay nắm chặt, tư thế đĩnh đạc ung dung tự tại và hoàn toàn không có cái vẻ phục tùng cứng nhắc như mấy cô chị. Cậu có đau yếu gì không? Vì khuôn mặt cậu với nước da tái tái như ngà voi nổi bật lên giữa những lọn tóc vàng sẫm. Hay đơn giản cậu là đứa con cưng, được nâng niu trong tình yêu thiên vị và đồng bóng? Aschenbach ngả theo khả năng sau. Hầu như mọi tâm hồn nghệ sĩ đều tiềm ẩn cái thiên hướng bẩm sinh phóng túng và phản trắc, sẵn sàng thừa nhận ưu đãi bất công dành cho cái đẹp cũng như chia sẻ và tôn trọng đặc quyền đặc lợi của kẻ sang.

Một người bồi bàn đi quanh phòng thông báo bằng tiếng anh bữa tối đã sẵn sàng. Khách trong đại sảnh biến dần vào phòng ăn qua cánh cửa kính. Những người đến sau lục tục kéo vào từ tiền sảnh hay thang máy. Bên trong người ta bắt đầu bung thức ăn ra, nhưng đám trẻ Ba Lan vẫn ngồi lì quanh chiếc bàn mây, và Aschenbach, êm ái lún sâu trong chiếc ghế bành, được chiêm ngưỡng hiện thân của cái đẹp ngay trước mắt, khoan khoái ngồi nán lại cùng họ.

Cô gia sư, một phụ nữ học đòi thói thượng lưu, người vừa lùn vừa mập, mặt đỏ gay, cuối cùng ra dấu cho cả bọn đứng lên. Nhướng cao cặp chân

mày, cô ta xô chiếc ghế đang ngồi ra sau nghiêng mình cúi chào một mệnh phụ cao lớn mặc đồ xám trắng, ngọc đeo đầy người, vừa bước vào phòng. Cốt cách bà ta lạnh lùng và nghiêm nghị, mái tóc rắc phấn nhẹ cũng như kiểu trang phục đơn giản toát lên nét giản dị thường thấy ở những người sùng tín coi mộ đạo là thành phần chính của cao sang. Có thể mừng tượng bà là phu nhân một quan chức Đức cao cấp. Điểm sang trọng duy nhất nổi bật trên toàn diện mạo bà là những món đồ trang sức gầy như vô giá, bông tai và một chuỗi ngọc trai dài quấn ba vòng quanh cổ, mỗi hạt ngọc to như quả anh đào tỏa ánh lấp lánh dịu dịu.

Mấy chị em đứng phắt dậy. Chúng cúi xuống hôn tay mẹ, trong lúc bà này mỉm một nụ cười lơ đãng trên gương mặt có sống mũi cao, được trang điểm cẩn thận nhưng hơi mệt mỏi, nhìn qua đầu tụi nhỏ trao đổi mấy từ tiếng Pháp với cô gia sư. Rồi bà bước về phía cánh cửa kính. Đám trẻ lót tót đi theo: mấy cô con gái lớn trước bé sau, rồi đến cô gia sư, cuối cùng là cậu con trai. Không biết cái gì xui khiến cậu ta ngoảnh lại nhìn trước khi bước qua ngưỡng cửa, và vì trong đại sảnh không còn ai khác, đôi mắt kỳ lạ xám sẫm như ánh chiều buông của cậu chạm phải ánh mắt Aschenbach, giữa lúc ông đắm mình trong suy tưởng, tờ báo rơi xuống gối, dăm dăm nhìn theo cả nhóm.

Những gì ông vừa chứng kiến thực ra không có chi tiết nào đặc biệt khác thường. Con cái không ngồi vào bàn ăn trước mẹ, mà phải đợi bà tới, chào hỏi lễ độ và giữ đúng phép tắc khi đi vào phòng ăn. Nhưng ở đây những cử chỉ ấy bộc lộ thật rõ ràng, nhấn mạnh sự đề cao giáo dục, bổn phận và lòng tự trọng, khiến Aschenbach thấy lòng nao nao, cảm kích lạ lùng. Ông ngần ngừ giây lát rồi cũng đi sang phòng ăn ngồi vào một chỗ do bồi bàn xếp, và ngay sau đó tiếc rẻ nhận ra bàn mình xa chỗ gia đình Ba Lan kia quá.

Người mệt nhoài nhưng tinh thần vẫn còn linh hoạt, suốt bữa ăn dài lê thê ông bận tâm với những tư duy trừu tượng, thậm chí siêu hình, ngẫm

nghĩ về mối liên hệ bí ẩn giữa tính quy luật và tính cá biệt để sản sinh ra nhan sắc, từ đó liên tưởng đến các vấn đề chung của hình thức và nghệ thuật, và cuối cùng đi đến kết luận, những suy nghĩ và nhận định của ông chẳng khác gì ý tưởng ra đời trong một giấc mơ, tưởng như hay lắm nhưng khi tỉnh táo suy xét lại thì thấy hoàn toàn tẻ nhạt và vô dụng. sau bữa tối ông ra ngoài hút thuốc, ngồi hóng mát, đi dạo lòng vòng trong công viên về đêm tràn ngập hương thơm rồi lên phòng đi nghỉ sớm và ngủ một giấc vừa dài vừa sâu nhưng đầy mộng mị.

Ngày hôm sau thời tiết vẫn chẳng khá hơn. Gió lục địa nổi lên. Dưới bầu trời mây mù xám xịt mặt biển lặng câm tuồng như co rúm lại, chân trời trống trải tiến vào gần và mép nước lùi ra xa nhường chỗ cho dải bờ phơi lên những lười cát dài. Khi mở cửa sổ phòng Aschenbach có cảm giác ngửi thấy mùi khăn khăn đưa sang từ phía vịnh.

Tâm trạng chán chường xâm chiếm ông. Trong giây phút ấy ông đã nghĩ đến chuyện lại đi chỗ khác. Một lần, từ nhiều năm trước, sau hai tuần lễ mùa xuân đẹp tuyệt vời, cũng đúng cái thời tiết này ập đến làm sức khỏe ông suy nhược tới mức ông rời khỏi Venice như người chạy trốn. Có phải cơn sốt bại hoại lại bắt đầu nổi lên như đạo nọ, hai thái dương nhức buốt, mi mắt nặng trĩu không giương lên được? Thật phiền toái nếu phải đổi chỗ nghỉ thêm lần nữa; nhưng ông cũng không thể ở lại nếu gió chẳng đổi chiều. Để đề phòng khả năng xấu ông không dỡ toàn bộ hành lý ra. Đúng chín giờ ông xuống dưới điểm tâm trong phòng ăn sáng được bố trí giữa phòng tiệc dành cho bữa tối và đại sảnh.

Trong phòng không khí yên tĩnh trang trọng, đúng như truyền thống của các khách sạn sang. Những người phục vụ nhón gót đi lại nhẹ nhàng. Chỉ nghe tiếng lanh canh nhẹ nhẹ của một tách trà, giọng thì thầm khe khẽ thốt ra nửa lời lơ lửng. Trong một góc xéo xéo đối diện cửa, cách bàn ông hai bàn, Aschenbach thấy mấy thiếu nữ Ba Lan ngồi với cô gia sư. Tư thế ngay ngắn, mái tóc vàng xỉn mới chải mượt, mắt đỏ hoe, mặc bộ váy áo

vải lanh hồ bột cứng màu xanh dương có cổ xếp và măngsét nhỏ màu trắng, mấy cô gái chuyền tay nhau một hũ mút ngấm. Chúng đã sắp ăn xong bữa sáng. Không thấy mặt cậu bé. Aschenbach tòm tòm cười. anh chàng Phäake^[18] tí hon! Ông tự nhủ. Có vẻ cậu chàng được nuông chiều hơn mấy cô chị, muốn ngủ tới khi nào thì ngủ. Bất giác ông hứng chí thắm trích dẫn một câu thơ:

“Đồ trang sức, tắm nước nóng và ngủ đầy mắt làm người ta thay đổi hẳn”.

Ông điếm tâm không chút vội vã, nhận mấy bức thư từ tay người gác cổng lễ phép ngả mũ khi bước vào phòng, và mở ra xem trong lúc hút một điếu thuốc. Nhờ vậy ông được chứng kiến cảnh anh chàng ngủ muộn xuống nhập bọn với nhóm người vẫn ngồi chờ ở phía bên kia.

Cậu bé vào qua cánh cửa kính và đi trong bầu không khí yên lặng ngang qua cả gian phòng đến bàn mấy cô chị. Cậu có dáng đi duyên dáng lạ thường, không phải chỉ đẹp ở tư thế nửa thân trên mà cả cử động đôi đầu gối và cách đặt gót hai bàn chân mang giày trắng xuống sàn, rất nhẹ nhàng, vừa uyển chuyển vừa kiêu hãnh, càng thêm đáng yêu vì nổi thẹn thùng ngây thơ lộ ra qua cái cách cậu hai lần chớp chớp hàng mi ngược mắt nhìn quanh phòng. Nhoẻn cười, vừa hạ giọng nói một câu bằng tiếng mẹ đẻ âm hưởng mềm mại du dương cậu bé vừa ngồi vào chỗ, và giờ đây, khi nó hướng gương mặt quay nghiêng về phía người quan sát, ông lại một lần nữa bàng hoàng kinh ngạc trước vẻ đẹp thiên thần của đứa trẻ người trần mắt thịt này. Hôm nay cậu bé mặc một bộ đồ mỏng nhẹ bằng vải kẻ xanh trắng đính một cái nơ lụa đỏ trên ngực, cổ áo trắng khệp cao giản dị. Nhô lên khỏi cái cổ áo đơn giản, không mấy phù hợp với bộ đồ sang trọng, là mái đầu như một nụ hoa đáng yêu vô cùng tận - mái đầu thần ái tình Eros^[19], được tạc từ đá hoa cương màu hổ phách lấy ở đảo Paros, với hàng lông mày thanh tú nghiêm trang, với những lọn tóc xoắn vàng sẫm mềm mại rủ xuống che kín hai bên thái dương và vành tai.

Được đẩy, được đẩy, Aschenbach tự nhủ với thái độ tán thưởng khắt khe chuyên nghiệp mà các nghệ sĩ đôi khi làm bộ để che giấu nỗi hân hoan, niềm hứng thú của mình trước một kiệt tác. Và ông tiếp tục nghĩ thầm: Thật tình, nếu biển và bãi cát không đợi ta ngoài kia, ta sẽ ngồi lại đây chừng nào em còn ở đó! Nhưng rồi ông cũng rời phòng ăn đi qua đại sảnh trong sự ân cần lễ phép của đám nhân viên phục vụ, qua khoảng sân nổi lớn, theo con đường lót ván ra bãi tắm riêng của khách sạn. Lão già trông coi bãi tắm đi chân đất, mặc quần vải lanh, áo thủy thủ, đội mũ rom đưa ông đến một trong những căn lều cho thuê ngoài bãi; ông bảo mang bàn ghế ra kê trên cái bục gỗ phủ đầy cát trước cửa lều rồi tự mình lôi chiếc ghế nằm ra để gần mép nước trên bãi cát vàng như sáp, ngả lưng thành thoi nằm nghỉ.

Quang cảnh bãi tắm, bức tranh thể hiện văn hóa hưởng thụ trần tục và vô tư bên mặt nước, lúc nào cũng làm ông vui thích. Mặt biển xám ngắt phẳng lì đã đông lúc nhúc, nào là trẻ con lội bì bõm, người bơi hì hụp, và những thân hình sặc sỡ nhiều màu khoanh tay dưới gáy nằm dài trên cát. Một số khác hăm hở chèo những chiếc thuyền nhỏ không sơn xanh sơn đỏ, và cười như nắc nẻ khi thuyền lật. Trước dãy lều dài, trên những bục gỗ như những mái hiên nho nhỏ, có người đi lại tung tăng và người biếng nhác nằm ườn, thăm hỏi và buôn chuyện, trang phục thanh lịch cầu kỳ bên cạnh da thịt hở hang, tất cả điềm nhiên tận hưởng cái tự do táo bạo ngoài bãi biển. Tuốt ngoài xa, lác đác vài người mặc áo choàng tắm trắng tinh hoặc áo sơ mi rộng thùng thình màu sắc chói chang đi dạo trên bờ cát ướt. Phía bên phải ông trẻ con đã đắp một lâu đài bằng cát rất công phu, chung quanh cắm những lá cờ tí hon đủ màu các quốc gia trên thế giới. Những người bán sò ốc, bánh trái và hoa quả ngồi xếp xuống rải hàng ra. Bên trái, trước một trong mấy túp lều đầu hồi xoay ngang hướng ra biển ở cuối bãi tắm, có một gia đình người Nga cắm trại: những người đàn ông rậm râu, răng bàn cước, những người đàn bà mòn mỏi dáng điệu uể oải, một thiếu nữ Bantích ngồi bên giá vẽ biển thỉnh thoảng lại lớn tiếng cầu

nhà thất vọng, hai đứa trẻ xấu xí nhưng hiền hậu, một bà vú già trùm khăn che kín đầu, cử chỉ ngoan ngoãn phục tùng như nô lệ. Họ hàm ơn tận hưởng cuộc sống ở đó, luôn miệng kêu tên mấy đứa trẻ ngộ nghịch quá, dốc hết vốn liếng dăm ba câu tiếng Ý ra đùa giỡn với ông già hóm hỉnh bán kẹo, thân mật hôn lên má nhau và không thèm đếm xỉa đến những kẻ tò mò dòm ngó họ.

Mình muốn ở lại đây, Aschenbach nhủ thầm. Đi đâu hơn nữa bây giờ? Và hai tay xếp trong lòng, ông thả ánh mắt xa xăm lạc ra tận ngoài khơi, trượt dài, nhòa nhạt, tan biến trong màn sương mù đơn điệu của hoang mạc không gian quanh ông. Ông yêu biển bởi nhiều lẽ sâu xa: nhu cầu nghỉ ngơi của người lao động nghệ thuật cực nhọc, mong thoát khỏi các hình thức thể hiện cầu kỳ đa dạng để trở về nếp mình vào lồng ngực rộng lớn, đơn sơ của đại dương; niềm say mê cảm kỳ - vì nó trái với thiên chức nghệ sĩ của ông, nhưng cũng chính vì thế lại càng thêm cảm dỗ - hướng tới cái vô vi, vô độ, vĩnh hằng, hướng tới hư không. Được an nghỉ trong sự hoàn thiện là khao khát của tất cả những kẻ vươn tới đỉnh cao tuyệt mỹ; và hư không chẳng phải là một hình thức hoàn thiện đó sao? Đang lúc ông mơ màng chìm sâu trong cõi hư vô thì đường ranh giới giữa biển và bãi cát bỗng bị một dáng người xuất hiện cắt ngang, từ bỏ vô biên trở về với thực tại, ông nhận ra cậu bé xinh trai đang lội cát đi từ mé trái ngang qua trước chỗ ông nằm. Cậu đi chân trần, như thể sắp xuống nước, cặp giò thon thả lộ ra tới đầu gối, bước đi chậm rãi nhưng nhẹ nhàng và kiêu sa như thể cả đời vẫn quen đi đất, vừa đi vừa ngoái đầu về phía mấy căn lều quay ngang hình thước thợ. Nhưng vừa phát hiện ra gia đình Nga đang sinh hoạt thuận hòa ở đó, một trận lôi đình đầy khinh miệt đã nổi lên che tối sầm gương mặt cậu. Vàng trán cau cau, cặp môi dẩu ra, giữa miệng và má cày sâu một nếp nhăn chua chát, cặp chân mày chụm sát vào nhau đẩy đôi mắt thụt sâu xuống hốc mắt, bắn ra những tia nhìn tối tăm dữ tợn thể hiện một mối căm thù không đội trời chung. Đầu cúi gầm, mắt gườm gườm ném cái nhìn hăm dọa thêm lần nữa về phía mấy người kia, cậu bé lắc vai

thật mạnh như hất bỏ vật gì, quay mình bước đi một mạch bỏ kẻ thù lại phía sau lưng.

Một cảm giác dịu êm và bàng hoàng, như có cả kính trọng và hổ thẹn dâng lên, khiến Aschenbach phải ngó lơ chỗ khác làm bộ không thấy thái độ vừa rồi của cậu bé; vì người tình cờ chứng kiến những biểu lộ tình cảm mãnh liệt ấy không muốn động chạm đến những ấn tượng kia, dù chỉ riêng mình hay biết. Ông cảm thấy đồng thời vừa sung sướng vừa thảng thốt, tâm trạng còn có tên gọi là: hạnh phúc. Sự cuồng tín thơ ngây này, chĩa vào một mảnh đời hiền lành nhất, cho thấy toàn bộ cái vô nghĩa thần thánh trong mối quan hệ nhân sinh; làm cho một tạo vật quý báu của thiên nhiên, thường chỉ có giá trị thưởng ngoạn, bỗng mang một nội dung tinh thần sâu sắc; và khiến cậu bé, vốn đã rất đặc biệt nhờ vẻ đẹp hình thể, có thêm chiều sâu tư tưởng chính trị - lịch sử rất đáng được coi trọng dù còn đang trong lứa tuổi măng tơ.

Vẫn quay nhìn chỗ khác, Aschenbach lắng nghe giọng cậu bé trong trẻo nhưng hơi yếu cất lên từ xa chào đám trẻ xúm quanh tòa lâu đài cát. Chúng đáp lời bằng cách gọi nhiều lần tên cậu ta, hay một dạng ngắn gọn âu yếm của cái tên ấy, và Aschenbach dỏng tai tò mò lắng nghe mà không sao phân biệt được chính xác hơn hai nguyên âm du dương như là “adgio”, hay cũng có thể là “adgiu” với hậu âm “u” kéo dài ra mềm mại. Ông vui sướng thấy âm hưởng cái tên thật xứng với người, và thâm nhắc đi nhắc lại hai tiếng ấy trong đầu, ông hài lòng quay lại với đồng giấy tờ thư tín của mình.

Với cái cặp giấy du lịch nhỏ đặt trên đầu gối, ông bắt đầu đưa bút trả lời một vài bức thư. Nhưng chỉ được mười lăm phút ông đã tự trách mình sao đại dột bỏ lỡ cảnh tượng bãi tắm vui thú biết bao để đi lo những chuyện chẳng đâu vào đâu. Ông quẳng giấy bút sang một bên, quay trở về với biển, và chẳng bao lâu sau, bị tiếng léo nhéo của tụi trẻ bên lâu đài cát lôi kéo, ông quay đầu sang bên phải tìm một tư thế thoải mái dựa vào lưng ghế rồi

đưa mắt tìm kiếm xem anh chàng adgio nọ đang ở đâu, làm gì.

Ông nhìn thấy ngay cậu bé; cái nơ đỏ trên ngực nó không lẫn vào đâu được. Hợp sức với những đứa trẻ khác tìm cách đặt một tấm ván cũ làm cầu bắc qua hào nước bao quanh lâu đài cát, anh chàng đang hát đầu lớn tiếng chỉ huy các bạn. Cùng chơi ở đó có khoảng mười đứa trẻ, vừa trai vừa gái cỡ tuổi cậu bé hoặc nhỏ hơn, chúng líu lo nói đủ thứ tiếng, Ba Lan, Pháp, và cả một vài thổ ngữ vùng Bancăng. Nhưng tên cậu bé được gọi thường xuyên nhất. Rõ ràng cậu rất được yêu mến, sẵn đón, ngưỡng mộ. Một thằng bé cũng người Ba Lan như cậu, được gọi bằng cái tên nghe như “Jaschu”, một anh chàng tròn lẳn, tóc đen vuốt dầu láng bóng, mặc bộ đồ vải lanh thắt đai ngang lưng, có vẻ là bồ ruột và đệ tử thân tín nhất của cậu. sau khi hoàn tất công trình xây cát ở lâu đài cát, hai đứa khoác vai nhau đi dọc theo bãi biển, và thằng bé tên gọi “Jaschu” ôm hôn cậu bạn bánh trai. Aschenbach muốn dứ ngón tay dọa nó. “Này anh bạn Kritobulos^[20]”, ông cười thâm trong bụng, “ta khuyên mi đi nghỉ hẳn một năm! Vì mi cần ít nhất từng ấy thời gian mới bình phục nổi”. Rồi ông thưởng thức những trái dâu đất to chín mọng mua của một người bán hàng rong. Trời nóng như nung, mặc dù mặt trời vẫn không xuyên thủng được lớp sương mù dày đặc. Lười biếng chế ngự tinh thần, trong khi các giác quan tận hưởng vẻ ngoạn mục bao la và mê hoặc của biển lặng, người đàn ông đạo mạo bỗng thấy việc tìm kiếm, phỏng đoán xem cái tên nào có âm hưởng gần với “adgio” là một mối bận tâm xứng đáng và đầy ý nghĩa. Nhờ vốn liếng tiếng Ba Lan còn đọng trong ký ức ông tìm được “Tadzio”, một dạng thân mật của cái tên “Tadeusz”, và phát âm lên nghe như “Tadziu”.

Tadzio đang tắm biển. Aschenbach, mới một lúc để lạc cậu bé ra khỏi tầm mắt, lại phát hiện thấy mái đầu nhấp nhô và hai cánh tay sải nước ngoài khơi; chắc đáy biển chỉ thoai thoải dốc nên rất xa phía ngoài cũng vẫn còn nông. Nhưng có vẻ như người nhà đã bắt đầu lo lắng cho cậu bé, từ phía dãy lều có giọng phụ nữ gọi với ra, tên cậu được nhắc đi nhắc lại vang lên khắp bãi tắm như một khẩu lệnh với những nguyên âm mềm mại,

tiếng u ở cuối kéo dài ra vừa ngọt ngào vừa hoang dã: “Tadziu, Tadziu!” Cậu bé vâng lời chạy vào bờ, chân đạp nước tung bọt, đầu ngẩng cao; và thân hình ấy, với vẻ đẹp chưa hoàn toàn nam tính vừa thanh tao vừa rắn rỏi, với mái tóc xoăn rỏ nước ròn ròn, tuyệt mỹ như một vị thần trẻ trung hiện lên từ đáy sâu giữa trời và biển, tách ra từ trong lòng vật chất hoang sơ: Quang cảnh ấy gợi cảm hứng cho những hư cấu thần bí, là thi hứng từ khởi thủy thời gian, từ nguồn cội của hình tượng và giáng sinh của thánh thần. Aschenbach nhắm nghiền hai mắt lắng nghe khúc hát ngân nga trong lòng; và một lần nữa ông tự nhủ, rằng nơi đây thật tuyệt vời và rằng ông muốn ở lại đây.

Rồi Tadzio nằm nghỉ trên bãi cát, mệt nhoài sau khi tắm, quấn mình trong tấm khăn bông trắng tinh lót dưới vai phải, đầu gối lên một cánh tay trần; và mặc dù Aschenbach không nhìn cậu bé mà hướng mắt vào trang sách, ông vẫn không lúc nào quên cậu đang nằm đó, ông chỉ cần hơi quay đầu sang bên phải là có thể chiêm ngưỡng tạo vật tuyệt vời kia. Ông có cảm tưởng mình ngồi đây canh gác cho giấc ngủ an lành của cậu - dù bận giải quyết việc riêng nhưng vẫn luôn cảnh giác để bảo vệ báu vật nằm phía bên phải kia, không xa ông mấy. Và một cảm giác triu mến như tình phụ tử, niềm quyến luyến của kẻ cống hiến hết mình sáng tạo nên cái đẹp trong tư tưởng dành cho người sở hữu cái đẹp ngoài đời, dâng lên tràn ngập và làm rung động trái tim ông.

Quá trưa ông rời bãi biển về lại khách sạn và gọi thang máy lên phòng. Ông đứng hồi lâu trước gương ngắm nghía mái tóc hoa râm, gương mặt hốc hác mệt mỏi của mình. Khi ấy ông đã nghĩ đến danh vọng, nghĩ đến lúc nhiều người ngoài phố nhận ra ông và tỏ lòng ngưỡng mộ nghệ thuật dùng từ chuẩn xác và trau chuốt của ông - tóm lại ông liệt kê ra tất cả những thành công ngoài đời do tài năng mang đến cho mình, thậm chí cả sự kiện ông đã được phong danh quý tộc. Rồi ông xuống ăn trưa nơi cái bàn nhỏ quen thuộc. sau bữa ăn, lúc ông bước vào thang máy thì một đám trẻ cũng vừa ăn xong ùa theo vào đây nghẹt cái hộp di động, và cả Tadzio cũng bước

vào. Cậu đứng rất gần Aschenbach, gần đến nỗi lần đầu tiên ông không phải chiêm ngưỡng cậu từ xa như ngắm một bức tranh mà được nhìn tận mắt mọi chi tiết con người cậu. Có ai đó nói gì với cậu bé, và nó vừa trả lời với một nụ cười đáng yêu không thể tả vừa đi giật lùi ra khỏi thang máy ở lầu hai, khiêm nhường cụp mắt nhìn xuống. sắc đẹp đi đôi với thẹn thùng, Aschenbach tự nhủ và suy nghĩ rất lung để lý giải tại sao. Tuy nhiên ông cũng đã kịp nhận thấy hàm răng Tadzio không được tốt: răng cậu khấp khểnh và hơi đục, màu men không sáng bóng như người khỏe mạnh mà mang ánh giòn giòn trong trong như thường thấy ở trẻ mắc bệnh thiếu máu. Em bé mỏng manh yếu ớt quá, Aschenbach nghĩ thầm. Có khả năng em sẽ chẳng thọ được lâu. Ý nghĩ này mang đến cho ông một cảm giác yên dạ và thỏa mãn mà ông không muốn đi sâu tìm hiểu nguyên do.

Ông nghỉ ngơi trong phòng chừng hai tiếng đồng hồ rồi buổi chiều đón vaporetto qua vịnh nước bốc mùi thum thum sang Venice. Ông lên bờ ở san Marco, ngồi uống trà trên quảng trường và, theo lệ thường mỗi khi đến đây, làm một vòng bát phố. Nhưng cũng chính cuộc dạo chơi này đã biến đổi hoàn toàn tâm trạng và các quyết định của ông.

Một cơn oi bức kinh người đè nặng trên phố xá, không khí như đặc quánh, các loại mùi bốc ra từ nhà ở, cửa hàng, quán ăn, mùi dầu mỡ, mùi nước hoa và trăm thứ mùi khác cứ tụ lại thành đám mà không tan ra được. Khói thuốc lá lơ lửng tại chỗ hồi lâu và tản đi rất chậm. Đám đông chen vai thích cánh trong các ngõ phố chật hẹp mọi khi thu hút ông là thế, nay chỉ làm ông bực bội. Càng đi ông càng cảm thấy ngọt ngọt hơn, cái tiết trời kinh khủng do không khí biển ẩm ướt hòa trộn với gió nóng sirocco làm thần kinh ông vừa phấn khích vừa suy nhược. Mô hôi nhớp nháp tuôn ra khắp mình ông. Mắt ông tối sầm, ngực thắt lại, người bưng bưng như lên cơn sốt, mạch máu trong đầu đập thành thành. Ông vội vàng rời khu buôn bán sầm uất, đi qua mấy cây cầu sang dãy phố nghèo: ở đó đám ăn mày bu đến quấy nhiễu ông, và mùi xú uế bốc lên từ những dòng kênh làm ông ngạt thở. Tới một quảng trường nhỏ vắng teo, một nơi như bị bỏ bùa và bị

bỏ quên giữa lòng Venice, ông ngồi nghỉ chân bên giếng phun nước, và vừa lau văng trán đầm mồ hôi vừa tự nhủ, điều này mình phải đi thôi.

Đây đã là lần thứ hai, và những dấu hiệu quá rõ ràng chứng tỏ thành phố trong điều kiện thời tiết này rất hại cho sức khỏe ông. Cứ khăng khăng ở lại thì thật vô lý, chẳng biết bao giờ gió mới đổi chiều. Phải quyết định ngay lập tức. Cũng không thể trở về nhà từ bây giờ. Cả nhà nghỉ mùa hè lẫn căn hộ mùa đông đều chưa chuẩn bị xong. Nhưng đâu phải chỉ mỗi nơi này có biển và bãi cát, thế nào cũng phải có những khu nghỉ mát khác không bị kèm thêm cái vịnh nước tù tai hại và làn hơi độc địa của nó. Ông nhớ đến một bãi tắm nhỏ không xa Trieste mà người ta đã quảng cáo rùm beng với ông. Tại sao không đến đó? Và chớ nên chậm trễ, để còn thời gian mà nghỉ ngơi nữa chứ. Ông quả quyết đứng dậy. Từ bến gondola gần đấy ông xuống một chiếc thuyền bảo chèo qua mê cung chằng chịt những nhánh kênh nước đục ngầu, chui dưới những ban công thanh mảnh bằng đá hoa cương chạm trổ cầu kỳ hình sư tử, lượn quanh những góc tường trơn tuột, lướt qua mặt tiền các cung điện buồn thảm treo đầy bảng hiệu các hãng lớn soi bóng xuống mặt nước lênh bênh rác rưởi, quay trở về bến san Marco. Ông phải khổ công lắm mới về được đó, vì gã lái gondola, chắc là có móc ngoặc với các hãng sản xuất đăng ten và xưởng thổi thủy tinh, tìm đủ mọi cách dụ ông ghé vào bờ tham quan và mua hàng. Nếu như cuộc dạo chơi kỳ dị trên thuyền qua Venice mới bắt đầu mê hoặc được ông, thì tâm hồn háms lợi của nữ hoàng sa đọa này đã khiến ông tức mình mà tỉnh trí lại.

Trở về khách sạn, trước giờ ăn tối ông vào báo với văn phòng rằng các tình huống ngoài dự kiến buộc ông phải ra đi sáng sớm ngày mai. Họ tỏ ý rất lấy làm tiếc, họ thanh toán tiền trọ cho ông. Ông dùng bữa rồi suốt buổi tối ngồi đọc báo trong một chiếc ghế xích đu ngoài hiên sau. Trước khi đi ngủ ông chuẩn bị hành lý sẵn sàng để lên đường.

Ông ngủ không ngon giấc, cứ trần trọc vì dự định lại ra đi. sáng dậy mở

cửa sổ ông thấy bầu trời trước sau vẫn phủ đầy mây, nhưng không khí có vẻ trong lành hơn, và bắt đầu cảm thấy hơi hận. Quyết định ra đi liệu có hấp tấp và sai lầm không, đây có phải là hành động bột phát trong tình trạng đau yếu, thiếu sáng suốt? Giá mà ông đắn đo cân nhắc một chút, đừng mất tinh thần nhanh như thế, thử thích nghi với bầu không khí Venice hoặc giả đợi đến lúc thời tiết khá hơn, thì có phải giờ đây ông đỡ khổ vội vàng lặn lội ra đi, mà đã có thể thưởng thức một buổi sáng ngoài bãi tắm như ngày hôm qua. Hối thì đã muộn. Đâm lao phải theo lao, ông phải thực hiện điều hôm qua ông quyết. Ông mặc quần áo chỉnh tề rồi khoảng tám giờ đi thang máy xuống tầng trệt điếm tâm.

Lúc ông xuống phòng ăn còn trống trơn. Lẻ tẻ từng người khách trọ bước vào trong khi ông ngồi đợi phục vụ. Vừa lúc ông nâng tách trà lên miệng thì mấy thiếu nữ Ba Lan cùng cô gia sư xuất hiện; trang phục tề chỉnh mới thay nhưng mắt đỏ hoe, họ bước đến cái bàn trong góc cạnh cửa sổ. Cùng lúc ấy người gác cổng lại gần ông, ngả mũ thông báo đã tới giờ khởi hành. Chiếc ô tô đang đợi sẵn để chở ông và các du khách khác tới khách sạn Excelsior, rồi từ đó cả đoàn sẽ đi ra ga bằng xuống máy chạy qua con kênh riêng của công ty. Thời gian đã gấp lắm rồi. Aschenbach thấy thời gian chẳng có gì là gấp cả. Còn hơn một giờ đồng hồ nữa xe lửa của ông mới khởi hành. Ông bực mình vì cái kiểu đuổi khách sớm của khách sạn và tỏ ý với người gác cổng, rằng ông muốn thư thả ăn cho xong bữa điếm tâm. Người gác cổng ngập ngừng rút lui, nhưng chỉ năm phút sau y đã quay trở lại. Xe không thể đợi lâu hơn được. Thế thì xe cứ việc chạy và chở hành lý của ông đi trước, Aschenbach cúi tiết trả lời. Tới giờ ông sẽ tự đón vaporetto công cộng ra ga, chỉ xin đừng có làm phiền ông nữa mà để ông tự lo liệu lấy. Người gác cổng cúi đầu rút lui. Aschenbach, khoái chí vì hết bị quấy rầy, ngồi ăn thong thả, thậm chí còn bảo người bồi mang tới cho tờ báo. Khi ông đứng dậy thì thời gian đã thực sự gấp gáp. Run rủi thế nào, đúng lúc ấy Tadzio bước qua cánh cửa kính vào phòng.

Trên đường đến bàn gia đình mình cậu bé đi ngang qua người chuẩn bị

khởi hành, cậu khiêm nhượng cúi đầu trước người đàn ông tóc hoa râm có vầng trán rộng, nhưng bất chợt lại ngược cặp mắt to nhìn ông một thoáng bằng cái nhìn êm ái dịu dàng với vẻ đáng yêu cố hữu của mình, rồi mới bước qua. “Vĩnh biệt Tadzio!”, Aschenbach thầm nghĩ. “Ta gặp em thật là ngắn ngủi”. Trái với thói quen của mình, ông máy môi nói thành lời ý nghĩ trong đầu, và thêm vào: “Cầu Chúa ban phước cho em!”

Rồi ông chào từ già, cho tiền bo, được viên quản lý thấp bé nhỏ nhẹ mặc lễ phục kiểu Pháp tiễn chân ra cửa; và giống như hôm mới đến, ông đi bộ theo đại lộ nở đầy hoa trắng băng ngang qua đảo ra bến vaporetto, có người giúp việc mang hộ hành lý xách tay. Ông tới nơi, ngồi vào chỗ - và sau đó là một chuyến đi đầy đau khổ, buồn vô hạn, trải qua mọi vực thẳm hối tiếc khôn nguôi.

Đó là chuyến đi quen thuộc qua vịnh, qua san Marco, ngược dòng Kênh Lớn. Aschenbach ngồi trên băng ghế hình vòng cung ở mũi vaporetto, chống cùi tay lên lan can, một bàn tay che mắt. Những công viên lùi lại đằng sau, quảng trường Piazzetta một lần nữa mở ra nét yêu kiều vương giả rồi mất hút, các cung điện nối đuôi nhau chạy trốn, và khi dòng nước vào khúc uốn quanh thì vòm cung cẩm thạch lộng lẫy của cây cầu Rialto hiện ra. Người dứt áo ra đi ngoái nhìn mà lòng đau như xé. Bầu không khí thành phố, cái mùi biển và mùi bùn hơi khắn khắn đã buộc ông chạy trốn - giờ đây ông hít vào lồng ngực từng hơi thở sâu, đau đớn một cách dịu êm. Có lẽ nào ông lại không biết, không ngờ rằng trái tim ông gắn bó đến thế với nơi này? Nếu sáng nay chỉ mới là cảm giác hơi nuối tiếc, một thoáng hoài nghi quyết định ra đi, thì bây giờ đã trở thành niềm thống khổ, nỗi đau thương thực sự dày vò tâm can, cay đắng tới mức làm ông nhiều lần ứa lệ, và ông tự nhủ rằng mình làm sao có thể lường trước được nông nổi này. Đau đớn nhất đối với ông, thật vậy, đau đớn đến nỗi tưởng chừng không chịu nổi, là ý nghĩ có lẽ ông sẽ không bao giờ trở lại Venice, rằng cuộc chia tay này là vĩnh biệt. Bởi đây đã là lần thứ hai thành phố làm ông lâm bệnh, lần thứ hai nó buộc ông vội vã ra đi, từ nay chốn này với ông là cấm địa,

ông không thể nào kham nổi nó, quay trở lại nữa thì thậm vô lý. Phải, ông cảm thấy, nếu bây giờ bỏ chạy thì nổi hổ thẹn và lòng kiêu hãnh sẽ không cho phép ông về lại thành phố yêu dấu này, nơi đã hai lần thân xác ông rã rời bại xuội; và bỗng nhiên cuộc xung đột giữa tinh thần và thể lực trở nên vô cùng trọng yếu đối với người đàn ông ở tuổi xế chiều, lực bất tòng tâm là thất bại nhục nhã phải ngăn chặn bằng mọi giá, và ông không thể hiểu nổi tại sao hôm qua mình lại dễ dàng chấp nhận quyết định ra đi, lại đầu hàng ngay lập tức mà không có một cố gắng chống cự nào đáng kể.

Trong lúc ấy chiếc vaporetto cứ tiến dần đến nhà ga, và đau khổ hoang mang tăng lên tột độ làm ông rối trí. Kẻ bị dày vò cảm thấy mình đi chẳng nổi, mà ở cũng không xong. Ông vào nhà ga với tâm trạng giằng xé không ngã ngũ. Đã muộn lắm rồi, ông không được lãng phí một giây nào nếu muốn kịp chuyến tàu. Ông muốn mà đồng thời lại không muốn. Nhưng thời gian cấp bách như ngọn roi thúc ông tới trước; ông vội vàng mua vé và nhìn quanh đám đông nhốn nháo trong nhà ga để tìm gã nhân viên khách sạn chuyên phục vụ khách đi đường. Người này xuất hiện và báo với ông rằng chiếc vali lớn đã được gửi đi rồi. Đã gửi rồi? Vâng, gửi rồi - đến Como. Đến Como? Và sau một hồi những câu hỏi giận dữ hối hả bay đi, những câu trả lời bối rối bay lại mới vỡ lẽ ra rằng, chiếc vali của ông đã bị văn phòng vận tải khách sạn Excelsior xếp cùng hành lý của những người khác gửi đi sai chỗ. Aschenbach cố gắng lắm mới giữ được vẻ mặt duy nhất phù hợp với hoàn cảnh này. Một nỗi vui sướng điên cuồng, một cảm giác hoan hỉ không thể tả dâng lên siết chặt lồng ngực ông. Gã nhân viên khách sạn xông xáo tìm cách lấy lại chiếc vali, và, như có thể đoán trước được, quay trở lại với hai bàn tay trắng. Thế là Aschenbach tuyên bố, không có hành lý ông không đi đâu cả, ông quyết định quay trở lại và sẽ đợi ở khách sạn ngoài bãi cho tới khi chiếc vali được hoàn trả. Chiếc xuống máy của công ty còn đậu ngoài ga không? Gã nhân viên quả quyết, nó neo ngay trước cửa. Trỏ hết tài ăn nói kiến trong lỗ cũng phải bỏ ra của dân Ý, gã thuyết phục người bán vé bồi hoàn lại tám vé tàu khách vừa mua, thẻ thốt công ty sẽ

đánh điện đi ngay lập tức, sẽ không tiếc tiền bạc và công sức để nhanh chóng tìm lại chiếc vali đưa về cho chủ. Và, thật là trái khoáy, hai mươi phút sau khi đặt chân đến nhà ga kẻ dứt áo ra đi lại thấy mình xuôi dòng Kênh Lớn trở về đảo Lido.

Chuyến phiêu lưu ngược đời thật khó tin, vừa đáng hổ thẹn vừa khôi hài như một giấc mơ: trong vòng một tiếng đồng hồ số phận đảo điên đã cho ông gặp lại những địa điểm ông vừa nói lời vĩnh biệt trong cơn đau khổ tột cùng! Bọt nước sủi lên trước mũi, chiếc xuồng nhỏ nhanh nhẹn luôn lách giữa đám tàu thuyền tấp nập lướt như bay về đích, trong khi vị hành khách cố giấu tâm trạng kích động nửa sợ sệt nửa háo hức của chú bé bỏ nhà ra đi dưới cái mặt nạ thất vọng đầy tức tối. Thỉnh thoảng ngực ông vẫn còn dội lên tiếng cười cố nén trước sự rủi ro mà, như ông tự nhủ, chẳng thể nào hên hơn được nữa. Chịu khó giải thích vài câu, chịu đựng vài cái nhìn kinh ngạc - thế là xong, ông tự bảo thầm, mọi việc sẽ lại ổn thỏa, một tai họa được ngăn ngừa, một sai lầm được sửa chữa, và tất cả những gì ông đã tưởng phải bỏ lại sau lưng sẽ lại mở ra trước mắt ông, lại thuộc về ông chẳng kể lâu mau... Không biết con xuồng lướt nhanh đánh lừa cảm giác, hay gió đã vào hòa với vận tốt của ông mà đổi chiều từ biển thổi vào? sóng đập vào bờ kè bê tông con kênh hẹp xuyên ngang đảo thông tới khách sạn Excelsior. Một chiếc ô tô buýt đợi sẵn ở đó đưa người trở lại quay về khách sạn ngoài bãi trên con đường thẳng tắp trông xuống mặt biển dọn sóng lăn tăn. Viên quản lý bé nhỏ để ria mép, mặc áo khoác có đuôi xuống tận chân bậc tam cấp đón ông.

Bằng giọng khẽ khàng thổ thỉ ông ta xin lỗi vì sự cố vừa rồi, gọi đó là một sự hổ thẹn cho bản thân mình và cho cả công ty, đồng thời tán thành quyết định sáng suốt của Aschenbach quay lại đây chờ hành lý. Tất nhiên phòng cũ của ông đã có người thuê, nhưng họ có thể dành cho ông một phòng khác tiện nghi không kém. “Pas de chance, monsieur”^[21], anh chàng giữ thang máy người Thụy sĩ mỉm cười bảo ông khi cho thang chạy lên lầu. Và như thế kẻ đi trốn lại vào ở trong một phòng mà vị trí và đồ đạc gần như

không khác gì căn phòng cũ.

Mặt mỗi, choáng váng vì quay cuồng suốt buổi sáng bất thường, sau khi dỡ hành lý xách tay ông buông mình vào một chiếc ghế bành bên cửa sổ để ngó. Biển xanh nhuộm màu lục nhạt, không khí dường như nhẹ nhõm và trong lành hơn, bãi biển với những căn lều và những con thuyền cũng có vẻ tươi tắn hơn, mặc dù bầu trời vẫn còn xám xịt. Aschenbach dỗi mắt nhìn xa xăm, tay xếp trong lòng, hết sức hài lòng vì đã trở lại đây, lắc đầu chê trách tâm trạng thất thường, không biết đến cả nguyện vọng của chính mình. Ông cứ ngồi như vậy cả giờ đồng hồ, để tâm trí nghỉ ngơi và mơ mộng. Tầm giữa trưa ông nhìn thấy Tadzio mặc bộ đồ lanh kẻ với chiếc nơ đỏ đi từ phía biển lại, qua bãi tắm có hàng rào bao quanh, theo con đường lót ván về khách sạn. Từ chỗ ngồi trên cao Aschenbach nhận ra cậu bé ngay lập tức, trước cả khi ông thực sự nhìn rõ cậu, và muốn nghĩ một câu, giả dụ như: “Coi kìa, Tadzio, lại gặp em ở đây!” Nhưng cùng lúc ấy câu chào hững hờ đã bị nhấn chìm và phải im tiếng trước sự thật cồn lên trong trái tim ông - khoái cảm tuôn trào trong huyết mạch, niềm vui sướng, nỗi đau khổ đồng thời tràn ngập linh hồn, và ông chợt nhận ra Tadzio mới chính là nguyên nhân làm cho cuộc chia ly trở nên nặng nề đến thế đối với ông.

Ông ngồi lặng thinh, khuất hẳn trên cao, hướng cái nhìn vào sâu trong thâm tâm mình. Các đường nét trên gương mặt ông giãn ra linh hoạt, lông mày dướn lên, một nụ cười thâm thúy, hóm hỉnh đầy vẻ hiếu kỳ nở trên môi. Rồi ông ngẩng đầu chậm chậm phác một cử chỉ, lòng bàn tay quay ra phía trước, hai cánh tay buông thõng trên thành ghế từ từ nhấc lên đưa sang hai bên, như thể ông muốn diễn tả một vòng tay mở rộng. Đó là một cử chỉ sẵn sàng hoan nghênh, điềm nhiên đón nhận.

CHƯƠNG IV

Từ ấy, ngày nối ngày, thần mặt trời^[22] má đỏ phừng phừng trần mình dong cỗ xe tứ mã rục lửa qua cả vòm trời, cuộn cuộn tóc vàng tung bay cùng ngọn gió đông. Ánh bạc lấp lánh trên đầu những con sóng lười biếng nhấp nhô ngoài bể. Cát nóng như nung. Dưới không trung chói chang xanh biếc một màu, người ta căng lên trước dãy lều ngoài bãi tắm mấy tấm bạt màu gỉ sắt để núp trong bóng râm toan hoản của chúng mà tiêu khiển cho qua buổi sáng. Nhưng đêm xuống thì thật tuyệt vời, khi cây cối trong công viên tỏa hương mát dịu, các vì tinh tú trên cao xoay vần theo quỹ đạo vòng quanh, và tiếng rì rầm hỗn tạp của đại dương nổi lên nhẹ nhẹ, thủ thỉ tâm tình với linh hồn. Mỗi đêm như thế lại hào phóng hứa hẹn một ngày nắng mới thanh thoi, được điểm xuyết thêm chuỗi khả năng vô vàn những chuyện tình cờ thú vị.

Ông khách, nhân cơ hội mượn gió bẻ măng lưu lại chốn này, còn khuya mới nghĩ đến chuyện ra đi sau khi đã thu hồi của nả. Ròng rã hai ngày ông phải muối mặt xuống phòng ăn lớn dùng bữa trong bộ quần áo đi đường. Rồi, khi cái gánh nặng thất lạc cuối cùng được đưa trở về khách sạn, ông dỡ tất cả vật dụng ra xếp vào đầy tủ và ngăn kéo, quyết tâm trước mắt cứ ở lại vô thời hạn, khoái chí vì đã có thể diện đồ lượ ra ngoài bãi tắm và mặc dạ phục thật bảnh xuống lấy le bên bàn ăn.

Nếp đời nhàn tản ấy cuốn hút ông theo nhịp điệu đều đều của nó, lối sống hào nhoáng bọc đường nhanh chóng cảm dỗ ông. Thật vậy, có chốn nào bằng được nơi này, vừa có sức hấp dẫn của một vùng nghỉ mát thanh lịch trên bờ biển phương Nam lại vừa gắn bó mật thiết với thành phố liêu trai tuyệt sắc kia! Aschenbach không phải là người ham hưởng thụ. Dù ở đâu, lúc nào, mỗi khi có dịp tiệc tùng, xả hơi, nếm mùi hạnh phúc trần gian thì ông lại cảm thấy bồn chồn đầy ác cảm - nét tâm lý này thể hiện đặc biệt

rõ trong những năm ông còn trẻ - và nhanh chóng rút lui quay về với công việc nặng nhọc, nếp sống khổ hạnh phục vụ bốn phận thiêng liêng của mình. Duy chỉ có nơi này quyến rũ được ông, xoa dịu tinh thần ông, làm ông hạnh phúc. Đôi khi vào buổi sáng, dưới bóng tấm bạt che trước mái lều, thả hồn mơ màng trong xanh thắm màu nước Nam Hải, hay vào những đêm ấm áp dưới vòm trời bao la rắc đầy tinh tú, ngả mình trên gối đệm êm đềm trong chiếc gondola đi từ quảng trường san Marco về lại đảo Lido sau những giờ giải trí - bỏ lại sau lưng ánh đèn màu, bản tình ca mùi mẫn - ông chợt nhớ tới túp nhà sơn cước, nơi diễn ra cuộc vật lộn của ông mỗi mùa hè, mây đen vần vũ kéo qua vườn, đông tố cuồng phong thổi đèn lửa trong nhà tắt ngóm, và những con quạ ông thường cho ăn bay nháo nhác trên ngọn cây thông. Khi ấy ông thấy mình như lạc vào cõi thiên đàng, ở ngoài rìa chốn trần ai, nơi con người được ban cho cuộc sống thanh thoi, chẳng sợ tuyết băng và mùa đông cũng như bão tố và mưa lũ, chỉ có những làn gió mát mỏng man mà hải thần okeanos^[23] gửi lên, và ngày tháng trôi đi trong vô vi hạnh phúc, không phải cố gắng, không cần tranh đấu, trợn vện hiến thân cho mặt trời và những lễ hội tôn vinh thái dương thần. Aschenbach rất hay gặp Tadzio, gần như thường xuyên; vì chỉ quanh quẩn trong một môi trường chật hẹp, mỗi người theo nếp sinh hoạt điều độ của mình, nên ban ngày cậu bé xinh đẹp lúc nào cũng ở gần ông, chỉ trừ vài khoảng gián đoạn ngắn ngủi. Ông thấy, ông gặp cậu bé ở mọi nơi mọi chỗ: trong dãy phòng tầng dưới khách sạn, trên các chuyến đò mát rượi qua vịnh sang thành phố và lúc trở về, cả trên quảng trường sầm uất và trong các cuộc chạm trán giữa đường do hóa công tình cờ xui khiến. Nhưng nhiều nhất và may mắn làm sao cũng thường xuyên nhất, là cơ hội mỗi buổi sáng trên bãi tắm, khi ấy ông có nhiều giờ đồng hồ để thả sức chiêm ngưỡng và nghiên cứu hình dáng yêu kiều tuyệt mỹ kia. Phải, chính sự lệ thuộc vận may, hoàn cảnh thuận lợi lặp đi lặp lại hằng ngày ấy đã làm ông rất hài lòng đẹp ý, khiến hồn ông tràn ngập cảm giác mãn nguyện và yêu đời, làm cho kỳ nghỉ của ông trở nên quý báu và những ngày nắng đẹp cứ

êm đềm nối đuôi nhau không dứt.

Ông dậy sớm, như thói quen bao năm làm việc cần cù, và ra bãi trước tất cả mọi người, lúc nắng còn dịu và mặt biển trắng lóa còn mơ màng giấc mộng ban mai. Ông niềm nở chào người gác đêm, thân mật hỏi han lão già râu bạc đi chân đất trong lúc lão lo sửa soạn chỗ cho ông, căng tấm bạt nâu che nắng, mang bàn ghế trong lều ra kê ngoài bụi, rồi ông ngả lưng nằm nghỉ. sau đó là khoảng thời gian ba hay bốn tiếng đồng hồ, khi mặt trời lững thững leo lên đỉnh cao tỏ uy quyền đáng sợ của mình, khi biển mỗi lúc một thắm xanh hơn, và cũng là khi ông được nhìn thấy Tadzio.

Ông thấy cậu đi từ mé trái lại dọc theo mép nước, thấy cậu nhô ra từ phía sau mấy túp lều, hoặc cũng có khi bất ý chẳng ngờ ông giật mình vừa kinh ngạc vừa mừng rỡ thấy cậu đã sờ sờ đứng đó, trong bộ đồ tắm xanh trắng là trang phục duy nhất của cậu ngoài bãi biển, tiếp tục những trò tiêu khiển bêu nắng và nghịch cát - lang thang nhàn nhã, vô công rồi nghề một cách đáng yêu, kiếp sống vô tư chỉ có rong chơi và ngơi nghỉ, lúc tản bộ, lúc lội nước, lúc đào cát, lúc chơi đuổi bắt với chúng bạn, lúc lặn ra tắm nắng và lúc nhảy xuống bơi, được mấy người phụ nữ ngồi trên cái bụi trước lều ráo riết canh chừng, cao giọng véo von liên tục gọi: “Tadziu! Tadziu!” và cậu chạy về mặt mày hăm hở, kể cho họ nghe cậu mới làm gì, chỉ cho họ thấy cậu lượm lật được những gì: vài cái vỏ sò, mấy con hải mã, mấy con sứa và những con cua lênh khênh bò ngang. Aschenbach chẳng hiểu cậu nói mô tê gì, nhưng mặc cho đó chỉ là những điều vô vị tầm thường nhất, trong tai ông nó vang lên thật êm ái du dương. Thế là tiếng nói lạ tai của cậu bé thăng hoa thành âm nhạc, văng thái dương kiêu hãnh hào phóng tỏa hào quang bao quanh người cậu, và đại dương thâm trầm hùng vĩ chấp nhận làm nền tôn sự hiện diện của cậu lên.

Chẳng bao lâu người chiêm ngưỡng đã thuộc từng đường nét và dáng điệu của cái thân thể ngọc ngà được phơi bày hết sức tự nhiên ấy, ông vui sướng trăm lần như một khi gặp lại nét đẹp thân quen và cảm thấy niềm

thán phục, nổi say mê cứ trào dâng bất tận. Người ta gọi cậu bé đến chào một vị khách tới thăm đám phụ nữ trong lều; cậu chạy về, ướt rượt như vừa từ dưới nước lên, vuốt những lọn tóc ra sau gáy, đưa tay bắt tay khách, nhún một chân, chân kia chạm nhẹ mũi xuống đất, thân mình hơi xoay đi và nghiêng xuống vô cùng duyên dáng, bẽn lẽn hồi hộp, thẹn thùng khả ái, kiểu cách như một trang công tử chính cống. Hoặc khi cậu nằm dài, tấm khăn tắm quàng quanh ngực, cánh tay mảnh khảnh như tạc từ cẩm thạch chống xuống cát, lòng bàn tay đỡ lấy cằm; thằng bé tên gọi “Jaschu” ngồi chầu chực một bên, và không có gì mê hoặc lòng người hơn nụ cười trong ánh mắt và trên cặp môi của kẻ được hưởng thiên ân chiếu cố ban cho kẻ thua kém dưới cơ mình. Cũng có lúc cậu đứng bên mép nước, một mình, xa những người thân, rất gần Aschenbach - vươn thẳng người, chắp tay sau gáy, chậm chậm nhón chân lắc lư nhịp nhàng từ trước tới sau, mơ màng nhìn ra xa tít ngoài biển xanh, để mặc những con sóng lăn tăn bò vào vuốt ve mấy ngón chân. Mái tóc vàng như mật ong cuộn những búp xoắn hồ hững trên thái dương và sau gáy, lớp lông tơ mịn màng trên sống lưng óng mượt dưới ánh mặt trời, mấy rẻ xương sườn phác những đường cong thanh tú, vòng ngực cân đối nổi lên dưới bộ đồ tắm bó sát người, hốc nách còn trơn nhẵn như một pho tượng, khuỷu chân láng bóng mờ mờ những mạch máu xanh gọi lên ấn tượng thân thể cậu được tạo ra từ một chất liệu trong suốt. Tu dưỡng rèn luyện nào, tư duy xác đáng nào được biểu lộ ra qua tấm thân trẻ trung hoàn hảo vươn cao này! Nhưng cái ý chí sắt thép thuần túy âm thầm vận động trong bóng tối để đưa tạo tác siêu việt này ra ánh sáng - đối với ông, người nghệ sĩ, đâu có gì xa lạ? Chẳng phải cũng chính ý chí ấy đã từng tác động vào ông, mỗi khi lòng ông tràn ngập mê say, dốc sức để gọt khối cẩm thạch ngôn từ để giải phóng ra một hình tượng thanh tao mà ông phác họa trong tư tưởng, để trưng bày ra với người đời như một biểu tượng, một tấm gương của vẻ đẹp tinh thần?

Biểu tượng và tấm gương! Mắt ông ôm trọn hình ảnh cao quý đứng bên bờ biển xanh, và trong cơn hào hứng mê say ông tin rằng với nhãn quan

này ông đã giác ngộ được bản thể cái đẹp, hình thức của những tư duy siêu phàm, sự hoàn hảo thuần khiết và duy nhất tồn tại trong tư tưởng, được sao chép, mô phỏng dưới hình hài con người như một biểu tượng được dựng lên ở đây nhẹ nhàng cao nhã để phụng thờ. Đó là một cơn say; và người nghệ sĩ về già chẳng những không lưỡng lự, mà còn hăm hở lao vào. Đầu óc ông quay cuồng, tri thức đảo lộn, ký ức nhả ra những tư tưởng cổ xưa ông hấp thụ từ thời trẻ dại mà cho tới bây giờ chưa từng khơi dậy được ngọn lửa nhiệt tình trong hồn ông. sách vở chẳng đã viết rằng mặt trời hướng mỗi quan tâm của chúng ta từ lĩnh vực tinh thần sang những điều trần tục hay sao? Theo đó thì vầng thái dương làm trí tuệ và ký ức ta mụ mẫm và mê muội, đến nỗi linh hồn hoan lạc quên cả hiện trạng của mình, chỉ mãi đắm say ngưỡng mộ theo đuổi đối tượng đẹp nhất giữa những vật thể sáng ngời trong ánh nắng: chính thế, phải cần một thân xác linh hồn mới có thể nâng mình lên tầm vóc cao hơn. Giống như các nhà toán học dùng những hình ảnh gần gũi để bày cho các trẻ em tối dạ những khái niệm trừu tượng, thần ái tình amor^[24] cũng làm như vậy để tinh thần hiển hiện trước mắt ta, thường là dưới hình dáng và màu sắc của tuổi thanh xuân, làm công cụ cho ký ức, tô điểm bằng tất cả ánh hào quang đẹp đẽ, khiến mỗi khi chiêm ngưỡng lòng ta cháy bùng lên ngọn lửa đón đau và hy vọng.

Những tư tưởng ấy tràn ngập đầu óc kẻ xuất thân; những cảm xúc ấy choáng ngợp tâm hồn ông. Và tiếng sóng biển âm ì cùng ánh mặt trời chói lọi gọi lên trước mắt ông một cảnh tượng thần tiên. Một cây tiêu huyền cổ thụ đứng không xa những bức tường thành athena - một trong những chốn linh thiêng mát rượi, ngát hương hoa anh đào, được trang điểm bằng những linh vật và lễ vật cúng thần sông achelous^[25] cùng các nàng tiên nước. Một dòng suối trong vắt chảy dưới tán lá tiêu huyền xò rộng, giữa những hòn cuội nhẵn bóng, dể gáy nỉ non. Trên bãi cỏ hơi thoai thoải dốc, có hai người nằm gối đầu cao, lẩn tránh nắng gắt ban trưa: một già một trẻ, một xấu một đẹp, nhà thông thái bên cạnh chú tiên đồng. Và xen giữa

những lời tâng bốc, những câu bông đùa ý nhị, socrates giảng giải cho Phaidros^[26] về tình yêu và đạo đức. Ông nói về chấn động kinh hoàng nóng bỏng giáng xuống đầu người cảm thụ, khi mắt y bắt gặp một hình ảnh hiện thân của vẻ đẹp vĩnh hằng; ông nói về dự vọng của kẻ vô đạo và kẻ tà tâm, những kẻ không cảm nhận được cái đẹp từ biểu tượng, và vì thế không biết tôn kính Chân, Thiện, Mỹ; ông nói về niềm e sợ thiêng liêng của người quân tử khi chiêm ngưỡng một gương mặt thánh thiện, một tấm thân hoàn hảo, khi ấy hồn y run lên thổn thức bồi hồi tưởng không dám ngược mắt nhìn, tôn thờ kẻ mang trong mình cái đẹp, thậm chí sẵn sàng hy sinh thân mình để thờ phụng kẻ kia như một thần tượng, nếu không sợ bị người đời coi là lối bịch. Vì cái đẹp, hỏi Phaidros, chỉ có cái đẹp là vừa khả ái vừa mục khả thị: cái đẹp, hãy ghi nhớ điều này, là hình thức duy nhất của tư tưởng mà ta có thể tiếp thu qua các giác quan, cảm thụ bằng các giác quan. Hoặc giả chúng ta sẽ ra sao, nếu những điều siêu phàm như trí tuệ và đạo đức và chân lý bỗng hiển hiện rành rành trước mắt ta? Khi ấy ta làm sao tránh khỏi tội phạm thượng và khỏi bị tình yêu thiêu đốt thành tro bụi, như nàng semele^[27] ngày ấy trước thần Zeus? Như vậy cái đẹp là con đường đưa người cảm thụ đến với tư tưởng - chỉ là con đường, là một phương tiện mà thôi, Phaidros bé nhỏ của ta... Và rồi ông, kẻ quyền rũ cáo già, đã nói ra điều tinh tế nhất: Đó là, kẻ đem lòng yêu cao cả hơn kẻ được yêu, vì cái thần ẩn trong kẻ yêu người chứ không phải ở người được yêu - có lẽ đó là tư tưởng tế nhị nhất mà cũng mai mỉa nhất tự cổ chí kim, là nguồn gốc nảy sinh mọi thủ đoạn xảo quyệt và lạc thú thâm kín nhất của ái tình.

Hạnh phúc đến với nhà văn khi một tư tưởng có thể hóa thân hoàn toàn thành cảm xúc, và một cảm xúc hoàn toàn thành tư tưởng. Khi ấy chính một tư tưởng xung động như thế, một cảm xúc xác thực như thế đã vừa thống trị vừa phục tùng người khách cô đơn: thân xác run rẩy đắm say, trong khi tinh thần gục đầu tôn vinh cái đẹp. Đột nhiên, ông muốn viết. Đã đành người đời vẫn cho rằng thần ái tình Eros ưa nhàn nhã, và sinh ra chỉ để hưởng an nhàn. Nhưng ở thời điểm này trong cơn khủng hoảng, hứng

thú của kẻ cuồng si tập trung vào sáng tác. Không cần quan tâm đến nguyên do. Một câu hỏi, một đề nghị khơi mào cho một vấn đề lớn đang là điểm nóng về văn hóa và thị hiếu, làm xôn xao giới trí thức đương thời, đã lọt tới tai người lữ khách. Đề tài ấy đối với ông quá quen thuộc, ông đã tự mình trải nghiệm; đột nhiên ông không cưỡng lại được ham muốn soi sáng nó dưới ánh hào quang tỏa ra từ ngôn ngữ của chính ông. Kỳ thực ông thấy thêm được làm việc với sự hiện diện của Tadzio, khi viết lấy thân hình cậu làm mẫu vật, để cho ngòi bút của ông lượn theo những đường nét thân thể ông cho là thánh thiện, chuyển tải vẻ đẹp ấy thành tư tưởng, như cánh đại bàng ngày xưa đưa chàng mục đồng thành Troja^[28] về thế giới thần linh. Chưa bao giờ ông cảm nhận khoái lạc văn chương một cách ngọt ngào hơn thế, chưa bao giờ ông ngờ rằng thần ái tình Eros lại có mặt trong từng câu chữ, như trong những giờ phút thần tiên gay cấn này, ngồi bên chiếc bàn thô sơ dưới tấm bạt che nắng, có thần tượng ngay trước mắt, giọng nói thần tượng du dương như tiếng nhạc trong tai, phóng bút thảo nên áng tản văn nho nhỏ - chỉ vồn vện một trang rưỡi văn xuôi trau chuốt, nhưng vừa phổ biến đã gây chấn động dư luận nhờ sự khúc chiết, thanh cao và những rung động dồn nén bên trong. Càng tốt, nếu thiên hạ chỉ biết đến tuyệt phẩm mà không rõ nguồn gốc, không rõ hoàn cảnh ra đời của nó; vì biết rõ cội nguồn nảy sinh cảm hứng nơi người nghệ sĩ chỉ làm cho họ thấy hoang mang, khiếp sợ và sinh ra rẻ rúng kiệt tác. Giờ phút xuất thần lạ lùng thay! Nỗ lực căng thẳng lạ lùng thay! sự giao cấu giữa tinh thần và thể xác mới kỳ quái làm sao! Khi Aschenbach hoàn thành công việc và rời bãi tắm, ông thấy mình kiệt lực, người bải hoải rã rời, và có cảm tưởng lương tâm lên tiếng kêu ca như sau một đêm chơi bởi phóng dăng. sáng hôm sau, khi vừa định rời khách sạn, từ trên bậc tam cấp ông nhìn thấy Tadzio đang trên đường ra biển - mà chỉ có một mình - cũng đi theo lối qua hàng rào bãi tắm. Lòng ông nổi lên một mong muốn thôi thúc, một ý tưởng đơn giản, tận dụng cơ hội này để làm quen với người đã vô tình gây ra bao sóng gió trong hồn ông, nhẹ nhàng, vui vẻ chào hỏi cậu, được một câu trả lời của

cậu, vui sướng nhận một ánh mắt cậu gửi trao. Thân tượng của ông bước đi thong thả, muốn kịp cậu chẳng khó khăn gì, và Aschenbach rảo bước đuổi theo. Ông bắt kịp cậu trên lối đi lót ván phía sau những túp lều, ông định xoa đầu, đặt tay lên vai cậu, và một lời vô thường vô phạt, một câu thân mật bằng tiếng Pháp đã mấp mé trên môi: thì ông bỗng thấy tim mình đập như búa thợ rèn, cũng có thể vì ráng sức đi nhanh, ông cảm thấy hơi tới mức sợ lên tiếng bây giờ thì chỉ thốt ra những lời hào hển và đứt đoạn; ông ngần ngừ, ông cố lấy lại tự chủ, đột nhiên ông thấy sợ mình đã đeo theo cậu nhỏ quá lâu, sợ cậu để ý và quay nhìn dò hỏi, ông lấy đà thử thêm lần nữa, vẫn không dám, đành bỏ qua cơ hội và cúi đầu cúi thủ đi vượt lên trước.

Muộn mắt rồi! Lúc ấy đầu ông chỉ quay cuồng một ý nghĩ. Muộn mắt rồi! Nhưng có thực là đã quá muộn không? Cái bước mà ông vừa để lỡ, rất có thể giúp ông mở mắt nhìn nhận sự vật ở khía cạnh tốt lành, nhẹ nhàng và vui tươi, giúp ông tỉnh ngộ. Chỉ rắc rối một điều là người nghệ sĩ về già không muốn tỉnh ngộ, cơn say này quá ư quý giá đối với ông. ai mà lý giải nổi bản chất và đặc điểm của nhân sinh quan nghệ sĩ! ai mà hiểu nổi do đâu có sự hòa trộn bản năng giữa tu dưỡng kỷ luật và tự do phóng dăng! Bởi không muốn hồi tâm tỉnh ngộ, đó là phóng dăng. Aschenbach đã mất khả năng tự phê bình; tự tin vào thẩm mỹ, vào khả năng trí tuệ đã được bồi đắp nhiều năm, lòng tự ái, bậc tuổi cao niên và tính xuề xòa đại khái về sau khiến ông không lao vào mổ xẻ những động cơ thúc đẩy mình, tìm hiểu xem điều gì đã ngăn cản ông thực hiện ý đồ, mặc lòng cho đó là lương tâm, hay sự dễ dãi và yếu đuối. Ông hoảng hốt sợ có ai bắt gập hành vi của mình, thất bại của mình, sợ cả người gác đàn ngoài bãi tắm, sợ bị trở thành trò cười cho thiên hạ. Đồng thời ông lại tự giấu cọt bản thân, sao lại sợ đến vãi cả linh hồn ra thế nhỉ. “Thảm hại”, ông thầm nghĩ, “thảm hại như một con gà chiến sợ đến sã cánh trong xới chọi. Đó phải là thượng đế quyền năng mới khiến ta khi gặp mặt người thương mến bỗng mất hết can đảm, để cho lòng tự hào bị giày xéo tan tành dưới đất...” Ông cười cọt, ông nổi

xung, nhưng vẫn còn quá tự phụ để e dè trước một cảm xúc.

Ông đã thôi không còn kiểm soát thời gian rong chơi mà ông tự cho phép mình hưởng thụ; cũng chẳng một lần đã động đến ý định về nhà. Ông đã tiêu tốn một đồng tiền. Nỗi lo duy nhất của ông là sợ gia đình Ba Lan kia ra đi; nhưng ông đã kín đáo làm bộ tình cờ thăm dò gã thợ cắt tóc của khách sạn và được biết, họ chỉ đến đây ở trước ông không bao lâu. Mặt trời làm da ông râm nắng, làn gió mặn mòi khiến ông phấn chấn tâm hồn, và giống như trước kia quen dần vào công việc toàn bộ sinh lực mà giấc ngủ, dinh dưỡng hay thiên nhiên cung cấp, giờ đây ông phung phí một cách hào phóng, không tính đến hiệu quả kinh tế, tất cả những gì ánh thái dương, không khí biển và nếp sống an nhàn bồi bổ cho ông vào niềm say mê và cảm xúc.

Ông chỉ ngủ chập chờn; xen vào giữa những ngày vui thú giống nhau là những đêm ngắn bôn chôn đầy hạnh phúc. Mặc dù vẫn lên phòng từ sớm, vì mỗi khi Tadzio biến khỏi sân khấu vào tầm chín giờ tối thì ngày hôm ấy cũng kể như chấm dứt đối với ông. Nhưng cứ sáng sớm tinh mơ, một nỗi khiếp sợ mong manh lại len vào giấc ngủ đánh thức ông, trái tim nhắc ông nhớ đến cuộc phiêu lưu tình cảm của mình, không thể nằm yên trong nệm ấm gối êm, ông nhồm dậy, khoác thêm tấm áo mỏng chống khí lạnh ban mai, và ngồi xuống bên khung cửa sổ mở rộng chờ đón bình minh. sự kiện kỳ diệu khởi đầu một ngày mới luôn khiến linh hồn ông, vừa được gột rửa qua giấc ngủ, tràn ngập một niềm sùng kính thiêng liêng. Trời, đất và biển vẫn mờ ảo trong ánh lê minh bàng bạc liêu trai; một vì sao tàn lụi còn thoi thóp trôi dạt giữa mông lung. Nhưng rồi một làn gió nhẹ nhàng thổi tới, đưa cánh tin từ miền bất khả lai, cho biết nàng Eos^[29] đã cựa mình thức giấc bên chông, và những ánh ửng hồng dịu ngọt đầu tiên hé lên ngấp nghé đường chân trời tím tấp khơi xa, báo hiệu sự thức tỉnh dự vọng của tạo hóa. Vị nữ thần tiến lại gần, thủ phạm quyến rũ trai tơ, cướp đi chàng Kleitos và chàng Kephalos^[30], bắt chấp mọi ghen tuông dị nghị của các vị thần trên đỉnh olympus điếm nhiên thụ hưởng tình yêu của chàng orion

xinh đẹp^[31]. Những nụ hồng bắt đầu rải rác xuất hiện nơi cuối đất, nở rộ và tỏa sáng lộng lẫy vô cùng, những cụm mây thơ trẻ, rạng ngời, sáng rực, bông bênh trong dải hương lam hồng như những tiểu thần amor đang làm nhiệm vụ nhắn tin, ánh đỏ tía rót xuống mặt biển được sóng cuộn lên đẩy về phía trước, những ngọn giáo vàng từ đáy nước vung cao chĩa thẳng lên trời, ráng đỏ bùng lên như đám cháy, âm thầm với một sức mạnh siêu phàm cồn lên đục vọng sục sôi, bùng bùng ngọn lửa, và với nhịp vó câu dồn dập, những con thần mã đưa vị huynh thần^[32] nhô lên từ phía chân trời. Bao bọc trong ánh sáng lộng lẫy của thái dương thần, kẻ canh gác cô đơn ngời lạng, để những tia hào quang hôn lên cặp mi khép chặt. Những xúc cảm cũ càng, những đón đau ngọt ngào non trẻ của con tim đã bị bóp chết vì lối sống khắc kỷ của ông, giờ bỗng quay trở lại thay hình đổi dạng một cách lạ kỳ - được ông tiếp nhận với một nụ cười hoang mang, kinh ngạc. Ông trầm ngâm, tư tưởng, chầm chậm môi ông uốn thành tiếng gọi một cái tên, và vẫn mỉm cười, mặt ngửa lên, tay khép lại trong lòng, một lần nữa ông thêm thiếp chìm vào giấc ngủ trên chiếc ghế bành.

Nhưng mặc dù khởi đầu một cách long trọng huy hoàng như vậy, nhìn chung mỗi ngày vẫn có nhiều thay đổi lạ lùng và biến động hoang đường. Từ đâu thổi tới làn gió nhẹ, bỗng dung dịu dàng đầy ý nghĩa, như một lời thăm lén kiêu sa, đến vờn quanh thái dương và vành tai ông? Những cụm mây trắng nõn rải rác từng đàn khắp bầu trời, như những đàn gia súc của thần linh đang gặm cỏ. Cuồng phong nổi lên, và những con tuấn mã của thần Poseidon^[33] rùng rùng phi tới, và những con bò mộng của vị thần tóc xanh cuộn cuộn cũng chúi sừng gằm rống lao vào. Giữa những hòn đá tảng ngoài bãi xa, sóng xô như bầy dê nhảy cẫng. Một thế giới biến dạng linh thiêng đầy những thuộc hạ của thần Pan^[34] bao vây quanh kẻ đắm say, và trái tim ông mơ đến những cảnh tượng hoang đường huyền hoặc. Nhiều lần, khi mặt trời ngả xuống khuất dạng sau Venice, ông ngồi trên một băng ghế trong công viên ngắm nhìn Tadzio chơi bóng trên khoảng sân đá cuội đầm phẳng, mặc quần áo trắng thắt dải dây lưng màu, mà tưởng như thấy

trước mắt mình hình ảnh chàng

Hyakinthos^[35], người đã bỏ mạng vì được hai vị thần đồng thời ái mộ. Đúng thế, ông cảm nhận được nỗi ghen tuông đau đớn của nữ thần gió đông Zephyros, mà đối tượng là kẻ tình địch đầy quyền năng^[36] đã quên cả những lời tiên tri, bỏ cả những vật bất ly thân là cánh cung và cây đàn kithara^[37] để vui chơi với chàng trai xinh đẹp; ông thấy chiếc đĩa ném ra, bị cơn ghen tàn bạo lái đi, chạm vào mái đầu yêu dấu, ông đón lấy tấm thân quý ngã, mặt ông cũng tái xanh, và đóa hoa trở ra từ dòng máu ngọt tuôn trào là lời khắc ghi tiếng kêu than ai oán bất tận của ông...

Không có gì lạ lùng, khó xử hơn mối quan hệ giữa hai người chỉ biết mặt nhau - dù họ gặp gỡ, quan sát nhau mỗi ngày, có khi mỗi giờ, nhưng vì phép tắc xã giao bó buộc hay tính khí gàn dở thất thường mà vẫn buộc lòng làm bộ dừng dưng như người xa lạ, không chào không hỏi. Giữa họ nảy sinh cảm giác hồi hộp, nỗi hiếu kỳ cao độ, sự bồn chồn vì nhu cầu tìm hiểu và trao đổi không được thỏa mãn, bị đè nén một cách thiếu tự nhiên, đặc biệt còn có phần nể trọng một cách căng thẳng. Vì một Từ dòng máu của chàng mọc lên một loài hoa thơm ngát. người chỉ yêu quý và tôn thờ người khác chừng nào họ còn chưa có khả năng phán xét về nhau, và khao khát tương tư là kết quả của sự hiểu biết không đầy đủ.

Đương nhiên một mối tương giao nhất định thế nào cũng phải hình thành giữa Aschenbach và cậu bé Tadzio, và người lớn tuổi hơn hẳn hoan không thể tả khi nhận thấy cảm tình và sự chú ý của mình không phải hoàn toàn không được đền đáp. Tỉ như mỗi buổi sáng khi đi qua bãi tắm ra lều nhà mình, điều gì đã khiến cậu bé xinh đẹp gần đây không chọn con đường lót ván đằng sau dãy lều nữa, mà luôn luôn đi phía trước, lội cát ngang qua chỗ Aschenbach, thi thoảng còn lượn sát quá mức cần thiết bên ông, gần như chạm vào bàn, vào ghế ông? Phải chăng sức hấp dẫn, sự quyến rũ từ tình cảm của người trên cũng gây tác động nào đó đến đối tượng bé bỏng vô tư lự? Ngày nào Aschenbach cũng mong đợi sự xuất hiện

của Tadzio, và khi điều ấy xảy ra, thì đôi khi ông lại làm bộ bận rộn, giả đò không để ý lúc cậu bé xinh đẹp đi qua. Nhưng đôi khi ông ngược nhìn lên, và ánh mắt họ gặp nhau. Những lần ấy cả hai đều giữ nét mặt hết sức nghiêm trang. Vẻ đạo mạo khả kính của người đàn ông lớn tuổi không để lộ một xúc động nội tâm nào; nhưng trong cặp mắt Tadzio có một ánh thăm dò, một câu hỏi bản khoắn, bước chân cậu ngập ngừng, cậu nhìn xuống đất rồi lại ngược mắt lên đáng yêu khôn xiết, và khi cậu đã đi qua, có một cái gì đó trong dáng dấp tiết lộ rằng chỉ vì phải giữ phép tắc của người có giáo dục mà cậu không quay đầu nhìn lại.

Tuy nhiên có một lần, một buổi tối, đã xảy ra một sự kiện khác thường. Mấy chị em người Ba Lan và cả cô gia sư của chúng vắng mặt không dự bữa tối trong phòng ăn lớn - Aschenbach ghi nhận điều đó với một nỗi lo lắng bồn chồn. sau khi ăn ông mặc nguyên dạ phục, đội mũ rơm đi đi lại lại trước khách sạn, dưới chân hàng hiên, đang nóng lòng sốt ruột không biết họ đi đâu, đột nhiên ông thấy mấy cô chị âm thầm như những nữ tu cùng với cô gia sư hiện ra trong ánh sáng ngọn đèn treo trên cây cột đèn cong hình cánh cung, và bốn bước sau lưng họ có Tadzio lẻo đẻo đi theo. Họ đi từ phía cầu tàu về khách sạn, chắc là đã ăn tối trong thành phố nhân một dịp gì đó. Có vẻ khi qua vịnh trời hơi lạnh; Tadzio mặc thêm một chiếc áo khoác thủy thủ màu xanh đậm có khuy vàng, và đội trên đầu chiếc mũ cùng kiểu. Nắng và gió biển không làm da cậu sạm đi chút nào, gương mặt cậu vẫn mang màu ngà ngà của đá hoa cương như buổi ban đầu; nhưng hôm nay cậu hơi nhợt nhạt hơn mọi bữa, không rõ tại khí lạnh ban đêm hay tại ánh đèn vàng vọt. Cặp chân mày đều đặn của cậu nổi lên sắc nét hơn, đôi mắt đen và sâu hơn. Cậu đẹp không bút nào tả xiết, và như bao nhiêu lần trước, Aschenbach thấy lòng nhói đau khi thầm nghĩ, ngôn từ chỉ có thể ca tụng vẻ đẹp chứ không thể nào tái tạo được vẻ đẹp.

Ông không ngờ có cuộc gặp gỡ này, và trong lúc xuất kỳ bất ý ông không đủ thời gian tạo cho mình một vẻ bình tĩnh và đạo mạo. Chắc vui mừng, ngạc nhiên, ngưỡng mộ phơi trần cả ra trên nét mặt ông lúc mắt ông bắt

gặp ánh mắt người mong nhớ - và trong khoảnh khắc ấy điều đó xảy ra: Tazio mỉm cười, cậu cười với ông, một nụ cười biết nói, thân thiết, quyến rũ một cách không giấu giếm, trong khi cười làn môi mới từ từ hé mở. Đó là nụ cười của chàng Narcissus^[38] khi nghiêng mình soi bóng xuống nước, một nụ cười say đắm, mê hồn, lôi cuốn đến nỗi khi nhìn thấy bóng mình chàng bất giác muốn dang tay vòng ôm lấy - nụ cười hơi thoáng nét đấng cay, đấng cay vì đeo đuổi một cách vô vọng, không tài nào hôn được cặp môi kiều diễm in hình dưới suối, nụ cười lẳng lơ, hiếu kỳ và phảng phất đau thương, vừa bị mê hoặc vừa làm mê hoặc lòng người.

Người được nhận nụ cười ấy vội vã quay đi, mang theo mình một món quà định mệnh. Ông bàng hoàng đến nỗi phải chạy trốn ánh sáng từ trên hiên, từ vườn hoa, và hướng những bước chân lú lú đi tìm bóng tối sâu trong công viên mé sau khách sạn. Những lời trách móc phẫn nộ và âu yếm cứ trào lên từ đáy lòng ông: “Em không được cười như thế! Nghe chưa, không được cười như thế với bất kỳ ai!” Ông vật mình xuống một băng ghế, ông dồn dập thở hít hương thơm cây cối tỏa trong đêm. Và ngửa người dựa vào lưng ghế, hai tay thông thượt buông xuôi, xúc động rùng mình liên tục, ông thều thào cái công thức bất di bất dịch của bệnh tương tư - trong hoàn cảnh này không thể chấp nhận được, phi lý, vô đạo đức, thật nực cười và đồng thời cũng thật thiêng liêng, thật đáng trân trọng: “Tôi yêu em!”

CHƯƠNG V

Vào tuần lễ thứ tư trên đảo Lido, Gustav von Aschenbach nhận thấy chung quanh có một số biểu hiện bất thường. Trước tiên ông lấy làm lạ vì mùa nghỉ đã dần tới thời kỳ cao điểm mà lượng khách trọ trong khách sạn chẳng những không tăng lên lại còn có vẻ giảm đi, và, đặc biệt hơn, hình như giọng nói tiếng Đức cứ thưa dần rồi từ từ im hẳn, bây giờ bên bàn ăn và ngoài bãi biển chỉ còn những ngôn ngữ xa lạ lọt tới tai ông. Một bữa, trong câu chuyện phiếm với tay thợ cắt tóc - dạo này ông đã trở thành khách hàng thường xuyên của y - có một chữ làm ông giật mình. Gã đàn ông nhắc đến một gia đình người Đức mới đến chưa được bao lâu đã vội bỏ đi, và liến thoắng chêm vào giọng bợ đỡ: “Nhưng ngài vẫn ở lại, phải không ạ; ngài chẳng việc gì phải sợ cái nạn ấy”. Aschenbach ngó sững mặt y. “Nạn gì?” ông hỏi lại. Kẻ ba hoa cầm tịt, giả cách bận rộn làm lơ câu hỏi, và khi ông nhất định gặng thêm, thì y chống chế rằng mình chẳng biết gì rồi gượng gạo lái qua chuyện khác nói lấp đi.

Lúc ấy vào khoảng giữa trưa. Buổi chiều Aschenbach lên đường sang Venice dưới trời nắng chang chang, không một cọng gió; cơn cuồng si thúc đẩy ông bám theo mấy chị em người Ba Lan mà trước đó ông thấy vừa cùng cô gia sư đi ra phía cầu tàu. Ông không gặp thân tượng của mình ở san Marco. Nhưng trong lúc ngồi uống trà chỗ cái bàn sắt tròn bên phía quảng trường râm mát, ông chợt ngửi thấy trong không khí một mùi là lạ, bấy giờ ông mới láng máng nhận ra, hình như từ mấy ngày nay cái mùi ấy đã phảng phất bên mũi mà ông không để ý - đó là mùi thuốc men găng gắt ngòn ngọt, gợi nhớ tới bệnh tật, thương tích và vô trùng một cách đáng ngờ. Ông để ý kỹ hơn, lo âu khẳng định đúng là mùi thuốc sát trùng, bèn uống hết ly trà và rời quảng trường đi về phía đối diện ngôi Đền Thánh. Trong những ngõ hẻm cái mùi ấy lại càng nồng nặc. Ở các góc phố treo đầy

cáo thị, trong đó chính quyền thành phố ôn tồn khuyên dân chúng hạn chế ăn ngao sò ốc hến và tránh sử dụng nước kênh, để đề phòng một bệnh đường ruột hay gặp trong điều kiện thời tiết này. Nội dung tờ hồng của thông cáo chỉ như vải thưa che mắt thánh. Dân chúng tụ tập thành từng đám đứng im lặng trên cầu, trên quảng trường; và người khách lạ đứng lẫn trong bọn họ, suy ngẫm, đăm chiêu.

Ông hỏi thăm một tay chủ tiệm đang đứng tựa cửa, giữa những chuỗi san hô và đồ trang sức giả đá quý, về cái mùi đáng lo ngại kia. Người đàn ông đưa mắt uể oải nhìn ông một lượt từ đầu tới chân, và vội vã tỏ ra niềm nở. “Chỉ là một biện pháp phòng ngừa thôi, thưa ngài!” Y xăng xai trả lời. “Một quy định của nhà chức trách mà dân chúng phải tuân theo. Thời tiết oi bức thế này, gió scirocco là độc lắm đấy. Tóm lại, ngài cũng thừa hiểu - chỉ là một sự thận trọng quá mức mà thôi...” Aschenbach cảm ơn rồi đi tiếp. Nhưng bây giờ cả trên chuyến canô về lại đảo Lido ông cũng ngửi thấy mùi thuốc khử trùng.

Trở về khách sạn, ông lập tức vào đại sảnh lục tìm thông tin trong đồng báo chí để trên bàn. Ông không thấy gì lạ trong các báo nước ngoài. Báo Đức thì đăng những tin đồn thất thiệt, đưa ra nhiều số liệu chên lệch, trích dẫn lời phủ nhận của chính quyền địa phương và bày tỏ sự nghi ngờ tính xác thực của các tuyên bố này. Đó là lý do khiến dân Đức và dân Áo rút lui hết cả. Người các nước khác rõ ràng vẫn chưa hay biết gì, không mấy may ngờ vực, chẳng vướng chút lo âu. “Họ cố tình im lặng!”, Aschenbach bức xúc tự nhủ và quăng mấy tờ báo xuống bàn. “Họ muốn giấu nhẹm chuyện này!” Nhưng đồng thời thâm tâm ông lại hả hê vô cùng trước sự mạo hiểm mà thế giới bên ngoài đã tự chuốc lấy. Vì người đăm mê, cũng như kẻ phạm pháp, không thích trật tự nghiêm minh và nếp sống an toàn, mà hoan nghênh mọi lỏng lẻo trong cơ cấu xã hội, mọi bất ổn và tai họa ngoài đời, với hy vọng mơ hồ biết đâu qua đó mình có thể đục nước béo cò. Chính vì vậy Aschenbach mới thấy trong lòng một nỗi vui mừng hắc ám khi nghĩ đến bức màn che đậy mà nhà chức trách phủ lên những phố

phường bản thủ ở Venice - điều bí mật tệ hại của thành phố được ông gộp chung vào bí mật của riêng ông, mà thâm tâm ông nhất định phải giữ kín cho bằng được. Vì kẻ si tình không sợ gì hơn là Tadzio cũng bỏ đi, và hãi hùng tự hỏi, mình không biết sẽ tiếp tục sống thế nào nếu điều đó xảy ra.

Thời gian sau này ông không thỏa mãn với sự gần gũi và những phút gặp mặt cậu bé xinh đẹp do nếp sinh hoạt hằng ngày và sự tình cờ mang lại nữa; ông tìm mọi cách theo đuổi, rình mò cậu. Giả tử những ngày chủ nhật gia đình Ba Lan ấy không bao giờ có mặt ngoài bãi tắm; đoán chừng họ đi lễ nhà thờ ở san Marco, ông vội vàng lao tới đó, và từ quảng trường nóng bỏng bước vào không gian mờ tối lấp lánh ánh vàng trong thánh đường, ông thấy đối tượng tìm kiếm của mình đang cúi đầu trước bục cầu nguyện. Thế là ông lùi xuống phía sau, chôn chân đứng đợi trên mặt sàn đá hoa ghép đã rạn nứt nhiều chỗ, giữa đám đông quỳ gối lẩm bẩm cầu nguyện và làm dấu thánh giá lia lịa, và vẻ hoành tráng cực mịch của ngôi điện thờ kiểu phương Đông đè nặng lên tâm trạng ông. Phía trước, vị linh mục trang phục rườm rà đi đi lại lại làm lễ, vung vẩy tay cao giọng hát. Khói hương trầm cuộn lên, làm lu mờ những ngọn nến leo lét trên bàn thờ, và trong mùi thơm ngọt ngào của bình hương thánh lễ dường như có một mùi khác trà trộn xen vào: cái mùi của thành phố bệnh hoạn. Nhưng qua làn khói mù mịt và ánh sáng lập lờ, Aschenbach thấy cậu bé xinh đẹp phía trước quay đầu lại tìm kiếm và ngược mắt nhìn ông.

Khi đám đông lũ lượt kéo qua cánh cổng mở rộng đi ra quảng trường nắng chói chang đầy lúc nhúc chim bồ câu thì kẻ si tình nấp lại trong tiền sảnh, lén theo dõi tiếp. Ông thấy gia đình Ba Lan rời khỏi nhà thờ, chứng kiến nghi lễ mấy chị em cung kính chia tay bà mẹ và bà ta theo hướng quảng trường nhỏ Piazzetta đi về; còn cậu bé xinh đẹp, mấy cô chị như nữ tu nhà dòng và cô gia sư thì quay sang bên phải đi qua cổng Tháp Đồng Hồ vào khu Merceria, và sau khi đợi họ đi trước một quãng, ông cất bước theo sau, lén lút lẳng nhặng bám đuôi họ dạo khắp phố phường Venice.

Ông phải dừng lại khi họ la cà vào tiệm, phải lẩn vào hàng ăn hay sân nhà người ta đợi họ đi qua mỗi khi họ quay trở lại; khi họ lọt mất khỏi tầm mắt, ông cuống cuống lòng kiếm đến một lá trên những cây cầu, trong những ngõ cụt dơ hầy và phải cẩn rắng chịu đựng những phút hổ thẹn chết người khi thành linh chạm trán họ đi ngược về phía mình trong những con hẻm chật chội không tìm đâu ra chỗ lánh mặt. Nhưng không thể bảo rằng ông thấy khổ sở. Trí não tâm can ngầy ngất cơn say, ông bước theo sự xúi giục của loài quỷ dữ, chúng chỉ thấy hả hê khi chà đạp được lý trí và phẩm giá con người dưới gót chân mình.

Đến lúc Tadzio và gia đình cậu xuống gondola đi tiếp, thì Aschenbach nấp sau mái một cái giếng nước, đợi họ lên thuyền rời bờ rồi cũng xuống bến gọi gondola. Ông hạ giọng hấp tấp bảo người chèo thuyền kín đáo bơi cách một quãng theo sau chiếc thuyền vừa rẽ vào khúc ngoặt đằng kia và hứa sẽ thưởng công cho y hậu hĩnh; rồi lại rùng mình ghê sợ khi gã lái thuyền, với sự sốt sắng ma lạnh của kẻ quen chụp giựt, cũng hạ giọng thầm thì bảo đảm rằng ông sẽ được toại nguyện, rằng y sẽ tận tâm phục vụ ông.

Ngả lưng trên lớp đệm đen êm ái, ông trông tránh lướt theo sau chiếc thuyền đen mũi nhọn hoắt kia, bị nổi đam mê trối chặt vào vệt nước phía sau đuôi nó. Thỉnh thoảng chiếc thuyền kia mất hút, và lòng ông thấp thỏm đón đau tuyệt vọng. Nhưng gã lái thuyền, có vẻ như rất nhiều kinh nghiệm với những hành khách loại này, luôn biết cách luồn lách nhanh nhẹn hoặc rút ngắn đường để lại bắt kịp đối tượng theo đuổi của ông khách. Không khí oi ả nặng mùi nước kênh, mặt trời thiêu đốt qua làn hơi bốc lên nhuộm nền trời thành màu xám xịt. sóng vỗ óc ách vào gỗ đá. Tiếng gọi của gã chèo thuyền, nửa báo hiệu, nửa chào hỏi, được đáp lại từ xa xăm trong cái tĩnh lặng của mê cung như theo một thỏa thuận ngầm nào đó. Từ những mảnh vườn nhỏ trên cao, những chùm hoa màu trắng và màu huyết dụ thơm mùi hạnh nhân rủ lòng thông xuống những bức tường lở lói. Những khung cửa sổ trang trí kiểu Ả Rập in bóng dưới mặt nước đục

lờ. Những bậc đá hoa cương của một thánh đường ăn sâu xuống dưới nước; trên đó có một gã ăn mày ngồi co ro kể khổ, ngựa mũ xin tiền, phô lòng trắng con người giả bộ mù lòa; một tay buôn đồ cổ đứng trước gian hàng xập xệ xun xoe mời khách vãng lai ghé lại để mà lừa gạt họ. Đó là Venice, thành phố với vẻ đẹp phỉnh phờ khả nghi, nửa thần thoại, nửa cảm bầy, mà trong bầu không khí ngọt ngào của nó đã có một thời nghệ thuật đua nhau nở rộ thừa mứa trên mọi lĩnh vực, gợi cảm hứng cho người nhạc sĩ^[39] tạo ra những âm thanh huyền ảo ru ngủ và kêu gọi hồn người. Kẻ phiêu lưu cảm thấy mắt mình như đắm chìm trong cảnh phồn vinh thuở nào, tai mình như mê mẩn giai điệu du dương dạo nọ; nhưng ông vẫn không quên thành phố đang nhiễm dịch và nó che giấu sự thật chỉ vì lòng háms lợi, rồi ông lại ghé mắt đắm đuối dõi theo chiếc gondola phía trước.

Và như thế, kẻ mất hồn không biết và cũng không cần biết đến điều gì khác ngoài đối tượng say mê của mình, liên tục theo đuổi ý trung nhân, nếu không gặp mặt thì tương tư mong nhớ, và, như mọi kẻ đang yêu, ông thâm thì những lời âu yếm trao gửi cả cái bóng người trong mộng. Nỗi cô đơn, cảnh xa lạ và niềm hạnh phúc do cơn mê say muộn màng sâu đậm đã khích lệ ông, làm cho ông trở nên liều lĩnh quên cả ngại ngùng, không đỏ mặt trước những hành vi kỳ cục nhất, như một lần mới đây, đi chơi đêm ở Venice về muộn, ông dừng lại bên cửa phòng cậu bé xinh đẹp nơi lầu hai, say sưa tựa đầu vào cánh cửa một lúc lâu không muốn rời xa, bất kể nguy cơ bị bắt quả tang hay chạm trán ai trong hoàn cảnh điên rồ như vậy.

Nhưng cũng không thiếu những giây phút ông giật mình tỉnh trí phần nào. Ta sa chân vào con đường nào đây! Ông hoang mang tự nhủ. Ta đã sa ngã đến thế này ư! Như tất cả những người quý tộc trọng truyền thống gia đình, ông có thói quen mỗi khi đạt được một thành tựu lớn trong đời lại tưởng nhớ tới tổ tiên, hình dung ra những con người khả kính ấy tỏ ý đồng tình, mãn nguyện và trân trọng thành công của mình. Lúc này và tại đây, khi đang vướng vào một điều bất chính, đắm chìm trong một tình cảm trụy lạc khác thường, ông cũng phải nghĩ đến tiền nhân; nghĩ đến nên nếp khát

khe, tư cách đứng đắn của họ mà mỉm cười buồn bã. Họ sẽ nói gì nhỉ? Nhưng mà, họ có thể nói gì được về cả cuộc đời ông, theo cách nghĩ của họ chỉ là một cuộc đời thoái hóa sa đọa, một cuộc đời đi theo tiếng gọi của nghệ thuật! Đã có thời chính ông, nhiệm tư tưởng thị dân của cha ông mình, cũng từng lên tiếng nhạo báng lối sống ấy với luận điệu của đứa trẻ miệng còn hơi sữa; nhưng xét cho cùng thì nó nào có khác gì cuộc đời của các vị tiền bối! Ông cũng đã dốc sức mình ra phụng sự một sự nghiệp, ông cũng phải khổ công rèn luyện bản thân; chính ông cũng là một người lính, một chiến binh như vài người trong số họ - vì nghệ thuật cũng là một trận chiến, một cuộc đấu tranh khốc liệt mà ngày nay không ai có thể đương đầu được dài lâu. Một cuộc đời phải không ngừng vươn lên tự chiến thắng bản thân và đấu tranh không khoan nhượng, một nếp sống khắc khổ, mực thước và chay tịnh mà ông đã đưa lên thành biểu tượng cho chủ nghĩa anh hùng lãng mạn trong thời đại ngày nay - chắc hẳn ông có quyền coi cuộc đời ấy là đầy nam tính, là dũng cảm, và ông có cảm tưởng rằng thần ái tình Eros, kẻ đang chế ngự toàn bộ con người ông, cũng đặc biệt ưu ái và tán thưởng một cuộc đời như vậy. Chẳng phải đã có thời Eros từng chiếm địa vị tột đỉnh trong đời sống tinh thần bao nhiêu dân tộc dũng mãnh nhất, chính thế, chẳng phải cho tới bây giờ vẫn lưu truyền, do lòng dũng cảm mà Eros đã được tôn thờ khắp nơi ở các đô thị phồn vinh đó hay sao?

Vô số các vị anh hùng thời cổ đại đã tình nguyện tròng lên cổ cái ách của thần ái tình, vì những gì vị thần này áp đặt không hề bị coi là điều sỉ nhục, và những hành vi nếu nhằm phục vụ cho mục đích khác hẳn đã bị người đời dè bĩ như là những biểu hiện đốn hèn: quỳ gối, thề thốt, van xin, nai lưng làm nô lệ, những hành vi ấy không những không làm mất danh dự kẻ đang yêu, mà ngược lại còn đem đến cho y nhiều khen ngợi.

Những lý lẽ của kẻ si mê cứ đi theo chiều hướng ấy, ông tìm mọi cách chống chế cho hành vi của mình hòng bảo tồn phẩm giá. Nhưng đồng thời ông không thể cưỡng lại ham muốn tò mò và dai dẳng nhắm vào những diễn biến ám muội trong lòng Venice, để cuộc phiêu lưu của thế giới bên

ngoài âm thầm hòa trộn với bí mật của trái tim ông và nuôi dưỡng nỗi đam mê của ông bằng những hy vọng mơ hồ bất chính. Nhất định muốn biết những thông tin mới đáng tin cậy về tình hình tiến triển của nạn dịch, ông vào các quán cà phê lục lọi tìm báo chí xuất bản ở quê nhà, vì những tờ báo này đã biến mất không còn thấy tăm hơi trong đại sảnh khách sạn nơi ông ở. Xác nhận rồi cải chính cứ thay phiên nhau xuất hiện trên mặt báo. Số lượng người mắc bệnh và tử vong được nêu ra là hai mươi, bốn mươi người, thậm chí cả trăm người và hơn thế nữa, nhưng liền sau đó, nếu họ không phủ nhận hoàn toàn sự xuất hiện bệnh dịch thì cũng chỉ coi đó là những trường hợp cá biệt, do nhiễm bệnh từ bên ngoài đưa vào mà thôi. Những tiếng nói cảnh báo và hô hào phản đối trò chơi nguy hiểm của giới chức trách phương Nam chỉ vang lên lẻ tẻ. Không thể rút ra được điều gì chắc chắn.

Tuy kẻ cô độc rất biết mình được tham gia chia sẻ cái bí mật kia, nhưng là người ngoài cuộc, ông tìm thấy thú tiêu khiển độc ác bằng cách đặt câu hỏi gài bẫy những người biết chuyện mà phải ngậm miệng làm thinh, và buộc họ đi tới chỗ nói dối một cách trắng trợn. Một bữa, trong lúc điếm tâm ở phòng ăn lớn, Aschenbach lên tiếng chất vấn viên quản lý khách sạn, khi con người thấp bé, tác phong nhỏ nhẹ, chuyên mặc áo lễ phục kiểu Pháp đi qua đi lại chào hỏi coi sóc thực khách và dừng chân bên bàn ông tán dóc đôi câu. Tại sao, ông khách làm bộ tình cờ hỏi giọng thản nhiên, vì duyên cớ gì mà ít lâu nay người ta phải tẩy trùng ở Venice? - “Đó là một biện pháp của cảnh sát”, con người nhũn nhặn kia trả lời, “chắc chắn vì trách nhiệm lo cho sức khỏe cộng đồng mà họ đã áp dụng sớm để ngăn chặn những ảnh hưởng độc hại có thể có của tiết trời nóng nực quá mức đó thôi”. - “Việc làm ấy của cảnh sát thật đáng khen ngợi”, Aschenbach đáp lại, và sau khi trao đổi vài lời nhận xét về thời tiết khí hậu, viên quản lý rút lui.

Cùng ngày hôm ấy, sau bữa ăn tối, có một gánh hát rong nhỏ từ thành phố sang trình diễn trong khoảnh vườn trước khách sạn. Cả đám, hai người

đàn ông và hai người đàn bà, đứng bên cây cột đèn sắt đầu uốn cong hình cánh cung, những gương mặt được ánh đèn rọi sáng trắng hướng cả lên khoảng sân nổi lớn, nơi khách trọ vừa ngồi uống cà phê và nước giải khát lạnh vừa khoan khoái thưởng thức buổi trình diễn dân dã. Người làm trong khách sạn, các tay giữ thang máy, bồi bàn, nhân viên văn phòng, ngấp nghé bên mấy cánh cửa thông vào đại sảnh lắng nghe. Gia đình người Nga, hăng hái trong việc tận hưởng, mang ghế mây xuống đặt tận dưới vườn để được nhìn gần các nghệ sĩ, và ngồi thoải mái thành một vòng bán nguyệt ở đó. Lấp ló sau lưng chủ là bà đầy tớ già đầu đội khăn như chiếc tuyban.

Đàn măngđôlin, đàn ghita, kèn ácmonica và một cây vĩ cầm réo rất lên tiếng dưới tay đám hát dạo lành nghề. Những bài hát tiếp nối những bản nhạc không lời; có lúc người đàn bà trẻ hơn hòa giọng hát the thé chói tai với giọng nam cao ngọt ngào của một trong hai người đàn ông mà hát song ca một bản nhạc tình tha thiết. Nhưng tài năng chính và đầu lĩnh của cả nhóm rõ ràng là người đàn ông kia, chủ cây đàn ghita, đóng vai trò anh hề sân khấu với giọng ca trầm khàn, hát rất ít nhưng có tài diễn xuất tuyệt vời thể hiện qua nét mặt sinh động và khiếu hài hước thật là đáng nể. Y thường tách riêng ra khỏi nhóm, nhạc cụ công kênh ôm trên tay, nhảy lên bục làm trò và thu được nhiều trận cười tán thưởng. Nhất là những người Nga ngồi phía trước, họ tỏ ra đặc biệt khoái chí trước phong cách tự nhiên đặc sệt phương Nam của y và ra sức cổ vũ y bằng những tràng vỗ tay reo hò, khiến y biểu diễn mỗi lúc một táo bạo và tự tin hơn. Aschenbach ngồi cạnh lan can, chốc chốc lại nhấp môi thắm giọng bằng món đồ uống làm từ nước lựu ép pha xôđa màu đỏ rực đựng trong cái ly thủy tinh đặt trước mặt. Thần kinh ông háo hức thu nạp những âm thanh cò cữ, những giai điệu lướt lướt ừ ừ, bởi đắm say đã làm tê liệt các giác quan, khiến ông hết kén chọn, để cho mình thực sự bị cuốn hút theo những điều mà khi tỉnh táo ông chỉ tiếp nhận với một thái độ trào phúng hoặc khước từ một cách ác cảm. Mặt ông co rút đến phát đau vì cười không dứt trước những màn biểu diễn của gã hề. Ông ngồi đó bề ngoài thư thái, trong lúc thâm tâm

căng thẳng tập trung cao độ, vì cách chỗ ông sáu bước chân, Tadzio đang đứng dựa người vào thành lan can bằng đá.

Cậu bé đứng đấy trong bộ đồ màu trắng có đai lưng mà thỉnh thoảng cậu mặc đi ăn tối, với vẻ duyên dáng thiên phú cố hữu, cánh tay trái tựa lên lan can, chân bắt chéo, bàn tay phải chống lên hông, và nhìn xuống gánh hát rong với vẻ mặt không hẳn tươi cười, chỉ thoáng chút tò mò, quan tâm một cách lịch sự. Thỉnh thoảng cậu vươn vai đứng thẳng lên, và bằng một cử chỉ ngoạn mục vừa ưỡn ngực vừa đưa tay kéo vạt áo trắng dưới dây thắt lưng da lại cho ngay ngắn. Nhưng cũng thỉnh thoảng, cậu bé quay đầu sang vai trái nhìn về phía ý trung nhân, khi thì ngập ngừng ý tứ khi lại đột ngột bất ngờ như muốn bắt quả tang, những lúc ấy người đàn ông luống tuổi vừa thấy đắc thắng, tâm trí quay cuồng nửa tỉnh nửa say lại vừa bàng hoàng kinh hãi. Cậu không bắt gặp cặp mắt người tình, vì một nỗi lo sợ đón hèn buộc kẻ cuồng si e dè kiểm chế ánh mắt mình. Phía sau, cũng ngồi cả trên sân, là những người phụ nữ ráo riết canh chừng Tadzio, và sự thể đã đi xa đến mức kẻ si mê sợ rằng mình có thể trở nên quá lộ liễu khiến người ta nghi ngại. Thật vậy, ông đã nhiều lần sượng trân cả người những khi Tadzio quanh quẩn gần ông ngoài bãi biển, trong đại sảnh khách sạn và trên quảng trường nhỏ Piazza ở san Marco thì bị người nhà gọi giật về, có ý tách cậu xa ra không cho lại gần ông - ông cảm thấy bị sỉ nhục kinh khủng, lòng tự ái của ông quần quại trong một nỗi đau chưa bao giờ biết tới, mà lương tâm không cho phép ông nhắm mắt bỏ qua.

Trong lúc ấy người chơi ghita đã bắt đầu vừa tự đệm đàn vừa hát một bài ca nhiều đoạn đang rất thịnh hành trên khắp nước Ý, mỗi khi tới điệp khúc thì cả nhóm lại hòa giọng hát đồng ca và tấu lên tất cả các nhạc cụ. Y biết cách thể hiện bài hát rất sinh động và đầy kịch tính. Dáng dấp gãy gò và mặt mũi hốc hác cằn cõi, y đứng trên nền đất sỏi tách riêng khỏi cả nhóm, chiếc mũ dạ tối tàn hất ra sau gáy để một mớ tóc đỏ bù xù thò ra dưới vành mũ, điệu bộ nghênh ngang đầy khiêu khích, ném lên trên khán giả những lời bông lơn trong tiếng đàn bập bùng và tiếng hát trầm đục, sự

gắng sức làm những mạch máu trên trán y nổi vòng lên. Có vẻ như y không phải người Venice, mà giống những tay hề xứ Naples hơn, nửa ma cô, nửa diễn viên hài, thô bạo và liều lĩnh, vừa nguy hiểm vừa vui nhộn. Bài hát của y, lời lẽ ngô nghê nhưng qua miệng y, qua nét mặt linh hoạt, qua những điệu bộ múa may, qua cái cách y đá lông nheo và đưa đầu lưỡi trơn tuột liếm mép bỗng trở nên nước đôi, tiểu lâm một cách tục tĩu. Từ cặp ve mềm của chiếc áo thể thao mà y mặc chung với bộ đồ vét mọc lên cần cổ gầy guộc có cục yết hầu đặc biệt to, nổi lên trần trụi. Y có cái mũi hếch ngẩn ngẩn trên khuôn mặt tai tái rìa nhẵn nhụi khó đoán tuổi, cày sâu những nếp nhăn phóng dăng, và ăn khớp lạ lùng với nét mặt nhăn nhó theo cử động của cái miệng giảo hoạt là hai nếp nhăn, ương ngạnh, ngạo mạn, gằn như hung tợn hẳn giữa cặp chân mày hung đỏ. Tuy nhiên vị khán giả cô độc đặc biệt lưu ý đến y còn vì ông nhận ra, nhân vật đáng ngờ này dường như kéo theo mình cả một bầu không khí đáng ngờ. Bởi vì mỗi khi đến đoạn điệp khúc ca sĩ lại lượn một vòng xung quanh pha trò và bắt tay khán giả, và những lúc y đi sát qua dưới chỗ Aschenbach ngồi thì từ quần áo thân thể y tỏa ra một luồng phenol nồng nặc bốc lên tận trên sân. sau khi chấm dứt bài hát giễu y bắt đầu đi thu tiền. Trước tiên y lại chỗ đám người Nga và được họ nhanh nhẩu cho ngay, sau đó y leo mấy bậc tam cấp lên khoảng sân nổi. Lúc hát y ngang tàng hùng hổ bao nhiêu thì ở trên sân y lại nhũn nhặn khúm núm bấy nhiêu. Vừa khom lưng nhún gối cúi chào vừa lẩn đi giữa các bàn, y không ngừng nở một nụ cười nham hiểm cầu tài để lộ hàm răng chắc khỏe, trong khi hai nếp nhăn vẫn hẳn sâu đầy hăm dọa giữa cặp lông mày đỏ. Người ta tò mò nhìn ngắm sinh linh lạ lùng ấy đi thu tiền độ nhật với một thái độ hiếu kỳ xen lẫn ghê tởm, họ nhón tay thả tiền vào chiếc mũ dạ và cố tránh không chạm vào người y. Khi không còn một khoảng cách nhất định giữa kẻ xướng ca vô loài và người thị dân khả kính, thì dù sự vui thích có lớn đến đâu chẳng nữa, người ta cũng vẫn có cảm giác sượng sùng khó xử. Y cảm nhận được điều đó và tìm cách xoa dịu bằng thái độ xun xoe. Rồi y đến chỗ Aschenbach mang theo mùi thuốc

sát trùng nồng nặc mà quanh đây có vẻ như không ai quan tâm đến.

“Nghe này!” người khách cô độc hạ giọng hỏi gần như máy móc. “Người ta tẩy uế khắp nơi ở Venice. Tại sao thế?” Gã kếp hê đáp bằng giọng khàn khàn: “Theo lệnh cảnh sát ạ! Đó là quy định, thưa ngài, khi trời nóng nực thế này và lại có gió scirocco nữa. Gió scirocco độc lắm, rất có hại cho sức khỏe...” Y nói như thể ngạc nhiên sao lại có người hỏi lẩn thẩn như vậy, và đưa lòng bàn tay đê xuống diễn tả sự ngọt ngào của gió scirocco. “Thế tức là không phải Venice mắc dịch?” Aschenbach hỏi rất khẽ qua kẽ răng.

Những thớ thịt trên mặt gã nhà trò chuyển thành một nụ cười nhả nở ngơ ngác một cách cường điệu. “Mắc dịch ấy ạ? Nhưng mà dịch gì? Gió scirocco mắc dịch? Hay là cảnh sát mắc dịch? Ngài thật vui tính quá. Mắc dịch! Lại còn thế nữa! Chỉ là một biện pháp phòng ngừa thôi, xin ngài hiểu cho! Một chỉ thị của cảnh sát nhằm đối phó với tác động của thời tiết nóng ẩm...” Y vừa nói vừa hoa tay múa chân. “Thôi được rồi”, Aschenbach hạ giọng nói cụt ngắn và nhanh tay thả một khoản tiền lớn khác thường vào cái mũ. Rồi ông đưa mắt làm hiệu bảo y đi. Gã hể hờn hờ tuân lệnh và lom khom lui ra; nhưng chưa kịp tới bậc tam cấp y đã bị hai nhân viên khách sạn ào tới kèm chặt hai bên, ghé sát vào mặt y mà thì thầm căn vặn. Người ta thấy y nhún vai, y quả quyết, y thể thốt đã giữ mồm giữ miệng. Được thả ra y bước xuống dưới vườn, và sau khi trao đổi vài câu với đồng bọn dưới cây cột đèn hình cánh cung, y lại bước ra phía trước để hát một bài cuối cùng có tính chất cảm tạ và giã từ khán giả.

Đó là một bài hát mà kẻ cô độc không nhớ mình đã từng bao giờ được nghe; một bài hát thuộc thể loại bình dân có thể coi là càn rỡ, được hát bằng một thổ âm không ai hiểu và có đoạn điệp khúc chỉ toàn tiếng cười, những lúc ấy cả băng lại đồng thanh gân cổ rống lên cười ha hả. Khi ấy không còn nghe lời ca hay tiếng nhạc đệm, chỉ còn tràng cười nhíp nhàng theo một làn điệu nhất định nhưng rất sinh động và tự nhiên. Đặc biệt người lĩnh xướng rất biết thể hiện năng khiếu của mình ra thành tiếng

cười như thật. sau khi phục hồi khoảng cách giữa nghệ sĩ và khán giả y lập tức lấy lại thái độ tự tin táo tợn lúc trước, và tiếng cười giả bộ mà y hỗn xược gửi lên trên sân là tiếng cười nhạo báng. Gần đến cuối đoạn lĩnh xướng y đã phải ráng hết sức để khởi phá ra cười. Y nấc lên, giọng y lạc đi, một tay bịt miệng, so vai rụt cổ, và đến đúng lúc thì tiếng cười bất trị buột ra hô hố như từ ruột từ gan, thật đến nổi lây lan truyền sang khán giả, khiến trên sân tự nhiên cũng tràn ngập một nỗi vui tươi vô hình vô cơ. Điều đó làm cho ca sĩ lại càng thêm phần cao hứng. Y quỳ gối, y vỗ đùi, giữ chặt mạng sườn, người lắc lư như cái hũ sắp đổ, y không còn cười nữa, y ré lên; ngón tay y chỉ lên sân như thể không có gì tức cười hơn đám người ngồi trên đó, và cuối cùng tất cả đều lăn ra cười ngặt nghẽo, dưới vườn, trên sân, cả đến đám bồi bàn, tay gác thang máy và những người giúp việc thập thò sau cánh cửa. Aschenbach không còn ngả người trong ghế, ông ngồi căng thẳng như để sẵn sàng tự vệ hay tìm đường tẩu thoát. Nhưng tiếng cười, cái mùi bệnh viện và sự gần gũi với cậu bé xinh đẹp hợp nhau đan thành cái lưới u mê không có lối ra, không thể xé rách, bủa vây lấy tâm trí và giác quan ông. Nhân lúc xung quanh tung bừng nhộn nhịp ông đánh bạo nhìn về phía Tadzio, và cảm động nhận ra cậu bé xinh đẹp khi đáp lại ánh mắt ông cũng rất nghiêm trang, như thể cậu rập khuôn theo thái độ và nét mặt ông, như thể cái tâm trạng chung không thể ảnh hưởng gì đến cậu, vì chính ông không tham dự vào cái vui vẻ ồn ào đó. Cử chỉ phục tùng rất đổi thơ ngây và thân mật, có cái gì đó vô cùng chinh phục, làm xiêu lòng người, khiến người đàn ông tóc hoa râm phải cố hết sức mới không úp mặt vào hai bàn tay thon thứ. Ông cũng có cảm tưởng động tác lúc lúc lại vươn vai ưỡn ngực của Tadzio dường như để trút ra hơi thở dài bị nghẽn trong buồng phổi. “Em bé yếu sức khỏe, sợ rằng em chẳng thọ lâu”, ông lại tự nhủ với một thái độ tỉnh táo lạ lùng đôi khi như thoát ra ngoài mọi đắm say và khao khát, rồi đồng thời mới quan tâm trong sáng lại hòa lẫn với một cảm giác thỏa mãn trụy lạc dâng lên tràn ngập trái tim ông.

Trong khi đó đám hát dạo từ Venice sang đã kết thúc buổi biểu diễn và

lục tục ra về. Tiếng vỗ tay kéo dài tiến chân họ, và gã đầu lĩnh không bỏ lỡ cơ hội phá quấy cho cảnh rút lui được xôm trò. Y cúi chào kiểu cung đình, y hôn gió về phía khán giả, được người ta cười y lại càng đưa hơn lên. Khi đồng bọn đã ra tới ngoài y lại còn làm bộ đi giật lùi đụng phải một cây cột đèn, và đau đớn gập người lê chân về phía cổng. Ra tới đó y đột nhiên vứt bỏ cái mặt nạ kẻ ngu ngơ bất hạnh, đứng thẳng lưng, phải gọi là dẻo dai đứng phắt dậy, hỗn xược le lưỡi nhạo đám khách khứa trên sân rồi mới lần đi khuất dạng vào bóng tối. Khách trọ tản đi hết; Tadzio đã từ lâu không còn đứng bên lan can. Nhưng kẻ cô độc vẫn ngồi lại thật lâu với ly nước lựu chưa cạn trên bàn, mặc cho mấy người bồi tử ra trái ý. Đêm mỗi lúc một khuya, thời gian như tan biến. Từ nhiều năm trước, trong ngôi nhà của song thân ông có một chiếc đồng hồ cát - tự dưng bây giờ ông lại thấy cái dụng cụ mỏng manh đầy ý nghĩa ấy hiện ra trước mắt mình. Nhẹ nhàng không một tiếng động, những hạt cát nhuộm màu gỉ sét chảy thành dòng thật nhuyễn qua cổ thủy tinh thắt hẹp, và vì cát ở bình trên đã gần cạn hết, nên chỗ đó hình thành một vòng xoáy nhỏ cuộn nhanh.

Ngay chiều hôm sau kẻ cứng đầu dẫn thêm một bước mới vào vòng cám dỗ của thế giới bên ngoài, và lần này ông thu được thành công mỹ mãn. Sự việc diễn ra trong một văn phòng du lịch anh ở quảng trường san Marco, ông bước vào đó đổi một ít tiền lẻ ở quầy thu ngân, rồi với vẻ mặt một du khách đang băn khoăn ngờ vực, ông đưa cái câu hỏi chết người của mình ra chất vấn tay nhân viên phục vụ ở đó. Đây là một người anh còn trẻ, mặc một bộ đồ len, tóc chải ngôi giữa, hai con mắt đứng gần nhau, cả người anh ta toát ra một vẻ thật thà trung hậu lạ lùng, rất hiếm thấy ở cái xứ miền Nam giáo hoạt và ranh ma này. anh ta mở đầu: “Không có gì đáng lo ngại đâu, thưa ngài. Chỉ là một biện pháp thông thường mà thôi. Người ta vẫn phải ra những chỉ thị như vậy để đề phòng tác hại đối với sức khỏe do thời tiết nóng bức và gió scirocco...” Nhưng đôi mắt xanh lơ của anh ta ngược lên chạm phải cái nhìn mệt mỏi hơi buồn bã của ông khách lạ, thoáng chút khinh thị, chăm chú hứng từng lời giải thích từ môi mình. anh chàng

người anh đỏ mặt. “Thưa ngài”, anh ta hạ giọng hơi xúc động nói tiếp, “đấy là tuyên bố chính thức của nhà chức trách mà dân chúng ở đây đồng tình hòa theo. Tôi sẽ nói để ngài rõ những điều còn được che giấu phía sau”. Và rồi anh ta kể ra sự thật bằng cách nói chân phương dễ hiểu của mình.

Từ nhiều năm nay bệnh thổ tả ở Ấn Độ vẫn có xu hướng bùng nổ và lan rộng. Bắt nguồn từ vùng đầm lầy nóng ẩm lưu vực sông Hằng, bốc lên cùng chướng khí ở vùng rừng rậm và cù lao hoang dã, đất đai phì nhiêu mà vô dụng, loài người tìm cách lánh xa, chỉ có hổ báo rình mò trong đám tre gai dày đặc, bệnh dịch đã hoành hành đặc biệt dữ dội suốt một thời gian dài trên bán đảo Ấn, tràn sang Trung Hoa ở phía đông và afghanistan cùng Ba Tư ở phía tây, rồi theo tuyến đường của những đoàn lữ hành xuyên lục địa mà gieo rắc nỗi kinh hoàng của nó tới tận astrachan, thậm chí tới tận đô thành Moscow. Nhưng trong khi châu Âu run sợ tưởng đâu bóng ma ấy sẽ từ châu Á bằng đường bộ xâm nhập sang, thì, được đám con buôn người syria tha vào qua đường biển, dịch tả đã xuất hiện gần như đồng thời ở nhiều hải cảng Địa Trung Hải, góc đầu dẫy ở Toulon và Malaga, chiềng mặt ra ở Palermo và Naples, dai dẳng không cách gì quét sạch khỏi Calabria và apulia. Miền Bắc bán đảo Ý được coi là thoát nạn. Nhưng giữa tháng Năm này, nội trong vòng một ngày người ta đã tìm thấy khuôn trùng đáng sợ ấy trong tử thi đen sạm chỉ còn da bọc xương của một gã bồi tàu và một bà bán rau ở Venice. Phát hiện ấy được giữ kín. Tuy nhiên sau một tuần số ca bệnh tăng lên mười, hai mươi, ba mươi, đáng ngại là được phát hiện ở nhiều khu vực khác nhau. Một du khách người Áo sau mấy ngày chơi bồi ở Venice khi trở về quê nhà đã chết với những triệu chứng không thể chối cãi, và như thế tin đồn đầu tiên về tai họa giáng xuống thành phố bên bờ vịnh bắt đầu loan ra trên các nhật báo tiếng Đức. Nhà chức trách ở Venice lên tiếng trả lời rằng tình hình y tế ở thành phố này tốt hơn bao giờ hết, và cho tiến hành những biện pháp đối phó cần thiết. Nhưng có lẽ thực phẩm đã bị nhiễm mầm bệnh. Rau, thịt hoặc là sữa, dù có tìm cách phủ nhận và giấu giếm thế nào chăng nữa, cũng đã tiếp tay cho thần chết

hoành hành trong những ngõ ngách chật hẹp, và mùa hè đến sớm lại sưởi cho nước dưới kênh nóng lên hâm hấp tạo điều kiện thuận lợi cho vi trùng sinh sôi nảy nở. Mà có vẻ như bệnh dịch đang đạt tới một cao trào mới, có vẻ như sức đề kháng và khả năng sinh sản của tác nhân gây bệnh được gia tăng gấp đôi. Những trường hợp khỏi bệnh rất hãn hữu; cứ một trăm người mắc bệnh thì có đến tám mươi người mất mạng, mà chết một cách rất kinh hoàng, vì bệnh phát ra đặc biệt khốc liệt, thường mang những biểu hiện của hình thức nguy hiểm nhất gọi là “thổ tả khô”. Khi đã mắc bệnh cơ thể không thể thải kịp lượng nước bị thấm ra rất nhiều từ các mạch máu. Trong vòng vài tiếng đồng hồ người bệnh bị mất nước khô queo, máu đặc lại như hắc ín, và nạn nhân chết ngạt giữa những cơn co giật và tiếng kêu rên. Thảng hoặc cũng có người may mắn, bệnh phát ra dưới dạng những cơn khó ở nhẹ, tiếp đó bệnh nhân rơi vào trạng thái hôn mê mà thường là không bao giờ tỉnh lại nữa. Đầu tháng sáu bệnh nhân âm thầm dồn về đây nghẹt khu cách ly của ospedale civico^[40], cả hai cô nhi viện cũng bắt đầu thiếu chỗ, giữa bờ kè Bến Mới và san Michele, hòn đảo nghĩa trang, mật độ giao thông trở nên nhộn nhịp một cách rùng rợn. Nhưng nỗi lo sợ bị ảnh hưởng chung, sợ phương hại đến cuộc triển lãm tranh trong các công viên vừa mới khai mạc gần đây, những khoản thất thu khổng lồ đe dọa các khách sạn, các cơ sở thương mại và cả một mạng lưới dịch vụ du lịch trong trường hợp xảy ra hoảng loạn sẽ bị mang tiếng xấu, đối với thành phố này những điều đó tỏ ra nặng ký hơn sự thật và thái độ tôn trọng những thỏa ước quốc tế; đó là lý do thúc đẩy nhà cầm quyền ngoan cố giữ vững chính sách im lặng và phủ nhận. Quan chức cao cấp nhất ngành y tế ở Venice, một người rất có công, đã phải nộ từ chức và được kín đáo thay thế bằng một nhân vật dễ bảo hơn. Dân chúng biết tổng những điều ấy; và sự thối nát của tầng lớp trên cùng với tình hình bất an đang ngự trị trong thành phố, tình trạng khẩn cấp do cái chết cận kề đe dọa, đã dẫn tới một sự suy đồi đạo đức nhất định ở tầng lớp dưới, khích lệ những khuynh hướng thấp hèn và phản xã hội, thể hiện qua sự hoang tàn quá mức, thái độ vô liêm sỉ

và hành vi tội phạm gia tăng. Trái với lệ thường, tối tối người ta gặp rất nhiều kẻ say xỉn; nghe nói đám lưu manh hay giở trò càn quấy làm phớt xá về đêm mất an ninh; cướp bóc và thậm chí án mạng xảy ra liên tục, có hai lần người ta khám phá ra rằng những người cứ tưởng là nạn nhân bệnh dịch té ra đã bị chính thân nhân của mình trừ khử bằng thuốc độc; giới buôn bán hương gia tăng hoạt động một cách trơ trẽn, mức độ ấy trước nay chưa từng thấy ở đây mà chỉ có thể gặp ở miền Nam Ý và các xứ phương Đông.

Cuối cùng anh chàng người anh rút ra kết luận. “Tốt nhất”, anh ta bảo, “ngài hãy rời khỏi đây ngay ngày hôm nay chứ đừng chần chừ để đến mai. Hai ba ngày nữa là cùng, thế nào cũng có lệnh phong tỏa vùng nhiễm dịch”. - “Rất cảm ơn ông”, nói rồi Aschenbach ra khỏi văn phòng.

Quảng trường nằm trong hơi nóng hầm hập mặc dù không thấy mặt trời. Những du khách vô tình chẳng biết gì ngồi trước các quán cà phê hoặc đứng cạnh nhà thờ, chim bồ câu bu kín xung quanh, chúng đập cánh loạn xạ chen chúc nhau giành mổ những hạt bắp trong lòng bàn tay họ. Hồi hộp đến phát sốt, đặc thắng vì nắm được sự thật trong tay, đồng thời vừa cảm thấy một vị đắng nghét trong miệng và một nỗi hãi hùng tuyệt diệu trong tim, kẻ cô độc sải bước đi đi lại lại trên quảng trường thên thàng lát đá hoa. Ông cân nhắc một cử chỉ nghĩa hiệp giúp ông gột sạch vết nhơ. Tối nay sau khi dùng bữa, ông có thể lại gần bà mệnh phụ ngọc treo đầy người mà bảo bà ta - ông đã cân nhắc kỹ từng lời sẽ nói ra: “Thưa bà, xin bà cho phép kẻ lạ mặt này mạo muội đưa ra một lời khuyên, một lời cảnh báo về một tai họa mà người ta đã che giấu vì lòng vị kỷ. Bà hãy đưa Tadzio và các tiểu thư rời khỏi đây, ngay lập tức! Venice đã bị nhiễm dịch”. Rồi ông có thể xoa đầu từ biệt cậu bé, công cụ đắc lực trong tay vị thần ưa nhạo báng, quay mình bước đi và thoát khỏi vũng lầy nhơ nhớp này. Nhưng đồng thời ông lại cảm thấy dự định ấy và mong muốn thực sự của ông cách xa nhau một trời một vực. Hành động ấy có thể giúp ông phục hồi cuộc sống cũ, nhận lại bản thân mình; nhưng ai đã thoát thai một lần thì không ghê sợ

gì hơn là phải quay trở lại nhập vào thân xác cũ. Ông nhớ lại một công trình kiến trúc màu trắng, khắc chạm những dòng chữ rực lên trong ánh chiều tà, mà tư tưởng huyền bí của nó đã hút hồn ông; khi ấy bóng dáng người lữ hành kỳ dị kia đã thức tỉnh trong ông thú lãng du thời trai trẻ, mong tới những miền xa tìm điều mới lạ; và ý nghĩ quay về nhà, trở lại nếp sống cẩn trọng, khắc khổ, cực nhọc và tự tôn làm ông kinh tởm đến nỗi mặt ông nhăn nhúm như cảm thấy buồn nôn thực sự. “Phải giữ kín điều này!” Ông hỗn hển thì thào. Và: “Mình sẽ im lặng!” Ý thức mình là kẻ đồng lõa, là người cùng có tội làm ông ngây ngất, như chút rượu cay làm bộ óc mệt mỏi chệnh choáng say. Hình ảnh thành phố lâm nạn điêu tàn hiu quạnh hiện lên trước mắt ông, nhen nhóm trong ông những hy vọng, âm thầm, phi lý, và hấp dẫn kinh hồn. Niềm hạnh phúc mỏng manh ông vừa mơ đến trong giây lát trước đó thì có nghĩa lý gì so với những kỳ vọng này? Nghệ thuật và phẩm hạnh thì có nghĩa lý gì so với những lợi thế của tình trạng hỗn loạn kia? Ông im lặng và ông ở lại.

Đêm hôm ấy ông có một giấc mơ khủng khiếp - nếu có thể gọi đó là một giấc mơ, vì thực ra đó là một trải nghiệm của thể xác và tinh thần, mặc dù nó diễn ra trong lúc ông ngủ say, hoàn toàn độc lập và có sự tham gia đầy đủ của các giác quan, nhưng ông không thấy mình đi lại tham dự vào các sự kiện trong chiêm bao; mà hơn thế dường như chính linh hồn ông là không gian xảy ra các sự kiện ấy, sự hỗn loạn từ bên ngoài tràn vào nội tâm ông, dùng bạo lực đè bẹp sức kháng cự của ông - một sức kháng cự tinh thần sâu sắc - tàn phá và hủy diệt như cơn sóng thần, và sau khi nó đã rút đi, số phận ông, thành tựu văn hóa cả cuộc đời ông chỉ còn là một đống đổ nát tan hoang.

Khởi đầu là nỗi sợ, sợ và thêm khát và tò mò kinh khủng muốn biết điều gì sắp xảy ra. Đêm đen mịt mù, và các giác quan của ông căng lên nghe ngóng; vì từ xa vẳng tới tiếng ồn ào huyền ảo đang tiến lại gần, pha trộn từ đủ thứ âm thanh hỗn tạp: tiếng lục lạc rổn rảng, tiếng sấm động âm ì chát chúa, tiếng reo hò lạnh lạnh và một thứ tiếng hú với nguyên âm u kéo

dài lê thê, nhưng bao trùm lên tất cả và giữ vai trò áp đảo, ngọt ngào một cách tàn bạo, là một tiếng sáo trầm ấm rủ rê, dai dẳng khêu gọi, tro trên bóm riết lấy lỗ tai làm gan ruột mê mê. Nhưng ông nhận biết một từ, tối nghĩa, loan báo điều đang tới: “*Đấng ngoại thân!*”^[41] Lửa khói lập lòe xuất hiện: ông nhận ra một vùng đồi núi giống như quang cảnh quanh ngôi nhà nghỉ mùa hè của mình. Và trong ánh sáng bập bùng, ở vạt rừng mọc trên sườn núi, giữa những gốc cây và những tảng đá rêu phong, quay cuồng lẫn lộn nào người ngợm, nào thú vật, một bầy một lũ nhảy nhót nhưng nhúc nháy sừng dốc, thân thể hòa cùng ánh lửa, hỗn độn trong một vũ điệu đảo điên. Những người đàn bà, loạng choạng vấp vào vạt áo lông thú dài mà họ trật ra khỏi thân trên để rủ lòng thông quanh thắt lưng, đưa những cái trống đình lục lạc lên quá đầu ngựa cổ vừa lắc vừa rên rỉ, vung vẩy những ngọn đuốc bắn tàn lửa tung tóe và những lưỡi dao nhọn tuốt trần, nắm ngang mình những con rắn vươn đầu le lưỡi, hay vừa cười rú lên vừa đưa hai tay nâng bộ ngực trần. Những người đàn ông, đầu đội sừng, áo lông thú vén cao để lộ ra làn da lông lá, ngựa cổ dang tay dạng chân, gõ vang rền vào đáy công và đập như điên lên mặt trống, trong khi tụi nhỏ da dẻ nhẵn nhụi cầm những chiếc que còn đầy lá chọc gheo mấy con dê đực, bám vào sừng để chúng kéo lê đi và reo hò vang dậy mỗi khi chúng nhảy dựng lên. Và những kẻ tế thần hú vang tiếng gọi âm điệu êm ái kết thúc bằng chữ u kéo dài ra, vừa âu yếm vừa hoang dại chưa từng thấy: bên này cất tiếng hú lên không trung như hươu rống, và bên kia đồng thanh đáp lại, hoan hỉ một cách man rợ, giục giã nhau vung chân vung tay nhảy múa và giữ cho tiếng hú không bao giờ tắt. Nhưng xuyên suốt và chế ngự lên tất cả là tiếng sáo sâu thẳm đầy quyến rũ. Có phải tiếng sáo ấy cũng đang tro trên và dai dẳng dụ dỗ ông, nhân chứng miễn cưỡng, cùng tham dự cuộc vui và trò tế thần suông sã đến cực độ? Ông thấy ghê tởm, ông hoảng sợ, thực lòng ông đã vận dụng hết ý chí để bảo toàn danh dự trước vị thần xa lạ kia, kẻ thù của tư cách và phẩm giá. Nhưng tiếng huyền não, tiếng hú gọi được vách núi dội lại cứ rền vang lên gấp bội, trở nên áp đảo, nổ bùng ra thành cơn cuồng

nộ mê ly. Đủ thứ mùi xông lên bao bọc các giác quan, mùi dê đực hoi nồng, mùi những thân thể lỏa lồ hỗn hển, một thoáng khăn khăn mùi nước tù hôi hám, và còn một thứ mùi khác, rất quen thuộc: mùi vết thương và dịch bệnh. Tim ông đập thình thình hòa cùng tiếng trống, đầu óc ông quay cuồng đảo lộn, một cơn điên giận mù quáng và dục vọng đắm say xâm chiếm thể xác ông, linh hồn ông thêm muốn khát khao gia nhập vũ điệu tế thần. Biểu tượng của nhục dục, to khổng lồ, làm bằng gỗ, được lột trần và giương cao lên: đám đông gào thét câu thần chú không gì kiềm giữ nổi. Miệng sùi bọt, họ lăn lộn, kêu gọi lẫn nhau bằng những cử chỉ dâm ô và vuốt ve mơn trớn, cười cợt và rên rỉ - dùng que nhọn châm vào da thịt nhau và liếm máu ứa ra. Nhưng kẻ chiêm bao đã nhập bọn với họ, cùng ở trong đám họ và cùng tuân phục vị ngoại thần. Đúng thế, họ cũng chính là ông, khi họ giằng xé nhau giết đám súc vật và ngốn ngấu những miếng thịt tươi còn bốc hơi nóng hổi, khi họ bắt đầu tự do giao hợp trên nền rêu xanh nhàu nát dưới gót chân, coi đó là lễ vật tế thần. Và linh hồn ông được ném mùi sa ngã dâm loạn, điên cuồng.

Tỉnh dậy sau cơn mê này ông hoàn toàn suy nhược, rã rời và không còn đâu sức lực để chống chọi lại sức cám dỗ ma quỷ nữa. Ông chẳng cần né tránh những cái nhìn soi mói của người đời; họ có nghi kỵ gì ông cũng thây kệ. Nhưng bản thân họ cũng đang lo trốn chạy, rời khỏi nơi này; vô số những túp lều ngoài bãi tắm bị bỏ hoang, phòng ăn lớn ngày càng vắng thực khách, và trong thành phố hãn hữu lắm mới thấy bóng dáng một người ngoại quốc. Có vẻ như cái kim trong bọc đã lòi ra, mọi cố gắng bưng bít của những kẻ tham lam hòng thủ lợi không còn ngăn được sự hoang mang lo sợ bùng lên nữa. Nhưng người đàn bà ngọc đeo đầy người vẫn ở lại cùng cả gia đình, chẳng biết vì tin đồn chưa lọt tới tai bà hay vì quá kiêu hãnh và tự phụ mà bà không bỏ chạy: Tazio ở lại; và đôi khi, trong cơn mê lú, ông cảm thấy sự trốn chạy và cái chết có thể loại trừ hết xung quanh họ những kẻ cản trở ông để chỉ còn có ông và cậu bé xinh đẹp có mặt trên hòn đảo này - đúng thế, khi những sớm mai bên bờ biển ánh mắt ông đục ngầu,

vô liêm sỉ nhìn như dán chặt vào người yêu dấu, khi những chiều hôm ông lén lút bám đuôi cậu qua các ngõ phố mà cái chết ghê tởm giấu mặt hoành hành, những lúc ấy đối với ông điều khủng khiếp kia trở thành hy vọng, và mọi luân lý đạo đức bỗng tan thành mây khói.

Như mọi kẻ đang yêu ông cũng mong muốn được yêu, nhưng lại cay đắng sợ rằng điều này khó lòng đạt được. Ông thêm vào trang phục của mình những chi tiết tươi tắn trẻ trung, ông đeo đá quý và xức nước hoa, nhiều lần trong ngày ông tốn thời gian chải chuốt sửa soạn và xuống phòng ăn trong trang phục cầu kỳ, tâm trạng hồi hộp đầy kích động. Vì say mê tuổi trẻ ngọt ngào mơn mớn, nên ông thấy kinh tởm tấm thân rệu rã của mình; mỗi khi nhìn mái tóc hoa râm, gương mặt đầy góc cạnh ông lại rơi vào hổ thẹn và tuyệt vọng. Tâm trạng ấy thúc đẩy ông tìm cách tân trang thân thể để vẫn hồi nhan sắc; và ông thường xuyên tìm đến tay thợ cắt tóc của khách sạn.

Ngồi trên ghế cắt tóc, khoác tấm vải choàng lên vai, để cho bàn tay điệu nghệ của gã thợ lăm lờn tỉa tót, ông đau khổ ngắm hình ảnh mình trong gương.

“Bạc trắng”, ông nhếch mép bảo.

“Mới muối tiêu thôi, thưa ngài”, gã thợ trả lời. “Lỗi ở chỗ sao lãng, thiếu quan tâm chăm sóc hình thức bề ngoài. Khuyết điểm này có thể châm chước được đối với các vĩ nhân, nhưng hoàn toàn không phải là một điều đáng khen ngợi, nhất là khi các vị ấy mang những thành kiến lệch lạc về quan niệm tự nhiên hay giả tạo. Đáng lý ra phải đem quan điểm đạo đức khắt khe của một số ít người đối với nghệ thuật trang điểm thẩm mỹ áp dụng cả vào lĩnh vực nha khoa, như vậy hẳn rằng giả cũng sẽ khiến họ bất bình không ít. Rốt cuộc già hay trẻ là do ở tâm hồn, ở trái tim, và đôi khi tóc bạc lại phản ảnh sai sự thật hơn là một chút sửa sang vẫn bị người đời phỉ báng. Trong trường hợp của ngài, thưa ngài, người ta có quyền phục hồi màu tóc tự nhiên của mình. Nếu ngài cho phép, tôi xin trở chút tài mọn

giúp ngài?”

“Anh định làm thế nào?” Aschenbach hỏi.

Kẻ ba hoa gọi tóc ông khách bằng hai thứ nước, một thứ trong veo và một thứ sẫm màu, thế là đầu ông lại đen mượt như khi còn trẻ. Rồi gã dùng kẹp nóng uốn cho tóc bông bênh lượn sóng, và lúi lại ngắm nghía mái đầu vừa qua tay mình chỉnh đốn.

“Bây giờ chỉ cần làm tươi da mặt lên một chút nữa thôi”.

Và như một kẻ sẵn đà không dừng lại được, gã luôn luôn tìm ra chỗ mới để sửa sang, áp dụng hết thủ thuật này đến thủ thuật khác. Aschenbach ngồi thoải mái trong ghế, không đủ sức phản đối, hơn thế nữa còn hồi hộp trông đợi kết quả, thấy trong gương cặp chân mày của mình uốn cong đều đặn và sắc nét hơn, đuôi mắt dài ra, ánh mắt long lanh hơn nhờ hàng mi tô nhẹ, dưới mắt, chỗ lớp da mọi khi nâu sạm giờ được phủ một màu hồng phơn phớt, đôi môi ông mới rồi còn nhợt nhạt nay căng mọng màu quả mâm xôi, những nếp nhăn trên má, quanh miệng, nơi đuôi mắt biến mất nhờ kem và mỹ phẩm - ông nhìn chàng trai trẻ tươi rói trong gương mà trái tim nháy lông lên. Cuối cùng gã thợ sửa sang sắc đẹp lấy làm đắc ý và, với cung cách của kẻ tôi đòi, gã quy lụy cảm ơn người khách gã vừa phục vụ. “Chỉ là một chút tô điểm thêm không đáng kể mà thôi”, gã nói trong khi đưa tay sửa thêm lần chót. “Giờ thì quý ngài có thể yêu một cách vô tư”. Kẻ si mê đi ra, sững như mơ, vừa bối rối vừa e ngại. Chiếc cravat ông thắt màu đỏ tươi, chiếc mũ rom rộng vành ông đội được quàng thêm một dải băng sặc sỡ.

Trời nổi một cơn gió lốc nóng hổi; mưa chỉ rơi lác đác vài hạt, nhưng bầu không khí ẩm ướt oi nồng, đặc sệt mùi chướng khí. Người phát sốt dưới lớp phấn son trang điểm, ông nghe quanh mình đây những tiếng phân phật, xành xạch, rào rào, ông thấy như thân gió dữ đang lảng vảng đâu đây, từng bầy chim biển hung ác đang vây vọc và làm ô uế bữa ăn của kẻ tội đồ. Nóng nực làm tiêu tan cảm giác ngon miệng, thêm vào đó nỗi lo

thức ăn có thể bị nhiễm dịch càng làm ông chẳng thiết ăn.

Một buổi chiều Aschenbach theo gót cậu bé xinh đẹp lạc sâu vào những bùng binh trong lòng thành phố bệnh hoạn. Hoàn toàn mất phương hướng, vì những ngõ phố, khúc kênh, cây cầu và quảng trường của mê cung này cái nào cũng giống cái nào, chẳng còn biết đâu là đông tây nam bắc nữa, ông chỉ dồn hết tâm trí dõi theo bóng hình yêu dấu trước mắt, lại còn phải thận trọng một cách nhục nhã khi thì núp dưới mấy bức tường, khi thì lẩn trốn sau lưng khách bộ hành để khỏi bị bắt gặp, một lúc lâu ông không nhận thấy nổi mệt nhọc, kiệt sức mà cảm xúc và sự hồi hộp thường xuyên gây ra cho tinh thần và thể xác mình. Tadzio đi sau cả bọn, cậu thường để cô gia sư và mấy cô chị nữ tu đi trước trong những con phố hẹp, và một mình thong thả đằng sau, thỉnh thoảng cậu quay đầu đưa cặp mắt xám sẫm lạ lùng nhìn qua vai xem người ái mộ mình có còn theo đuổi không. Cậu nhìn thấy ông, và cậu không tố cáo với mấy người kia. say sưa vì nhận định này và để cho cặp mắt kia lôi cuốn về phía trước, bị cơn đam mê xỏ mũi dắt đi, kẻ tương tư lén lút lần theo hy vọng không chính đáng của mình - để rồi cuối cùng trở khác đứng đó với hai bàn tay trắng. Đám trẻ Ba Lan đi qua một chiếc cầu ngắn cong vồng, khuất bóng trước mắt kẻ theo dõi, và khi ông leo được lên tới đỉnh cầu thì đã chẳng còn thấy bóng dáng chúng đâu. Ông cố tìm chúng ở cả ba ngã, đi theo đường thẳng rồi lộn lại rẽ sang hai bên dọc theo bờ kênh chật chội và dơ dáy, nhưng chẳng có kết quả gì. Cuối cùng tinh thần suy kiệt, người mệt lả, ông đành bỏ cuộc.

Đầu ông như bốc lửa, khắp người nhớp nháp mồ hôi, gáy run giật từng hồi, một cơn khát không thể chịu nổi hành hạ dữ dội khiến ông phải nhìn quanh tìm bất cứ thứ gì giải khát. Trước một cửa hàng rau nhỏ ông mua vài quả dâu tây, chín nẫu và mềm nhũn, rồi vừa đi vừa ăn. Một quảng trường nho nhỏ, quanh hiu như bị bỏ bùa, mở ra trước mắt ông, ông nhận ra chốn này, ông đã có lần dừng chân ở đây, từ nhiều tuần trước khi ông quyết định cuộc chạy trốn không thành. Ông ngồi xuống mấy bậc thêm của cái giếng nước nằm giữa quảng trường và ngả đầu dựa vào thành giếng xây bằng đá.

Không gian tịch mịch, cỏ mọc tua tủa giữa các kẽ đá lát đường. Rác rưởi nằm la liệt dưới đất. Giữa những tòa nhà nhấp nhô bạc phéch nắng mưa quanh đó có một ngôi mang dáng dấp lâu đài, với những khung cửa sổ gô-tích nhọn trống hoác trống huơ, và những ban công đắp hình sư tử. Ở tầng trệt ngôi nhà khác có một hiệu thuốc. Thỉnh thoảng một làn gió nóng thổi tạt sang bên này mùi thuốc khử trùng.

Ông ngồi đó, bậc vĩ nhân, người nghệ sĩ khả kính, tác giả *Người khôn khổ*, từng gương mẫu dứt khoát cự tuyệt lối sống lang bạt và vực sâu tội lỗi, khước từ mọi cảm thông dành cho sự sa đọa và thẳng tay vứt bỏ những tư tưởng cần đào thải, người đã đạt đến đỉnh cao danh vọng, chế ngự được tri thức và vượt lên trên mọi mĩ mai, đã quen gánh vác trách nhiệm đối với lòng tín nhiệm của đông đảo quần chúng, con người mà danh thơm đã được chính thức công nhận, tên tuổi đã được phong lên hàng quý tộc, và bút pháp được đưa ra làm khuôn mẫu để giáo dục trẻ em - ông ngồi đó, mắt khép hờ, thỉnh thoảng mới lơ lơ hé mở, ném ra một tia liếc xéo nửa chế giễu nửa phân vân, từ làn môi mềm nhẽo nhờ thủ thuật thẩm mỹ làm cho căng mọng thốt ra những lời rời rạc do trí óc đã gần mê sảng chấp nhận theo lôgích quái lạ của một giấc chiêm bao.

“Vì cái đẹp, hỡi Phaidros - hãy ghi nhớ điều này! - chỉ có cái đẹp là vừa thần thánh vừa mục khả thị, và như thế cái đẹp là con đường cảm quan, Phaidros bé nhỏ của ta, là con đường đưa người nghệ sĩ tìm về tư tưởng. Bây giờ thì em tin ta rồi chứ, Phaidros thân yêu, rằng người nào thông qua nẻo cảm quan để đến cõi tinh thần cũng có thể trở nên thông thái và đạt tới chân giá trị của một con người? Hay ngược lại, em tin rằng (ta cho em tự do lựa chọn), đó là một con đường nguy hiểm đầy cám dỗ, có thể gọi không ngoa rằng đó là một con đường tội lỗi và lầm lạc, chắc chắn sẽ dẫn đến điều sai trái? Vì em phải biết rằng, chúng ta, những thi sĩ, không thể dẫn bước trên con đường cảm thụ cái đẹp mà không có thần ái tình Eros đi theo trợ lực, dẫn lối đưa đường; đúng thế, dù cho chúng ta có là những anh hùng theo cách riêng mình và là những chiến binh đức độ, thì về bản chất

chúng ta vẫn chẳng khác gì đám đàn bà, vì chính đam mê làm ta cao cả, và khát vọng của chúng ta chẳng thể nào khác tình yêu - đó là nguồn khoái cảm và nổi đê nhục của chúng ta. Giờ hẳn em đã thấy, rằng thi sĩ chúng ta chẳng thể nào thông thái và cũng không có may mắn phẩm giá? Rằng chúng ta tất yếu sẽ lạc lối lầm đường, tất yếu sẽ trở nên buông thả và thành những kẻ phiêu lưu trong tình cảm? Bút pháp bậc thầy trong văn chương của chúng ta chỉ là giả dối và lừa phỉnh, danh tiếng và địa vị chỉ là một trò hề, lòng tin tưởng công chúng dành cho ta thật là lối bịch, dùng nghệ thuật để giáo dục dân đen và trẻ nhỏ là một hành vi nên cấm ngặt. Vì làm sao một kẻ bẩm sinh đã có thiên hướng sa ngã và cứ luôn luôn ngựa quen đường cũ tìm về vực thẳm lại có thể xứng với bốn phận người thầy được? Chúng ta muốn chối bỏ điều này để tỏ ra đạo mạo, nhưng dù có xoay trở cách nào mặc lòng, vực sâu tội lỗi vẫn thu hút chúng ta. Vậy ta hãy khước từ tri thức mang tính hủy diệt đi, vì tri thức, hỡi Phaidros, chẳng có đạo đức và kỷ luật: tri thức là biết, là hiểu, là chấp nhận, không có quan điểm và hình thức; tri thức hàm chứa sự cảm thông với vực thẳm tội lỗi, nó chính là vực thẳm tội lỗi. Điều đó chúng ta cương quyết rũ bỏ, và từ nay trở đi chỉ còn tận tâm hướng tới cái đẹp, tức là hướng tới sự chân phương, tầm vóc mới và nguyên tắc mới, tái tạo tính hồn nhiên và hình thức. Nhưng hình thức và hồn nhiên, Phaidros ơi, lại dẫn đến mê say và thêm khát, khiến kẻ cao nhân đôi khi có những tình cảm xấu xa khủng khiếp mà theo quan điểm mỹ học bản thân họ vẫn tự coi là đê tiện, nó dẫn xuống vực thẳm, một vực thẳm tinh thần. Nó sẽ dẫn thi sĩ chúng ta tới đó, ta bảo thật, vì chúng ta không thể nào bay bổng được, chúng ta chỉ có thể sa ngã mà thôi. Giờ ta ra đi, Phaidros à, em ở lại đây; và khi nào không còn nhìn thấy ta nữa, thì em cũng ra đi". sau đó mấy ngày, buổi sáng Gustav von Aschenbach rời khách sạn muộn hơn thường lệ, vì ông thấy trong người khó ở. Ông bị những cơn chóng mặt hành hạ, không chỉ mệt mỏi về thể xác mà còn kèm theo tâm trạng sợ hãi và bất lực, một cảm giác bế tắc và tuyệt vọng, và ông không chắc tâm trạng ấy phản ánh tình hình ngoại cảnh hay

là quan hệ đến số phận của chính ông. Trong đại sảnh ông thấy một đồng lớn hành lý chuẩn bị sẵn sàng đợi chuyên chở. Hỏi người gác cửa xem ai ra đi, ông nhận được câu trả lời là cái tên gia đình quý tộc Ba Lan mà trong thâm tâm ông đã nghĩ tới. Ông nhận tin mà gương mặt tàn tạ không biến sắc, chỉ hơi hất nhẹ mái đầu như khi người ta tình cờ nghe được điều gì vô bổ, và hỏi thêm: “Chùng nào họ đi?” Người kia đáp: “sau bữa ăn trưa”. Ông gật đầu rồi xuống bãi tắm.

Bãi biển không còn nhộn nhịp. Trên dải nước phẳng nông chèo chia cắt lười cát dài đầu tiên ra khỏi bờ có những gợn sóng lăn tăn chạy đuổi nhau từ trước ra sau. Dường như cảnh thu hiu hắt, úa tàn đã phủ lên chốn ăn chơi ngày nào náo nhiệt sắc màu, nay gần như bị bỏ hoang, bãi cát cũng không còn được giữ cho sạch sẽ nữa. Một chiếc máy chụp hình, có lẽ vô chủ, đứng trên cái giá ba chân sát mép nước, và tấm khăn đen phủ bên trên bay phấp phật trong gió lạnh.

Tadzio đang chạy chơi với ba hay bốn đứa bạn còn sót lại phía bên phải túp lều của gia đình cậu, và Aschenbach ngả lưng trên chiếc ghế nằm kê ở khoảng giữa mí nước và dãy lều, một tấm chăn phủ lên đầu gối, một lần nữa ngắm nhìn cậu bé. Trò chơi thiếu sự giám sát của người lớn, vì đám phụ nữ chắc còn lo sửa soạn khởi hành, nên không theo một luật lệ nào và chẳng mấy chốc chuyển thành đánh lộn. Thằng bé mập mạp mặc bộ đồ đóng đai lưng, tóc đen vuốt dầu láng, được gọi tên “Jaschu”, nổi quạu vì bị ném một vốc cát vào mặt tối mắt tối mũi, xông vào vật lộn với Tadzio, và nhanh chóng quật ngã cậu bạn xinh đẹp yếu hơn. Nhưng hình như trong giờ già biệt tình cảm tuân phục của kẻ dưới đã chuyển thành thô bạo nhẫn tâm và như để trả thù cho thời kỳ nô lệ kéo dài, kẻ thắng cuộc không buông tha cho người chiến bại mà tiếp tục tì gối giữ chặt lưng, ấn mặt Tadzio xuống cát khiến cậu kia, vốn đã hụt hơi vì vật lộn, có nguy cơ ngạt thở. Cậu bé giãy giụa tìm cách hất gánh nặng trên lưng xuống, nằm bất động giãy lát, rồi chỉ còn co giật nhẹ nhẹ. Aschenbach hoảng hồn đã định nhảy đến cứu, thì kẻ cục súc cuối cùng cũng buông tha nạn nhân. Tadzio, mặt trắng

bạch, gượng dậy nửa chừng và ngồi lặng đi nhiều phút đồng hồ, một tay chống xuống cát, tóc rối bời, mắt tối sầm. Rồi cậu đứng hẳn dậy, chậm chạp bỏ đi. Bạn bè cất tiếng gọi, mới đầu còn vui vẻ, sau trở thành lo âu và khẩn khoản; cậu bỏ ngoài tai. Thằng bé tóc đen, có vẻ hối hận vì đã quá tay, đuổi theo cậu tìm cách làm lành. Tazio hát vai xua đuổi. Cậu đi xéo qua bãi cát xuống biển. Hôm nay cậu để chân trần và mặc bộ đồ lạnh kẻ sọc có chiếc nơ màu đỏ.

Bên mép nước cậu loanh quanh một hồi lâu, cúi đầu di di mũi chân vẽ hình lên cát ướt, rồi lội qua vũng nước nông, chỗ sâu nhất cũng chưa tới đầu gối, cậu thong thả ra tới tận lườn cát ngoài xa. Cậu dừng lại ở đó giây lát, mặt hướng ra khơi, rồi bắt đầu chậm chậm bước dọc theo dải cát hẹp nổi lên từ đáy nước đi sang bên trái. Bị làn nước rộng ngăn cách với đất liền, bị con hòn dãi tự ái ngăn cách với bè bạn, cậu bước đi, một mình một bóng lẻ loi, mái tóc bay tung, ngoài biển, trong gió, trên nền sương mờ mịt vô biên. Rồi cậu dừng lại lần nữa nhìn quanh quất. Và bất chợt, như sực nhớ ra, như có điều gì thôi thúc, cậu quay nửa người, một tay chống bên hông, với vẻ duyên dáng cố hữu của mình ngoái đầu qua vai nhìn vào bờ. Người chiêm ngưỡng ngồi đó, như ông từng ngồi, khi lần đầu tiên ánh mắt xám sẫm hoàng hôn kia được trao gửi từ ngưỡng cửa phòng ăn tới gặp ánh mắt ông. Đầu ông đang ngả trên lưng ghế, từ từ quay theo cử động của người bước đi ngoài xa; lúc này mái đầu ấy ngẩng cao lên, như để đón nhận ánh mắt người kia, rồi gục xuống ngực, mắt trợn ngược, trong lúc nét mặt ông giãn ra, thanh thản như chìm vào giấc ngủ say. Ông cảm thấy như thần Psychagog^[42] trắng toát và yêu kiều ngoài khơi đang mỉm cười với ông, vẫy gọi ông; hình như vị thần ấy vừa nhấc bàn tay đặt trên hông lên chỉ ra xa, rồi chấp chới bay lên dẫn đường vào khoảng không mênh mông đầy hứa hẹn. Và như bao lần trước, ông đứng dậy cất bước đi theo.

Mất vài phút sau người ta mới hấp tấp chạy tới cấp cứu người ngã gục nằm còng queo trong chiếc ghế. Họ đưa ông lên phòng. Và cùng ngày hôm đó, thế giới bàng hoàng kính cẩn nhận tin ông đã từ trần.

PHỤ LỤC

Thomas Mann, Cuộc Đời & Tác Phẩm

• 1875

Paul Thomas Mann ra đời ngày mùng 6 tháng 6 tại thành phố Lübeck nước Phổ, là con trai thứ hai trong một gia đình khá giả. Người cha, ông Thomas Johann Heinrich Mann, là một thương gia và chính khách hàng đầu của thành phố, còn người mẹ, bà Julia da SilvaBruhns, là con gái một điền chủ lớn và mang trong mình dòng máu pha trộn Đức - Braxin. Thomas Mann có một người anh trai là Heinrich (sinh năm 1871) và ba người em: Julia (sinh năm 1877), Carla (sinh năm 1881) và Viktor (sinh năm 1890).

• 1891

Cha mất, gia đình bán cơ sở kinh doanh ngũ cốc ở quê hương, mẹ và các em ông dọn về ở München. Thomas Mann ở lại Lübeck tiếp tục học trung học.

• 1893

Tham gia chủ biên tờ báo học đường *Cơn bão mùa xuân*.

• 1894

Thomas Mann bỏ dở bậc học phổ thông, theo mẹ dọn về München. Bí mật viết tác phẩm đầu tay *Sa ngã*, được đăng trên tờ báo *Xã hội* vào tháng 10 năm ấy.

• 1894 - 95

Thomas Mann tham dự nhiều khóa học dự thính tại trường Đại học kỹ

thuật München.

- 1895

Từ tháng 7 đến tháng 10: Thomas Mann và Heinrich Mann sang Ý du lịch, qua Palestrina và Roma.

- 1895 - 96

Đóng góp bài cho tờ báo *Thế kỷ hai mươi* do Heinrich Mann chủ biên.

- Tháng 10 năm 1896 đến tháng 4 năm 1898

Đi Ý lần thứ hai, phần lớn thời gian cùng Heinrich, ở Venice, Roma, Naples, Palestrina.

- 1897

Truyện *Ngài Friedemann bé nhỏ* được đăng trên tờ *Neue Deutsche Rundschau* vào tháng 5. Tháng 10 bắt tay vào viết *Gia đình Buddenbrook*.

- Mùa xuân 1898

Bắt đầu làm biên tập viên và sửa bài cho tạp chí *Simplicissimus* (tới tháng giêng năm 1900). Tập truyện ngắn *Ngài Friedemann bé nhỏ* được Nhà xuất bản S. Fischer ở Berlin phát hành.

- 1900

Ngày 13 tháng 8: Thomas Mann gửi bản thảo tiểu thuyết *Gia đình Buddenbrook* cho Samuel Fischer ở Berlin, người từ nay cho đến cuối đời chuyên xuất bản sách của ông.

- 1901

Gia đình Buddenbrook được phát hành thành hai tập vào tháng 10.

- 1903

Tristan. Sáu truyện ngắn ra mắt độc giả, trong đó có truyện ngắn *Tonio Kröger*.

- 1905

Ngày 11 tháng 2: Thomas Mann kết hôn với Katia Pringsheim. Ngày mừng 9 tháng 11: con gái Erika chào đời. Các tác phẩm *Giờ phút nguy nan* và *Dòng máu Wälsungen* xuất hiện, tuy nhiên *Dòng máu Wälsungen* bị rút lại không được đăng trên báo *Neue Rundschau*.

- 1906

Ngày 18 tháng 11: con trai Klaus chào đời.

- 1908

Xây ngôi nhà nghỉ mùa hè ở Bad Tölz.

- 1909

Ngày 27 tháng 3: con trai Golo chào đời. Tiểu thuyết *Hoàng thân điện hạ* ra mắt độc giả.

- 1910

Ngày mừng 7 tháng 6: con gái Monika chào đời. Ngày 30 tháng bảy: em gái Carla tự sát trong nhà mẹ Thomas Mann.

- 1911

Tháng 5/tháng 6: nghỉ mát ngắn ngày ở Venice. Tiểu luận *Bàn về nghệ thuật của Richard Wagner* ra đời tại đây. Tác phẩm *Chết ở Venice* được đăng trên báo *Neue Rundschau*.

- 1912

Từ tháng 5 đến tháng 9: Katia Mann phải đi điều dưỡng ở Davos, Thomas Mann đến thăm vợ ba tuần trong tháng 5. Tháng 7 năm 1913 bắt tay vào viết *Ngọn núi thần*, công việc bị bỏ dở vì chiến tranh thế giới lần thứ I.

- 1914

Khảo luận *Tư duy thời chiến* hình thành. Truyện ngắn *Thần đồng* ra mắt độc giả.

• 1915

Tháng 11: Khảo luận *Zola* của Heinrich Mann ra mắt độc giả, chĩa mũi nhọn phê phán cả vào Thomas Mann. Hai anh em bất hòa tới mức cắt đứt quan hệ.

• Mùa thu 1915 đến mùa xuân 1918

Viết *Những suy ngẫm của một người phi chính trị*, tác phẩm được phát hành tháng 10 năm 1918.

• 1918

Ngày 24 tháng 4: con gái Elisabeth chào đời.

• 1919

Tháng 4: tác phẩm *Chủ và chó* ra đời. Sau một thời gian dài gián đoạn Thomas Mann lại tiếp tục viết *Ngọn núi thần*. Ngày 21 tháng 4: con trai Michael chào đời.

• 1922

Đầu tháng giêng: Heinrich Mann lâm bệnh hiểm nghèo, hai anh em giảng hòa với nhau. Tháng 10: đọc bài diễn thuyết *Nước cộng hòa Đức*.

• 1923

Mẹ nhà văn qua đời.

• 1924

Tháng 11: *Ngọn núi thần* ra mắt độc giả.

• 1925

Truyện ngắn *Vô trật tự và nỗi đau đến sớm*. Tháng 3: du lịch Địa Trung Hải. Bắt tay vào viết bộ tiểu thuyết bốn phần về Joseph.

• 1927

Ngày 10 tháng 5: em gái Julia tự sát.

• 1929

Sáng tác *Bàn về Lessing*, khảo luận *Vị trí của Freud trong dòng tư tưởng hiện đại*. Thomas Mann được trao tặng giải Nobel văn học, chủ yếu nhờ tác phẩm *Gia đình Buddenbrook*. Truyện ngắn *Mario và nhà ảo thuật* ra đời.

• 1930

Ngày 17 tháng 10: Thomas Mann đọc diễn văn *Lời hiệu triệu dân Đức* tại Hội trường Beethoven ở Berlin chống đảng quốc xã, buổi lễ đã bị phá rối.

• 1933

Tập đầu của bộ tứ tiểu thuyết về Joseph, *Chuyện Jaakobs*, ra mắt độc giả. Tháng 2: Thomas Mann đọc bài diễn thuyết *Richard Wagner, nỗi đau và tài năng lớn* tại München, Amsterdam, Brussel và Paris. Từ chuyến nghỉ mát tiếp đó ông không quay trở về Đức nữa. Nhà cửa tài sản của ông bị Đức quốc xã tịch thu, tháng 6 năm ấy có lệnh truy nã ông. Cho tới năm 1938 ông sống ở Küsnacht bên bờ hồ Zürich.

• 1934

Cậu bé Joseph được xuất bản ở Berlin.

• Từ 1935 đến 1938

Nhiều lần sang Mỹ.

• 1936

Tháng 2: viết thư ngỏ *Gửi Eduard Korrodi*, chính thức bày tỏ quan điểm chống nước Đức quốc xã. Tháng 5: đọc diễn văn *Freud và tương lai* tại Viên. Tháng 10: *Joseph ở Ai Cập* được xuất bản tại Viên. Tháng 11: Thomas Mann nhập quốc tịch Tiệp Khắc, tháng 12 ông bị tước quốc tịch Đức. Bắt tay vào viết *Lotte ở Weimar*.

- 1938

Viết khảo luận *Người anh em Hitler*. Tháng 9: di cư sang Mỹ. Thomas Mann được mời làm giảng viên ở Đại học Princeton, ông làm việc ở đây cho tới năm 1940.

- 1939

Tiểu thuyết *Lotte ở Weimar* ra mắt độc giả. Tháng 9: du lịch châu Âu.

- Tháng 10 năm 1940 đến cuối năm 1945

Thomas Mann phụ trách một chương trình phát thanh được tiếp sóng qua đài BBC ở London, hằng tháng đưa tin vào nước Đức.

- 1940 đến 1943

Đi diễn thuyết nhiều nơi tại Mỹ và Canada.

- 1941 đến 1944

Giữ trách nhiệm “Đại diện văn học Đức” ở Washington. Gia đình ông dọn về ở California.

- 1943

Joseph, người nuôi sống được xuất bản ở Stockholm. Viết truyện ngắn *Điều luật về Moses*. Tháng 5: bắt tay vào viết *Bác sĩ Faustus*.

- 1944

Tháng 6: Thomas Mann nhập quốc tịch Mỹ.

- 1945

Viết bài diễn văn *Nước Đức và người Đức*, bài báo *Những trại giam*. Phổ biến thư ngỏ *Vì sao tôi không trở về Đức*.

- 1946

Tháng 4/tháng 5: phát hiện khối u phổi, cuộc phẫu thuật thành công.

- 1947

Từ tháng 4 đến tháng 9: du lịch châu Âu. Viết khảo luận *Triết học của Nietzsche dưới ánh sáng kinh nghiệm của chúng ta*. Tháng 10: *Bác sĩ Faustus* được xuất bản ở New York và Stockholm.

- 1948

Bắt đầu viết *Người được chọn*, gián đoạn để viết *Sự ra đời của Bác sĩ Faustus*.

- 1949

Từ tháng 4 đến tháng 8: du lịch châu Âu. Ngày 21 tháng 4: em trai Viktor qua đời ở München. Ngày 21 tháng 5: con trai Klaus tự sát. *Sự ra đời của Bác sĩ Faustus* ra mắt độc giả.

- 1950

Ngày 12 tháng 3: anh trai Heinrich Mann qua đời. Từ tháng 4 đến cuối tháng 8: du lịch châu Âu.

- Tháng 12 năm 1950 đến tháng 4 năm 1954

Lại bắt tay vào viết cuốn tiểu thuyết bị bỏ dở từ nhiều năm trước *Lời thú nhận của tay lừa đảo Felix Krull*.

- 1952

Tập khảo luận *Cũ và mới* ra đời. Quay trở lại châu Âu, dọn về ở hẻm Erlenbach gần Zürich.

- 1954

Tháng 4: dọn về ở Kilchberg bên hồ Zürich. Viết *Tiểu luận về Tsêkhốp*, *Tiểu luận về Schiller*, *Lời thú nhận của tay lừa đảo Felix Krull*. Hồi ký phần một ra mắt độc giả.

- 1955

Ngày 12 tháng 8: Thomas Mann từ trần sau một thời gian ngắn lâm bệnh và được mai táng tại Kilchberg gần Zürich.

BÊN LỀ TÁC PHẨM

Về hai nhân vật Tadzio và Jaschu ngoài đời: sau khi Thomas Mann qua đời, gia đình Ba Lan xuất hiện trong truyện *Chết ở Venice* lên tiếng nói về hình ảnh của mình trong tác phẩm, thừa nhận tác giả đã miêu tả chính xác đến từng chi tiết. Wladislaw Moers (sinh năm 1896), hình mẫu ngoài đời của Tadzio, đã viết:

“Hồi nhỏ tôi được coi là một đứa trẻ xinh đẹp, rất được các bà các cô ngưỡng mộ, đi ngoài phố cũng có người ôm hôn. Người ta đã vẽ nhiều chân dung và nhiều phác họa về tôi. Nhưng tôi còn nhớ rõ, những điều đó đối với tôi hoàn toàn không quan trọng; tôi thường xử sự một cách thân nhiên hết sức trẻ con, như những đứa trẻ được chiều chuộng và già trước tuổi thường hay thế. Thái độ ấy được lột tả trong *Chết ở Venice* một cách tuyệt vời, chính tôi cũng không thể tả về mình đúng hơn thế nữa. Chắc rằng trang phục khác thường của tôi khi ấy phải gây một ấn tượng mạnh mẽ cho nhà văn, nên ông mới miêu tả tỉ mỉ mọi chi tiết như vậy: giả dụ như bộ đồ vải lanh kẻ sọc có cái nơ đỏ, hoặc là cái áo khoác thủy thủ màu xanh kết khuy vàng mà tôi rất thích mặc”.

(Trích dẫn: de Mendelssohn, từ trang 877 trở đi)

Khi Luchino Visconti dựng bộ phim cùng tên dựa theo truyện ngắn này, “Jaschu” Fudakowski khi ấy đang ở London cũng lên tiếng tự nhận mình là một nhân vật trong truyện và có gửi cho một tờ báo tiếng anh tấm ảnh hai cậu bé đội mũ rom rộng vành chụp trên đảo Lido tháng Năm 1911.

• Chú thích •

[1] Nhạc sĩ Đức Richard Wagner (1813-1883) và tác phẩm Tristan và Isolde ông sáng tác ở Venice.

[2] Âm chỉ tình hình ngoại giao căng thẳng ở châu Âu trước thế chiến I. (Các chú thích trong truyện là của người dịch)

[3] Tức thành phố Munich, thủ phủ bang Bayern.

[4] “Luồng tư tưởng không ngừng vận động”

[5] Triết gia cổ La Mã (106-43 tr.CN)

[6] Vua Phổ (1712-1786), ba lần cất quân đánh chiếm xứ schlesien (silesia).

[7] Đại thi hào Đức (1759-1805).

[8] Vùng đất rộng lớn schlesien (silesia) thời Trung Cổ thuộc về đế quốc La Mã, do triều đình Áo quản lý, trong thế kỷ XVIII bị Friedrich Đại đế đánh chiếm nhập vào nước Phổ. sau thế chiến thứ hai bị chia tách, phần lớn nay thuộc Ba Lan, một phần nhỏ thuộc séc và phần còn lại thuộc Đức.

[9] Hiệp sĩ La Mã tử vì đạo ở đầu thế kỷ III.

[10] Đại văn hào Pháp (1694-1778), từ 1750-1753 là thượng khách trong triều đình Friedrich Đại đế.

[11] Cuộc chinh phạt xứ schlesien (silesia) lần thứ ba của Friedrich Đại đế, từ 1756-1763.

[12] Bá tước august von Platen (1796-1835) với nguyện vọng, ngày nào đó sẽ có một lữ khách hậu sinh đọc bài thơ Venice của ông mà đồng cảm thốt lên: “Nơi đây đã thỏn thức nhịp đập của một trái tim đầy cảm xúc”.

[13] Thuyền nhẹ đáy bằng, mũi cong, chuyên chở khách trên những dòng

kênh ở Venice.

[14] “Tạm biệt, xin lỗi và xin chào”.

[15] Gió nóng vùng Địa Trung Hải.

[16] Một loại canô nhỏ chạy máy hơi nước.

[17] Bức tượng cổ Hy Lạp bằng đồng thau hiện trưng bày ở Roma, thể hiện một thiếu niên ngồi cúi đầu nhể gai ở lòng bàn chân.

[18] Phäake hay Phaiake là cư dân đảo scheria, trong trường ca của Homer đã đưa odyssee về lại quê hương. Nghĩa bóng là người vô tư tận hưởng hạnh phúc.

[19] Vị thần tình ái trong huyền thoại Hy Lạp, con của nữ thần sắc đẹp aphrodite.

[20] Kritobulos (1410-1470), dịch giả và sử gia ở xứ Imbria.

[21] “Xui xẻo quá, thưa ngài”.

[22] Thần Heliot trong huyền thoại Hy Lạp, có nhiệm vụ mỗi ngày đánh cỗ xe tứ mã chở vầng thái dương qua bầu trời.

[23] Thần biển trong huyền thoại Hy Lạp.

[24] Thần ái tình trong hình hài em bé có cánh, bắn mũi tên chuyển thông điệp tình yêu. Tên trong các ngôn ngữ khác nhau: amor, Cupid, Eros...

[25] Vị thần trong huyền thoại Hy Lạp, cai quản con sông acheloos gần thành phố agrinion ở miền Tây nước này, cha các nàng tiên nữ sống dưới nước có tài thay hình đổi dạng nhanh như chớp.

[26] Học trò của triết gia cổ Hy Lạp socrates (469-399 tr.CN), cũng là nhân vật chính trong bài đối thoại của triết gia Platon (427-347 tr.CN).

[27] Trong huyền thoại Hy Lạp nàng semele là công chúa con vua Kadmos xứ Thebe, ăn ở với thần Zeus sinh ra thần Dionysus. Nhưng vì

Zeus chỉ tới với nàng vào ban đêm, nên semele tìm mọi cách để được thấy dung nhan người tình. Đến lúc thần Zeus hết cách thoái thác phải hiện hình với toàn bộ uy quyền trước mặt nàng thì semele không chịu nổi ấn tượng và xúc cảm quá lớn, bốc cháy thành than.

[28] Trong huyền thoại Hy Lạp có chuyện thần Zeus hóa thân thành chim đại bàng cắp chàng thiếu niên xinh đẹp Ganymed lên đỉnh olympus bắt làm tiên đồng hầu rượu các vị thần.

[29] Eos là nữ thần Rạng Đông, em gái thần mặt trời Helios và nữ thần mặt trăng selene, vì có tình ý với thần chiến tranh ares nên bị vợ vị thần này là nữ thần aphrodite trừng phạt, bắt nàng mỗi sáng khi tỉnh giấc thì đục vọng trời lên bắt buộc phải theo đuổi nam nhi hán tử nàng gặp trên đường. Do đó lúc bình minh má nàng đỏ bừng vì hổ thẹn.

[30] Hai chàng thợ săn ở xứ attika, theo huyền thoại Hy Lạp bị nữ thần Rạng Đông bắt cóc.

[31] orion trong huyền thoại Hy Lạp là con trai thần Poseidon, bị nữ thần Rạng Đông Eos theo đuổi, về sau biến thành một chòm sao trên trời.

[32] Thần Helios, anh của Eos.

[33] Theo huyền thoại Hy Lạp là vị thần cai quản đại dương, bờ biển và các thiên tai.

[34] Vị thần cai quản thiên nhiên, nửa người nửa thú.

[35] Chàng thiếu niên xinh đẹp được thần apollo yêu quý, cũng là đối tượng tương tư của nàng tiên gió Zephyros. Khi thần apollo chơi ném đĩa với Hyakinthos thì Zephyros nổi ghen thổi chiếc đĩa bay trúng đầu chàng trai.

[36] Âm chỉ apollo, vị thần của ánh sáng và nghệ thuật.

[37] Một loại đàn dây rất phổ biến thời cổ đại, thùng vuông, gảy bằng tay hay bằng móng.

[38] Chàng trai xinh đẹp bị các vị thần ghen tị làm cho say mê cái bóng của chính mình, quá đau khổ vì không thỏa nguyện mà qua đời biến thành loài hoa thủy tiên.

[39] Nhạc sĩ Đức Richard Wagner (1813-1883) và tác phẩm Tristan và Isolde ông sáng tác ở Venice.

[40] Bệnh viện trên quảng trường san Zanipolo ở san Marco.

[41] Dionysus, vị thần của các lạc thú trần tục, linh vật để thờ là tượng dương vật. Tục thờ cúng Dionysus được coi là từ châu Á du nhập vào Hy Lạp nên ông còn có tên là đấng ngoại thần.

[42] Vị thần đón linh hồn người chết đưa về thế giới bên kia.